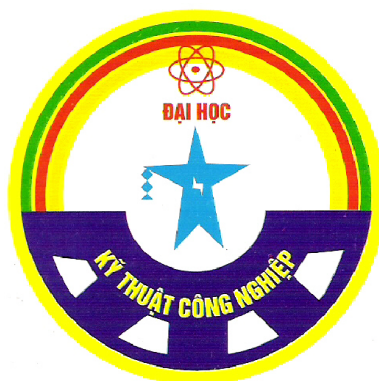


ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

(Phục vụ Đánh giá đồng cấp chất lượng giáo dục trường Đại học)

Thái Nguyên, năm 2017

MỤC LỤC

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ.....	4
PHẦN II: TỔNG QUAN CHUNG.....	7
PHẦN III: TỰ ĐÁNH GIÁ	17
Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học (2 tiêu chí).....	17
Tiêu chí 1.1.....	17
Tiêu chí 1.2.....	19
Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý (7 tiêu chí)	22
Tiêu chí 2.1.....	22
Tiêu chí 2.2.....	24
Tiêu chí 2.3.....	26
Tiêu chí 2.4.....	28
Tiêu chí 2.5.....	30
Tiêu chí 2.6.....	33
Tiêu chí 2.7.....	35
Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo (6 tiêu chí).....	38
Tiêu chí 3.1.....	38
Tiêu chí 3.2.....	40
Tiêu chí 3.3.....	42
Tiêu chí 3.4.....	43
Tiêu chí 3.5.....	44
Tiêu chí 3.6.....	46
Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo (7 tiêu chí).....	49
Tiêu chí 4.1.....	49
Tiêu chí 4.2.....	52
Tiêu chí 4.3.....	52
Tiêu chí 4.4.....	55
Tiêu chí 4.5.....	57
Tiêu chí 4.6.....	59
Tiêu chí 4.7.....	60
Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên (8 tiêu chí)	63
Tiêu chí 5.1.....	63
Tiêu chí 5.2.....	65
Tiêu chí 5.3.....	67
Tiêu chí 5.4.....	69
Tiêu chí 5.5.....	70
Tiêu chí 5.6.....	72
Tiêu chí 5.7.....	73
Tiêu chí 5.8.....	75

Tiêu chuẩn 6: Người học (9 tiêu chí)	78
Tiêu chí 6.1.....	78
Tiêu chí 6.2.....	80
Tiêu chí 6.3.....	82
Tiêu chí 6.4.....	84
Tiêu chí 6.5.....	86
Tiêu chí 6.6.....	88
Tiêu chí 6.7.....	90
Tiêu chí 6.8.....	92
Tiêu chí 6.9.....	93
Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ (7 tiêu chí).....	96
Tiêu chí 7.1.....	97
Tiêu chí 7.2.....	99
Tiêu chí 7.3.....	99
Tiêu chí 7.4.....	100
Tiêu chí 7.5.....	102
Tiêu chí 7.6.....	103
Tiêu chí 7.7.....	104
Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế (3 tiêu chí)	108
Tiêu chí 8.1.....	108
Tiêu chí 8.2.....	111
Tiêu chí 8.3.....	114
Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác (9 tiêu chí)....	117
Tiêu chí 9.1.....	118
Tiêu chí 9.2.....	120
Tiêu chí 9.3.....	121
Tiêu chí 9.4.....	122
Tiêu chí 9.5.....	124
Tiêu chí 9.6.....	126
Tiêu chí 9.7.....	128
Tiêu chí 9.8.....	129
Tiêu chí 9.9.....	130
Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính (3 tiêu chí).....	134
Tiêu chí 10.1.....	134
Tiêu chí 10.2.....	136
Tiêu chí 10.3.....	137
PHẦN IV: KẾT LUẬN.....	140
TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ.....	141

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Mục đích tự đánh giá

Trong thời kỳ đổi mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, nguồn lực con người càng trở nên có ý nghĩa quan trọng, quyết định sự thành công của công cuộc phát triển đất nước. Giáo dục và đào tạo ngày càng có vai trò và nhiệm vụ quan trọng trong việc xây dựng một thể hệ người Việt Nam mới, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Chất lượng giáo dục là một trong những vấn đề quan trọng quyết định đến sự tồn tại và phát triển của nhà trường. Nhu cầu xã hội ngày càng đòi hỏi nguồn nhân lực chất lượng cao, vì vậy việc nâng cao chất lượng đào tạo; công khai, cam kết với xã hội về chất lượng đào tạo trong các trường đại học là yêu cầu tất yếu và cấp bách.

Tự đánh giá nhà trường là một quá trình Nhà trường tự xem xét, nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành để báo cáo về tình trạng chất lượng giáo dục, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác để Nhà trường tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Đây là điều kiện cần thiết để Nhà trường đăng ký đánh giá ngoài và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng với một tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

Đánh giá chất lượng giáo dục còn thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Trong quá trình tự đánh giá, làm cho mọi thành viên trong nhà trường hiểu rõ nội dung từng tiêu chuẩn, nội hàm các tiêu chí, quy trình tự đánh giá, từ đó mọi người có trách nhiệm khắc phục các tồn tại, thiếu sót và hoàn thiện dần các mặt, các hoạt động, tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện đúng Sứ mạng và mục tiêu đã công bố.

Căn cứ Thông tư số 62/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm

định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp; trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Thái Nguyên đã tiến hành hoạt động tự đánh giá Nhà trường, bao gồm thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các nhóm công tác chuyên trách, tập huấn, lập kế hoạch tự đánh giá.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của trường theo các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trong một chu kỳ kiểm định chất lượng. Việc đánh giá Nhà trường theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học gồm 10 tiêu chuẩn, 61 tiêu chí, được ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT ngày 04 tháng 03 năm 2014 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo.

3. Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách được thành lập theo Quyết định số 36/QĐ-ĐHKTCN ngày 12 tháng 06 năm 2015, quyết định số 345/QĐ-ĐHKTCN ngày 15/07/2016 và quyết định số 125/QĐ-ĐHKTCN ngày 26 tháng 12 năm 2016 về việc kiện toàn Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách tự đánh giá chất lượng trường đại học của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Thái Nguyên. Hội đồng gồm có 29 thành viên (danh sách như trên).

4. Kế hoạch huy động các nguồn lực

Các thành viên Hội đồng tự đánh giá là Lãnh đạo Trường; Trường, Phó phòng/ khoa/trung tâm. Các nhóm công tác chuyên trách là các Lãnh đạo đơn vị, tổ trưởng, giảng viên, chuyên viên, các cán bộ của các tổ chức, đoàn thể ...được phân chia làm 8 nhóm phụ trách các tiêu chuẩn như sau:

- Nhóm 1 phụ trách tiêu chuẩn 1 và 2;
- Nhóm 2 phụ trách tiêu chuẩn 3 và 4;
- Nhóm 3 phụ trách tiêu chuẩn 5;
- Nhóm 4 phụ trách tiêu chuẩn 6;
- Nhóm 5 phụ trách tiêu chuẩn 7;
- Nhóm 6 phụ trách tiêu chuẩn 8;
- Nhóm 7 phụ trách tiêu chuẩn 9;
- Nhóm 8 phụ trách tiêu chuẩn 10.

Nhà trường sử dụng cơ sở vật chất sẵn có của nhà trường, của các đơn vị, đồng thời có thể trang bị thêm các phương tiện cần thiết cho phục vụ công tác tự đánh giá, lập kế hoạch các mức chỉ cho các hoạt động tự đánh giá trên cơ sở lập dự trù kinh phí và xét duyệt của Nhà trường.

5. Phương pháp và công cụ tự đánh giá

Công văn số: 527/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 23/05/2013 của Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc Ban hành hướng dẫn sử dụng tiêu chí đánh giá chất lượng trường đại học.

Công văn số: 462/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 09/5/2013 của Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc Ban hành hướng dẫn tự đánh giá trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp.

Công văn số 1237/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 3/8/2016 của của Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng trường đại học.

Phương pháp mã hóa minh chứng: Mã minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 8 ký tự; bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 4 chữ số, theo công thức: **Hn.a.b.c**. Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được đặt ở trong 1 hộp hoặc một số hộp);
- n: số thứ tự của hộp minh chứng (có giá trị từ 1 đến hết);
- a: số thứ tự của tiêu chuẩn (có giá trị từ 1 đến 10);
- b: số thứ tự của tiêu chí (có giá trị từ 1 đến hết số tiêu chí trong mỗi tiêu chuẩn);
- c: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (có giá trị từ 1 đến hết).

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện, nếu cần thiết Nhà trường sẽ có kế hoạch nhờ các chuyên gia từ bên ngoài.

PHẦN II: TỔNG QUAN CHUNG

1. Sứ mạng và mục tiêu của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp được thành lập theo quyết định số 164/CP ngày 19/8/1965 của Thủ tướng chính phủ. Qua nhiều lần đổi tên và chức năng, nhiệm vụ đến năm 1994, Trường trở thành cơ sở giáo dục đại học thành viên của Đại học Thái Nguyên.

Sứ mạng của Nhà trường được tuyên bố rõ ràng bằng văn bản, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của trường: *“Đào tạo nguồn nhân lực đại học, Sau đại học, từng bước đạt chuẩn Quốc tế đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tiếp cận phương thức nghiên cứu khoa học của các nước phát triển; nghiên cứu khoa học gắn liền với đào tạo và phát triển sản phẩm phục vụ trực tiếp doanh nghiệp và xã hội. Tiếp thu văn hóa tiên tiến đi đôi với giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc”*

Chiến lược, kế hoạch phát triển của Nhà trường là tập trung mọi nguồn lực xây dựng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp thành trường Đại học trọng điểm của đất nước tiếp cận với khu vực và quốc tế theo tinh thần của Nghị quyết số 29 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 9 (khóa XI) về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo được thể hiện rõ trong các nghị quyết của đại hội đảng bộ trường lần thứ XII, XII, các nghị quyết năm, quý của Đảng ủy, các kế hoạch từ dài hạn tới ngắn hạn, nghị quyết hội nghị cán bộ viên chức hàng năm cũng như trong các nghị quyết của đoàn thể.

Hiện nay Nhà trường đang có 17 ngành đào tạo đại học, trong đó 15 ngành đào tạo đại trà (bao gồm 26 chương trình đào tạo) và 02 ngành đào tạo theo chương trình tiên tiến; 08 chuyên ngành đào tạo sau đại học (trong đó có 6 chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ và 2 chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ). Trường có 8 khoa đào tạo chuyên môn: Cơ khí, Điện, Điện tử, Xây dựng và Môi trường, Kỹ thuật Ô tô và Máy động lực, Kinh tế Công nghiệp, Sư phạm Kỹ thuật và khoa Quốc tế.

Trải qua 51 năm xây dựng và trưởng thành, Nhà trường được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng. Đến nay, trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp trở thành trường Đại học đứng đầu khối không chuyên trong cả nước về triển khai thành công Đề án ngoại ngữ quốc gia 2020 cho cả giảng viên và sinh viên cũng như sử dụng tiếng Anh trong đào tạo và NCKH.

Tư tưởng chỉ đạo mang tính chiến lược trong suốt 5 năm vừa qua là nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học (NCKH) thông qua hội nhập quốc tế, đưa mô hình giáo dục đại học tiên tiến vào Nhà trường đồng thời giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, vươn tới những giá trị thật, hiện đại, xóa bỏ giá trị ảo, định lượng hóa, công bằng trong đánh giá nhằm đưa Nhà trường tiếp cận với trình độ của khu vực và quốc tế.

2. Những phát hiện chính trong quá trình triển khai Tự đánh giá

2.1. Khái quát chung

Để nhìn nhận một cách tổng quát những việc đã làm được, chưa làm được và đề ra chiến lược hợp lý nhằm phát triển Nhà trường trong những năm tới, năm 2016, Nhà trường thực hiện công tác tự đánh giá. Trên cơ sở tuân thủ nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo Nhà trường đã triển khai tự đánh giá theo 10 tiêu chuẩn trong phạm vi toàn bộ nhà trường. Điều này cũng thể hiện được tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường đối với xã hội trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phù hợp với mục tiêu sứ mạng của nhà trường đã được đề ra trong Kế hoạch chiến lược năm 2011 - 2020 đã được phê duyệt.

Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp được thực hiện theo quy định của Điều lệ trường đại học và được cụ thể hoá trong quy chế về tổ chức và hoạt động của nhà trường, hợp lý và có tính chuyên môn hóa và linh hoạt cao, phù hợp với thực tế nhằm thực hiện thành công sứ mạng và mục tiêu phát triển của Trường.

Nhà trường xây dựng một cách đồng bộ, đầy đủ, theo đúng quy định hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của nhà

trường; hệ thống văn bản được phổ biến rộng rãi trong toàn trường và chỉnh sửa bổ sung kịp thời để đảm bảo sự phù hợp và tính hiệu quả.

Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được phân định rõ ràng. Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong trường hoạt động hiệu quả và hằng năm được đánh giá tốt; các hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể thực hiện theo quy định của pháp luật. Có các chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của nhà trường; có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của Nhà trường. Thực hiện đầy đủ chế độ định kỳ báo cáo Đại học Thái Nguyên và Bộ Giáo dục và Đào tạo về các hoạt động và lưu trữ đầy đủ các báo cáo của Nhà trường.

Chương trình đào tạo của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Nhà trường hiện đang triển khai thực hiện 26 chương trình đào tạo đại học đại trà, 2 chương trình đào tạo đại học tiên tiến, 4 chương trình liên kết đào tạo quốc tế giảng dạy bằng tiếng Anh, 6 chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ và 2 chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

Nhà trường đã tổ chức xây dựng các Chương trình đào tạo với sự tham gia của các giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức, hội nghề nghiệp và các nhà tuyển dụng lao động theo quy định. Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và thái độ, đồng thời đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Chương trình đào tạo được Nhà trường định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc cả nước. Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với các trình độ đào tạo và chương trình khác. Chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá và thực hiện cải

tiền chất lượng dựa trên kết quả đánh giá sau mỗi khóa tốt nghiệp.

Về hoạt động đào tạo, Nhà trường có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên; chú trọng việc triển khai đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học.

Công tác khảo thí được thực hiện theo đúng quy chế thi và kiểm tra, nên đã tạo ra trong Nhà trường một môi trường thi và kiểm tra nghiêm túc và lành mạnh. Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo; đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.

Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Văn bằng, chứng chỉ được cấp theo quy định và được công bố trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

Có và lưu trữ đầy đủ cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của nhà trường, tình hình sinh viên tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp. Có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

Nhà trường rất quan tâm về công tác Đảm bảo chất lượng giáo dục. Đó là thường xuyên có những điều chỉnh kịp thời về tổ chức đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Hàng năm đều tổ chức đánh giá sinh viên tốt nghiệp theo chuẩn đầu ra; trong mỗi kỳ học đều tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên; định kỳ một năm hai lần cập nhật đầy đủ thông tin theo quy định lên hệ thống Ba công khai; đã hoàn thành kiểm định hai chương trình đào tạo và đang chuẩn bị đánh giá ngoài hai chương trình tiếp theo.

Nhà trường có kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên, đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ

thể của trường, có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước để thực hiện chương trình giáo dục và nghiên cứu khoa học. Đến năm 2016, Nhà trường có 588 CBVC trong đó có 406 giảng viên 16 PGS (4,0%), 45 Tiến sỹ (11%), 276 Thạc sỹ (68%), có 40 giảng viên đang học thạc sỹ, tiến sỹ ở nước ngoài. Quy mô sinh viên chính quy hiện tại của Trường là 7174, trong đó có 84 học viên cao học và nghiên cứu sinh. Tỷ lệ sinh viên trên giảng viên quy đổi là 18.02 phù hợp với chuẩn quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo.

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đủ số lượng (chiếm khoản 30%), có năng lực chuyên môn và được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

Trong quá trình thực hiện sứ mạng và mục tiêu của mình, trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã xác định lấy Người học là trung tâm trong công tác đào tạo. Người học được hướng dẫn đầy đủ về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các yêu cầu kiểm tra đánh giá; được đảm bảo chế độ chính sách xã hội, được khám sức khỏe theo quy định y tế học đường; được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của nhà trường; được rèn luyện chính trị tư tưởng đạo đức lối sống, được tham gia các hoạt động đoàn thể...

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp tuy có vị trí địa lý không thuận lợi như các trường Đại học ở các thành phố trọng điểm như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng trong 5 năm qua Nhà trường đã thiết lập và phát triển được mối quan hệ thân thiết với 4 trường Đại học ở Hoa Kỳ, tại CHLB Đức, Hàn Quốc và Trung quốc mỗi nước đều có 1 trường Đại học đối tác. Trường Đại học Missouri, Hoa Kỳ đã ký thỏa thuận hợp tác chấp nhận sinh viên 2 chương trình tiên tiến của trường được chuyển tiếp sang học 2 năm cuối và được cấp bằng từ phía trường bạn. Trong thời gian vừa qua 245 lượt cán bộ chủ chốt, giảng viên, CBVC đã được ra nước ngoài thăm quan, học tập ngắn hạn, 24 cán bộ chủ chốt đã được sang Hoa Kỳ học tiếng Anh, 75 lượt giáo sư nước ngoài chủ yếu là giáo

sur Hoa Kỳ đến giảng dạy chương trình tiên tiến, 75 lượt giảng viên của trường được cử sang Hoa Kỳ tập huấn phương pháp giảng dạy và tham gia NCKH, 65 lượt sinh viên trao đổi quốc tế đã đến trường học tập, tham gia nghiên cứu, 23 lượt sinh viên của Nhà trường được ra nước ngoài theo chương trình trao đổi sinh viên quốc tế. Câu lạc bộ tiếng Anh của sinh viên lấy sinh viên chương trình tiên tiến làm nòng cốt thực sự đã tạo nên một môi trường quốc tế, môi trường học tiếng Anh.

Với tư tưởng đưa giáo dục và đào tạo tiếp cận với trình độ của khu vực và quốc tế, nên việc xây dựng cơ sở vật chất được đặt ra cũng phải hiện đại ngang tầm khu vực và quốc tế, theo mô hình của các trường đại học tiên tiến. Từ giảng đường đến máy móc, thiết bị, phòng thí nghiệm, thư viện, hệ thống thông tin, các xưởng thực tập v.v. đều được trang bị đầy đủ, hiện đại đáp ứng hầu hết các yêu cầu theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.2. Điểm mạnh

2.2.1. Tổ chức và quản lý

Đối chiếu với yêu cầu của Tiêu chuẩn 2, những điểm nổi bật trong công tác tổ chức và cán bộ là: Công tác tổ chức được thực hiện theo mô hình chuyên môn hóa cao phù hợp với năng lực quản lý của đội ngũ. Công tác cán bộ bước đầu đã triển khai thành công việc định lượng hóa trong đánh giá cán bộ, trong xét lương tăng thêm và các khoản phụ cấp, trong xét thi đua hàng năm v.v. từng bước thực hiện công bằng xã hội trong Nhà trường.

2.2.2. Chương trình đào tạo và tổ chức đào tạo

Đối chiếu với yêu cầu của Tiêu chuẩn 3, điểm nổi bật là đã có 22 chương trình đào tạo đại học được rà soát và điều chỉnh năm 2013 nhằm khắc phục những tồn tại của các chương trình đào tạo mang tính liên thông cao trong đào tạo theo Hệ thống tín nhưng lại bị những lỗ hổng lớn trong khối kiến thức chuyên ngành. Hai chương trình tiên tiến cũng được rà soát và điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn của Việt Nam sau những khóa tốt nghiệp đầu tiên vào năm 2015. Tám chương trình đào tạo sau đại học cũng được rà soát, điều chỉnh và

hiện đại hóa theo các chương trình tương ứng của Hoa Kỳ.

Đôi chiếu với yêu cầu của Tiêu chuẩn 4, điểm nổi bật trong tổ chức đào tạo là việc tổ chức đào tạo tiếp tục kế thừa và phát triển kinh nghiệm sau 10 năm đào tạo theo Hệ thống tín chỉ. Tương tác thầy trò qua trang E-Learning trên Internet học tập từ Đại học Buffalo thuộc bang New York, Hoa Kỳ cho thấy đã tạo nên một môi trường có thể kiểm soát được phần lớn quá trình dạy và học trước và sau giờ lên lớp, thay đổi hẳn phương pháp giảng dạy của giảng viên. Việc 70% học phần sử dụng giáo trình tiếng Anh để soạn bài, ra 60 bài tập và nhiệm vụ về nhà cho sinh viên/1 tín chỉ cũng như sử dụng đến 3 đánh giá thường xuyên/ 1 tín chỉ thực sự đã đưa việc tổ chức giảng dạy và đánh giá đã đưa giảng viên và sinh viên tiếp cận với môi trường giáo dục tiên tiến. Việc phân cấp quản lý đào tạo giữa Nhà trường và các khoa chuyên môn đã tạo nên môi trường tự chịu trách nhiệm cho mỗi cấp và đảm bảo kết quả học tập của sinh viên được đánh giá tin cậy. Tỷ lệ sinh viên/ giảng viên quy đổi đạt 18,02 nếu tính cả số lượng giảng viên đang học cao học và NCS ở nước ngoài, đạt chuẩn quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo.

2.2.3. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên

Theo yêu cầu của Tiêu chuẩn 5, thì những điểm nổi bật ở tiêu chuẩn này là: Nhà trường xác định tiếng Anh phải đi trước một bước đối với giảng viên theo nguyên tắc học tiếng Anh phải đi đôi với việc sử dụng tiếng Anh. Đến nay, 95% giảng viên giảng dạy lý thuyết của trường đã đạt Toefl-ITP450 điểm trở lên và 61% đạt Toefl-ITP500 trở lên, đưa Nhà trường trở thành trường đứng đầu khối không chuyên về triển khai thành công Đề án ngoại ngữ quốc gia 2020. Tiếng Anh đang được sử dụng trong đào tạo và NCKH có hiệu quả. Bên cạnh việc cử cán bộ giảng viên đi NCS, học cao học trong nước, trong 5 năm vừa qua Nhà trường đã cử được 69 giảng viên ra nước ngoài NCS và học cao học thông qua các Đề án 322; 911; 599 và các chương trình song phương khác, 75 lượt giảng viên của trường đã được cử sang Hoa Kỳ tập huấn phương pháp giảng dạy và tham gia NCKH.

2.2.4. Người học

Điểm nổi bật trong công tác sinh viên của Nhà trường đối chiếu với yêu cầu của tiêu chuẩn 6 là đã tạo ra được phong trào tự học tiếng Anh trong sinh viên theo tinh thần “Bình dân học vụ” do Chủ tịch Hồ Chí Minh khởi xướng năm 1945. Đến nay, 3224 sinh viên của Nhà trường đã đạt Toefl - ITP400 trở lên tạo nên một điểm sáng về thành công của đề án ngoại ngữ quốc gia 2020 trong cả nước. Đổi mới công tác quản lý sinh viên đã đưa được 3000 sinh viên vào ở KTX, gấp 3 lần so với trước năm 2011. Sinh viên ngoại trú buộc phải sinh hoạt tại cộng đồng dân cư nơi cư trú như công dân của địa phương sau mỗi học kỳ đều có bản kiểm điểm về kết quả rèn luyện có xác nhận của địa phương. Hình ảnh sinh viên trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp hôm nay là học tập, là tiếng Anh, là tham gia các phong trào sinh viên tình nguyện với 20 câu lạc bộ tình nguyện, học thuật và sở thích sinh hoạt trong môi trường tập thể không chỉ trong khuôn viên trường. Tệ nạn xã hội đã lùi ra khỏi cộng đồng sinh viên của trường. Đa số sinh viên của Nhà trường tốt nghiệp sau một năm đều có việc làm hoặc tự tạo được việc làm (90%).

2.2.5. Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Từ 2011 đến nay đã có 648 kết quả nghiên cứu được công bố trên các tạp chí chuyên ngành, trong số đó có 33% là công bố quốc tế được xếp hạng ISI, SCI, SCIE, có số xuất bản ISSN/ISBN; đã có 48 sản phẩm của các đề tài NCKH đã được đưa vào trong giảng dạy và NCKH. Mặc dù số lượng đề tài NCKH trong năm 2013, 2014 giảm mạnh do thay đổi cách đánh giá, nhưng đến năm 2015 và đặc biệt 2016 số đề tài NCKH cấp cơ sở đã tăng lên rõ rệt. Trong 5 năm qua, trong số các đề tài cấp Bộ và cấp Đại học, có 76,5% các đề tài có gắn với đào tạo sau đại học, 100% sản phẩm các đề tài có tính khoa học và thực tiễn, 91% các đề tài có sản phẩm đào tạo và 99,8% đề tài có sản phẩm ứng dụng.

Từ năm 2011 đến năm 2015, Nhà trường đã ký kết 579 hợp đồng kinh tế - chuyển giao công nghệ với các doanh nghiệp và các dự án khoa học công nghệ của nhiều tỉnh miền núi phía Bắc với giá trị quyết toán gần 62 tỉ đồng. Để tiếp

cận khu vực, tăng cơ hội hợp tác và bước đầu hội nhập quốc tế trong NCKH và CGCN, năm 2015 Nhà trường đã xây dựng 7 định hướng NCKH mũi nhọn, phát huy thế mạnh của trường, đáp ứng nhu cầu thực tế.

Đối chiếu với yêu cầu của Tiêu chuẩn 8, trong 5 năm qua, Nhà trường đã triển khai được các hoạt động hợp tác quốc tế có hiệu quả về đào tạo, thể hiện qua các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật; các chương trình trao đổi giảng viên và người học, các hoạt động tham quan khảo sát như đã nói ở trên. Giảng viên của Nhà trường trong quá trình NCS và học cao học ở nước ngoài đã phối hợp NCKH với giáo sư nước ngoài triển khai tốt các đề án, dự án và có nhiều công bố quốc tế.

2.2.6. Cơ sở vật chất và tài chính

Cơ sở vật chất của hiện tại của Nhà trường thực chất đã đạt và vượt tiêu chuẩn của Nhà nước, tiếp cận với khu vực và thế giới đặc biệt là máy móc và thiết bị. Đối chiếu với yêu cầu của các tiêu chí thuộc Tiêu chuẩn 9, một số chỉ tiêu vượt yêu cầu: diện tích đất khoảng 44 m²/ sinh viên lớn hơn quy định (25m²/ sinh viên); diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo là 4,29 m²/ sinh viên lớn hơn theo quy định (3 m²/ sinh viên); có phòng làm việc cho giảng viên là GS, PGS và TS: 1 người/1 phòng, giảng viên có trình độ ThS, KS: 2 người/một phòng. Khuôn viên Nhà trường thực sự là một khuôn viên hiện đại, xanh, sạch, đẹp; tuy có chỉ tiêu đạt thấp như số sinh viên được ở nội trú chỉ vào khoảng 45% tổng số sinh viên của trường.

Đối chiếu với yêu cầu của Tiêu chuẩn 10, kinh phí của Nhà trường luôn đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho CBVC, trong thu nhập của CBVC toàn trường hàng tháng gấp 2,1 lần so với lương và phụ cấp do Nhà nước cấp. Kinh phí của Nhà trường cũng đảm bảo cho các hoạt động khác của trường như văn hóa, văn nghệ, thể thao được tổ chức trong năm. Nhà trường đã tự chủ được hơn 70% nguồn thu tài chính và chỉ phụ thuộc vào ngân sách của Nhà nước khoảng 30%. Việc phân bổ tài chính cho các hoạt động và chi tiêu chủ yếu tập trung cho con người và chuyên môn đạt hiệu quả cao. Công tác quản lý tài chính

tài sản được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước, của Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục & Đào tạo và theo sự hướng dẫn của Đại học Thái Nguyên.

2.3. Điểm tồn tại

Đội ngũ giảng viên trẻ dưới 35 tuổi là 226/401 chiếm tỷ lệ 56%, kết hợp với thực tiễn những giảng viên có trình độ năng lực cao bận công tác lãnh đạo và quản lý là nguyên nhân chính của việc thiếu các đầu ngành khoa học thực sự để dẫn dắt thế hệ trẻ. Hơn nữa, một bộ phận giảng viên trong độ tuổi (khoảng 5%) chưa bắt kịp được với quá trình đổi mới của Nhà trường, như chưa đạt được chuẩn tiếng Anh Toefl-ITP 450, năng lực sử dụng tiếng Anh trong đào tạo và NCKH còn yếu, năng lực triển khai NCKH thực còn yếu, nên có những ảnh hưởng không tích cực đến quá trình đổi mới nhà trường là những cản trở chính trong việc phối hợp nghiên cứu khoa học có hiệu quả với các trường đại học trong và ngoài nước cũng như với các doanh nghiệp trong nước. Một số ít máy móc, thiết bị hiện đại cũng chưa khai thác thật hiệu quả cũng xuất phát từ lý do con người. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên còn chiếm tỷ lệ cao đến 30% và trong nghị quyết Hội nghị CBVC năm 2016 đã khẳng định không tuyển mới CBVC khối văn phòng và phục vụ.

3. Kết luận

Mặc dù còn một số tồn tại như đã nêu, đặc biệt là hiệu quả liên kết với các doanh nghiệp trong nước và kết quả phối hợp nghiên cứu khoa học với các đối tác nước ngoài còn hạn chế cũng như những cản trở của nhân tố con người chưa bắt kịp thời đại, nhưng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp có rất nhiều điểm mạnh và đạt được nhiều kết quả quan trọng trong quá trình phát triển là thắng lợi của tư tưởng kế thừa truyền thống 51 năm xây dựng và trưởng thành, nhanh chóng đưa mô hình giáo dục đại học tiên tiến vào áp dụng trong Nhà trường thông qua hội nhập quốc tế đồng thời giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

PHẦN III: TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học (2 tiêu chí)

Mở đầu

Trường ĐHKTCN được thành lập ngày 19/8/1965 theo quyết định số 164/CP của Hội đồng Chính phủ về việc mở phân hiệu đại học Bách khoa tại khu Gang thép Thái Nguyên. Sứ mạng, mục tiêu của Nhà trường được xác định bằng văn bản, có nội dung rõ ràng và phù hợp với sự phát triển của Nhà trường. Trong quá trình phát triển, Nhà trường đã nhiều lần điều chỉnh sứ mạng và mục tiêu cho phù hợp với xu thế phát triển của địa phương và cả nước.

Tiêu chí 1.1. Sứ mạng của trường đại học được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

1. Mô tả

Sứ mạng của trường ĐHKTCN được nêu rõ trong “Kế hoạch chiến lược phát triển trường ĐHKTCN giai đoạn 2010-2015 và tầm nhìn đến năm 2020”: “*Đáp ứng những nhu cầu về cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý trong lĩnh vực công nghiệp, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của khu vực trung du, miền núi phía Bắc và cả nước*” [H1.1.1.1]. Sứ mạng của Nhà trường đã được điều chỉnh trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường ĐHKTCN năm 2013 và 2015, cụ thể: “*Đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học đáp ứng chuẩn trong nước và quốc tế. Tổ chức, phối hợp nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trong và ngoài nước trên các lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đặc biệt là các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc*” [H1.1.1.2].

Sứ mạng của Nhà trường luôn phù hợp, theo sát chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường là “*đào tạo và bồi dưỡng cán bộ kỹ thuật công nghiệp trình độ đại học và sau đại học*” được ghi trong Quyết định thành lập trường năm 1965, Quyết định đổi tên trường [H1.1.1.3] và Nghị định 31/CP/1994 của Chính phủ

về việc thành lập ĐH Thái Nguyên [H1.1.1.4].

Sứ mạng của Nhà trường được xây dựng dựa trên những nguồn lực về đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất của Nhà trường. Nguồn nhân lực Nhà trường tại thời điểm tháng 8 năm 2016 có 588 CBVC, trong đó có 406 giảng viên bao gồm 61 phó giáo sư và tiến sĩ, 276 thạc sĩ [H1.1.1.5]. Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất đáp ứng thực hiện sứ mạng bao gồm: 35 ha khuôn viên với 67 phòng học, 6.033m² nhà làm việc của các đơn vị chức năng, 10.351m² nhà làm việc của giảng viên, 45 phòng thí nghiệm, 17 phòng xưởng thực tập, thực hành, 19.000 m² ký túc xá, 3.476 m² thư viện [H1.1.1.6] với trang thiết bị hiện đại, đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của giảng viên và sinh viên. Trong giai đoạn 2011 - 2016, Nhà trường đã có 621 đề tài được phê duyệt, trong đó, 549 đề tài cấp cơ sở, 59 đề tài cấp Bộ tương đương, 3 đề tài cấp Tỉnh, 9 đề tài cấp Bộ, 1 đề tài nghiên cứu cơ bản cấp Nhà nước [H7.7.2.1].

Sứ mạng của Nhà trường gắn liền với định hướng phát triển của Nhà trường là *“phấn đấu tiếp cận với trình độ của khu vực và quốc tế trong đó nâng cao chuẩn năng lực ngoại ngữ cho giảng viên và sinh viên (chủ yếu là tiếng Anh) và khả năng sử dụng tiếng Anh trong đào tạo và nghiên cứu khoa học”* [H1.1.1.1].

Sứ mạng của Nhà trường đã được xây dựng và điều chỉnh phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, khu vực miền núi phía Bắc và cả nước [H1.1.1.7]. Trong “Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030” đã nhấn mạnh: *“Phát triển nền giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập... Phát triển các cơ sở đào tạo, dạy nghề (đại học, cao đẳng nghề) có chương trình đào tạo tiên tiến, đạt quốc tế”* [H1.1.1.7]. Trong “Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2011- 2015” của Chính phủ nêu rõ: *“Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế”* [H1.1.1.7].

Sứ mạng của Nhà trường được công bố, phổ biến rộng rãi đến toàn thể cán bộ viên chức [H1.1.1.8], người học [H1.1.1.9], các đối tượng ngoài trường thông qua website [H1.1.1.10], các văn bản, sách và tài liệu giới thiệu về Nhà trường [H1.1.1.11]. Mặc dù vậy, Nhà trường mới chỉ có biện pháp quảng bá sứ mạng trực tiếp tới các trường THPT trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và một số tỉnh khu vực phía Bắc mà chưa phổ biến rộng rãi tới các đối tác liên quan.

2. Điểm mạnh

Sứ mạng được công bố rộng rãi và được điều chỉnh phù hợp với kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước. Nhà trường có đầy đủ nguồn lực đáp ứng sứ mạng.

3. Tồn tại

Nhà trường mới chỉ có biện pháp quảng bá sứ mạng trực tiếp tới các trường THPT trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và một số tỉnh khu vực phía Bắc, chưa phổ biến rộng rãi đến các nhà tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016 – 2017, Phòng Đào tạo biên tập tờ rơi, poster để quảng bá sứ mạng tới học sinh các trường THPT trên cả nước và các đối tác liên quan.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 1.2. Mục tiêu của trường đại học được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố của nhà trường; được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện.

1. Mô tả

Mục tiêu của Nhà trường trong “Kế hoạch chiến lược phát triển trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp giai đoạn 2010-2015 và tầm nhìn đến năm 2020” nêu rõ: “Tập trung mọi nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của Đại học Kỹ thuật Công nghiệp theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, phấn đấu đến năm 2015 trở thành một trong những trung tâm hàng đầu của Việt Nam trong đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ về lĩnh vực công nghiệp” [H1.1.1.1]. Theo

xu thế hội nhập quốc tế, mục tiêu của Nhà trường đã được điều chỉnh và cụ thể hóa trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp năm 2013 và năm 2015: *“Tập trung đầu tư nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và khả năng sử dụng ngoại ngữ của giảng viên là chìa khóa của sự phát triển bền vững. Xây dựng môi trường giáo dục, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ tiên tiến và chuyên nghiệp cho người học. Đảm bảo sau khi tốt nghiệp người học có đủ năng lực áp dụng những kiến thức, kỹ năng đã học để vận dụng sáng tạo và giải quyết các yêu cầu của thực tiễn”* [H1.1.1.2].

Mục tiêu của Trường phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học được quy định tại Điều 2 Luật Giáo dục, Điều 5 Luật Giáo dục đại học và sứ mạng đã tuyên bố, đồng thời phù hợp với xu thế phát triển của xã hội [H1.1.2.1].

Để đạt được mục tiêu, trong 5 năm qua Nhà trường đã xây dựng các đề án nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như khả năng sử dụng ngoại ngữ cho giảng viên [H1.1.2.2]; triển khai được 2 chương trình đào tạo tiên tiến, có 3 khóa với 81 sinh viên tốt nghiệp và được cấp bằng [H1.1.2.3]; triển khai được 1 chương trình đào tạo liên kết quốc tế [H1.1.2.4]. Tỷ lệ sinh viên khá, giỏi tăng từ 36,6% năm 2011 lên 41,5% năm 2015 [H1.1.2.5]. Đặc biệt, khoảng 90% sinh viên sau khi tốt nghiệp một năm tìm kiếm được việc làm phù hợp [H6.6.7.1]. Căn cứ theo mục tiêu, Nhà trường đã ký kết hợp tác chuyển giao sản phẩm khoa học công nghệ cho doanh nghiệp với doanh thu trung bình hơn 13 tỷ/năm [H1.1.2.6].

Các mục tiêu giáo dục, nhiệm vụ, kế hoạch được Nhà trường thông báo rộng rãi và điều chỉnh thường xuyên thông qua việc xây dựng các kế hoạch phát triển [H1.1.2.7]; kết quả thực hiện các nhiệm vụ để đạt được mục tiêu được thể hiện qua các báo cáo tổng kết và phương hướng hoạt động của Đảng bộ [H1.1.2.8], nghị quyết Đại hội các chi bộ [H1.1.2.9] và Hội nghị cán bộ viên chức hàng năm của Nhà trường và các đơn vị [H1.1.1.10], [H1.1.2.10].

Những nội dung điều chỉnh mục tiêu của Trường được phổ biến rộng rãi tới từng cán bộ viên chức và công khai với toàn xã hội trên website của Nhà trường

[H1.1.1.12]. Tuy nhiên, Nhà trường chưa tổ chức khảo sát sâu rộng lấy ý kiến của doanh nghiệp và đối tác để điều chỉnh mục tiêu cho phù hợp, bám sát nhu cầu xã hội.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của Nhà trường gắn kết với sứ mạng, Luật Giáo dục; được điều chỉnh 2 lần trong giai đoạn 5 năm (2011- 2015); Mục tiêu được triển khai hiệu quả góp phần đào tạo hàng nghìn kỹ sư tốt nghiệp hàng năm với tỉ lệ có việc làm sau một năm chiếm tới 90%.

3. Tồn tại

Chưa lấy ý kiến của doanh nghiệp với quy mô sâu rộng để điều chỉnh mục tiêu phù hợp với nhu cầu phát triển của xã hội.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016 - 2017, hàng năm định kỳ vào tháng 10, phòng Công tác HSSV tổ chức khảo sát lấy ý kiến của doanh nghiệp làm cơ sở để điều chỉnh mục tiêu trong giai đoạn tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Nhà trường đã xác định sứ mạng và mục tiêu giáo dục rõ ràng, phù hợp với thực tế và yêu cầu phát triển của địa phương và cả nước. Trên cơ sở nhận diện rõ ràng sứ mạng và mục tiêu giáo dục, việc triển khai thực hiện sứ mạng và mục tiêu giáo dục được trường quan tâm, kiểm soát và đánh giá thường xuyên.

Phấn đấu đến năm 2020, trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp cơ bản trở thành trường Đại học trọng điểm tiếp cận khu vực và quốc tế thông qua phát triển đào tạo các chương trình tiên tiến, chương trình chất lượng cao, chương trình liên kết đào tạo quốc tế và sau đại học đồng thời gắn nghiên cứu khoa học với doanh nghiệp để đến năm 2030 trở thành địa chỉ phát triển sản phẩm tin cậy của doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 2/2

Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý (7 tiêu chí)

Mở đầu

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo Điều lệ trường Đại học và được cụ thể hóa trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên và Nhà trường. Nhà trường đã xây dựng hệ thống văn bản quy chế, quy định nội bộ chặt chẽ, phục vụ cho các hoạt động của trường để từng bước chuẩn hóa hoạt động quản lý. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, của cán bộ quản lý, nhân viên, giảng viên được thể chế hóa bằng văn bản và được phân định rõ ràng.

Tiêu chí 2.1. Cơ cấu tổ chức của trường đại học được thực hiện theo quy định của Điều lệ trường đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan, được cụ thể hoá trong quy chế về tổ chức và hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả

Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp trực thuộc Đại học Thái Nguyên được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường [H2.2.1.1]. Cơ cấu tổ chức này phù hợp với Điều 4 của Luật giáo dục đại học [H2.2.1.2] và nhiều lần được điều chỉnh qua các năm 2013 và 2015 [H2.2.1.1], [H2.2.1.3]. Cơ cấu tổ chức của Nhà trường được công bố công khai trên Website [H2.2.1.4].

Mô hình tổ chức của Nhà trường về cơ bản giống hầu hết các trường Đại học hiện nay trên cả nước và các cơ sở giáo dục đại học nằm trong Đại học Thái Nguyên theo mô hình đại học 2 cấp. Tổ chức của trường gồm: Ban giám hiệu, 09 phòng chức năng, 03 trung tâm chức năng, 10 khoa chuyên môn và bộ môn trực thuộc trường, 01 trung tâm đào tạo và 01 Viện nghiên cứu công nghệ cao về kỹ thuật công nghiệp. Các đơn vị của Nhà trường đều được thành lập theo đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng trường được thành lập tháng 3/2016 [H2.2.1.5]. Cơ cấu Hội đồng trường tuân thủ theo đúng quy định trong Điều 9 của Điều lệ trường đại học [H2.2.1.6]. Nhà trường có Hội đồng khoa học Trường và các Hội đồng tư vấn đề

tư vấn các lĩnh vực công tác liên quan đến việc triển khai, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường [H2.2.1.7]. Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường được sửa đổi, ban hành năm 2013 và tiếp tục điều chỉnh bổ sung năm 2015. Cơ cấu tổ chức của Nhà trường được xây dựng khoa học, gọn nhẹ và được điều chỉnh theo hướng chuyên môn hóa cao theo cơ chế quản lý chất lượng đầu ra, đảm bảo công bằng và phù hợp với năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý. Hiện nay cơ cấu tổ chức của Trường gồm: Ban Giám hiệu, Hội đồng trường, các Hội đồng tư vấn, 09 phòng chức năng, 10 khoa chuyên môn và 1 trung tâm đào tạo, 05 tổ chức Đảng và Đoàn thể [H2.2.1.3]. Nhà trường cũng thành lập 3 trung tâm, 1 viện nghiên cứu và 1 công ty TNHH nhằm đáp ứng yêu cầu chuyên nghiệp hóa môi trường học tập, làm việc, nghiên cứu của cán bộ giảng viên và sinh viên. Các đơn vị được thành lập theo đúng quy định hiện hành của Đảng và Chính phủ.

Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị được ghi rõ trong Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị năm 2013 [H2.2.1.8]. Cùng với sự thay đổi điều chỉnh tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị cũng được điều chỉnh phù hợp vào năm 2015 [H2.2.1.9]. Nhiệm vụ cụ thể của từng cán bộ quản lý và mỗi cá nhân trong toàn trường được mô tả chi tiết trong Đề án vị trí việc làm, trong các Quyết định bổ nhiệm và phân công nhiệm vụ, trong Hợp đồng lao động và được phổ biến đến từng cá nhân [H2.2.1.10], [H2.2.1.11].

Trong giai đoạn 2011 - 2016, trên cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao của các cá nhân, đơn vị trong toàn trường thông qua các hội nghị giao ban hàng tháng, hàng quý, hội nghị CBVC, Nhà trường đã có nhiều điều chỉnh và thay đổi trong cơ cấu tổ chức theo hướng chuyên môn hóa cho phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã đề ra trong giai đoạn mới [H2.2.1.10], [H2.2.1.12], [H2.2.1.3]. Nhờ vậy, Nhà trường đã hoàn thành tốt các mục tiêu đề ra và nhiều lần được khen thưởng các cấp [H2.2.1.13].

Tuy vậy trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, hiệu quả phối hợp giữa một số đơn vị trong Nhà trường đôi lúc còn chưa được nhịp nhàng do chưa phân định rõ ràng về chức năng của một số đơn vị và việc chuyển giao công việc giữa các đơn vị cho đúng với nhiệm vụ được giao còn một số vướng mắc.

2. Điểm mạnh

Cơ cấu tổ chức của Nhà trường được xây dựng khoa học, gọn nhẹ và được điều chỉnh theo hướng chuyên môn hóa cao theo cơ chế quản lý chất lượng đầu ra, đảm bảo công bằng và phù hợp với năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý.

3. Tồn tại

Hiệu quả phối hợp giữa một vài bộ phận trong Trường còn có lúc chưa được nhịp nhàng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, trong các cuộc họp giao ban hàng tháng, hàng quý, lãnh đạo trường trao đổi, thảo luận thống nhất giữa hoạt động của các đơn vị để tạo sự phối hợp nhịp nhàng giữa các đơn vị.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 2.2. Có hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của Nhà trường.

1. Mô tả

Trên cơ sở hệ thống văn bản pháp quy của Nhà nước và Đại học Thái Nguyên, Nhà trường đã xây dựng hệ thống văn bản quy định để điều hành, quản lý trên tất cả các lĩnh vực công tác, cụ thể:

Tổ chức cán bộ: Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp; Quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm cán bộ viên chức lãnh đạo các đơn vị; Quy định tuyển dụng, sử dụng cán bộ; quy định về kéo dài thời gian công tác; Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí; Quy định về kéo dài thời gian công tác đối với giảng viên có chức danh GS, PGS [H2.2.2.1].

Công tác đào tạo và công tác Học sinh sinh viên: Quy định học cùng lúc hai chương trình đào tạo; Quy chế đào tạo đại học hình thức VLVH theo hệ thống tín chỉ; Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quy định về công tác thi hệ chính quy [H2.2.2.2]; Quy định công tác sinh viên; Quy định về phân cấp trong công tác quản lý sinh viên; Quy định thực hiện nếp sống văn

hóa học đường đời với sinh viên; Quy định thực hiện chế độ chính sách đời với sinh viên [H2.2.2.4]

Công tác khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế: Quy định nội bộ về hoạt động khoa học công nghệ năm 2009; Quy định quản lý hoạt động khoa học công nghệ [H2.2.2.3]; Quy định quản lý người nước ngoài; quy định quản lý công tác hợp tác quốc tế [H2.2.2.6]

Công tác Thanh tra - Pháp chế và Thi đua khen thưởng: Quy định về soạn thảo và ban hành văn bản quản lý nội bộ ở trường ĐHKTCN; Quy chế tiếp công dân; Quy chế dân chủ [H2.2.2.5].

Công tác tài chính và cơ sở vật chất: Quy chế chi tiêu nội bộ; quy định thu chi chương trình tiên tiến; quy chế thu và quản lý học phí [H2.2.2.7]; Quy định về quản lý tài sản [H2.2.2.8].

Hàng năm Nhà trường đều tiến hành rà soát các văn bản quy định thông qua cuộc họp của các Hội đồng tư vấn, Hội nghị giao ban định kỳ và Hội nghị cán bộ viên chức để bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp nếu cần thiết [H2.2.2.9].

Nhờ có hệ thống văn bản quy định đầy đủ, cụ thể về phân cấp quản lý, phân công nhiệm vụ trong tất cả các lĩnh vực, Nhà trường đã thực hiện, triển khai hiệu quả trên mọi mặt công tác như: Đào tạo, nghiên cứu khoa học, công tác sinh viên, tổ chức cán bộ, Hợp tác quốc tế, cơ sở vật chất và kế hoạch tài chính đã có các kết quả tốt [H2.2.2.10].

Trong đánh giá thi đua hàng năm Nhà trường luôn được đánh giá là đơn vị thi đua xuất sắc và thi đua tốt của khối [H2.2.7.6], [H2.2.1.13], nhiều tập thể và cá nhân được tặng thưởng danh hiệu khen cao [H2.2.5.17]. Nhà trường đã nhiều lần được khen thưởng trong nhiều lĩnh vực công tác và được UBND tỉnh công nhận là cơ quan văn hóa [H2.2.2.11].

Tuy nhiên, mặc dù các văn bản được ban hành đầy đủ kịp thời song việc hướng dẫn triển khai nội dung văn bản đôi khi còn chậm trễ do các giảng viên đi làm không toàn thời gian nên việc tiếp cận với nội dung của văn bản ban hành còn chậm trễ và việc thực hiện không đúng với thời gian yêu cầu.

2. Điểm mạnh

Hệ thống văn bản được xây dựng đầy đủ, kịp thời đã giúp Nhà trường quản lý có hiệu quả mọi mặt công tác nên trong 5 năm Nhà trường được các cấp khen thưởng về hiệu quả hoạt động của Nhà trường.

3. Tồn tại

Tuy nhiên, mặc dù các văn bản được ban hành đầy đủ kịp thời song việc hướng dẫn triển khai nội dung văn bản đôi khi còn chậm trễ.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016 – 2017, Nhà trường tổ chức rà soát lại và đánh giá hiệu quả hoạt động để ban hành và hướng dẫn triển khai kịp thời các quy định liên quan tới mọi mặt hoạt động để đáp ứng nhu cầu nắm bắt thời cơ, triển khai kịp thời mọi nhiệm vụ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 2.3. Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được phân định rõ ràng.

1. Mô tả

Mọi hoạt động của các đơn vị và cá nhân trong Trường đều được điều hành quản lý dựa trên hệ thống văn bản hành chính, trong đó chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được phân định cụ thể rõ ràng [H2.2.3.3], [H2.2.1.8], [H2.2.1.9], [H2.2.1.10], [H2.2.1.11].

Ban Giám hiệu có sự phân công cụ thể chức trách, nhiệm vụ cho từng cá nhân [H2.2.3.1]. Hiệu trưởng chỉ đạo chung, các Phó Hiệu trưởng giúp việc cho Hiệu trưởng và chịu trách nhiệm về các mảng công việc được Hiệu trưởng phân công. Trưởng các đơn vị trong trường cũng được quy định rõ về chức năng nhiệm vụ gắn với vị trí công tác [H2.2.3.2]. Nhà trường phân quyền cho Trưởng các đơn vị phân công nhiệm vụ cho các cán bộ viên chức trong đơn vị [H2.2.3.3], [H2.2.1.9]. Các tổ chức đoàn thể trong trường đều có quyết định thành lập và phân công nhiệm vụ cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý cụ thể, rõ

ràng [H2.2.4.2], [H2.2.4.3], [H2.2.4.4]. Chức năng nhiệm vụ của các tập thể cá nhân trong toàn trường được phổ biến đến từng CBVC và được công khai trên website Nhà trường [H2.2.1.4].

Việc đánh giá mức độ hoàn thành công việc cũng được thực hiện theo phân cấp và được tổ chức hàng năm. Trên cơ sở những tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học Thái Nguyên, Nhà trường đã cụ thể hóa thành những tiêu chuẩn chi tiết theo yêu cầu và nhiệm vụ được giao [H2.2.3.4].

Nhờ nắm rõ chức năng nhiệm vụ mà mỗi cán bộ viên chức và các đơn vị trong Trường luôn phấn đấu làm tốt chức trách, nhiệm vụ được giao, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu và nhiệm vụ chính trị của Nhà trường. Trong 5 năm qua, Nhà trường liên tục được Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Thái Nguyên công nhận đạt các danh hiệu thi đua tốt và xuất sắc khối; nhiều lần được khen thưởng các cấp. Nhiều tập thể và cá nhân trong trường được tặng thưởng danh hiệu thi đua từ cấp Đại học Thái Nguyên trở lên [H2.2.3.5].

Mặc dù mọi vị trí việc làm đều được phân công cụ thể bằng văn bản nhưng vẫn còn một vài cán bộ viên chức chưa nắm bắt rõ chức trách, nhiệm vụ của mình, chưa tự giác thực hiện nhiệm vụ được giao. Điều này bắt nguồn từ nhận thức về nhiệm vụ của các cá nhân và ý thức thực hiện nhiệm vụ được phân công chưa cao.

2. Điểm mạnh

Việc phân định chức năng, nhiệm vụ giữa các tổ chức, đơn vị và cá nhân cụ thể, rõ ràng nên trong 5 năm qua Nhà trường và các tập thể, cá nhân liên tục được cấp trên công nhận và khen thưởng.

3. Tồn tại

Mặc dù mọi vị trí đều được phân công cụ thể bằng văn bản nhưng còn một số cán bộ viên chức chưa nắm bắt rõ chức trách, nhiệm vụ của mình, chưa tự giác thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Kế hoạch hành động

Hàng năm, cán bộ lãnh đạo quản lý của từng đơn vị phối hợp với các tổ chức đoàn thể tuyên truyền, phổ biến, quán triệt để các cán bộ viên chức trong đơn vị hiểu rõ chức trách, nhiệm vụ của mình và tự giác thực hiện nhiệm vụ được phân công.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 2.4. Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong trường đại học hoạt động hiệu quả và hằng năm được đánh giá tốt; các hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể thực hiện theo quy định của pháp luật.

1. Mô tả

Các tổ chức Đảng và Đoàn thể của Trường ĐHKTCN bao gồm: Đảng bộ [H2.2.4.1]; Công đoàn [H2.2.4.2]; Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên [H2.2.4.3]; Hội Cựu chiến binh [H2.2.4.4].

Đảng bộ Trường ĐHKTCN là Đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ Đại học Thái Nguyên, hiện có 23 chi bộ với tổng số 320 đảng viên [H2.2.4.5]. Trong những năm qua, 100% các chi bộ được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó 43-82% là chi bộ trong sạch, vững mạnh; 100% đảng viên hoàn thành nhiệm vụ, trong đó 11-14,5% đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H2.2.4.7], [H2.2.4.8], không có chi bộ yếu kém và đảng viên không hoàn thành nhiệm vụ [H2.2.4.6].

Trong 4 năm liên tiếp, Đảng bộ Nhà trường liên tục được công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh [H2.2.4.7]. Năm 2015, Đảng bộ Nhà trường được công nhận là Đảng bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ [H2.2.4.8].

Công đoàn Trường hiện có 11 công đoàn bộ phận và 12 tổ công đoàn trực thuộc với 583 công đoàn viên [H2.2.4.9]. Trong 5 năm qua, với thành tích hoạt động xuất sắc, Công đoàn Nhà trường liên tục được công nhận là Tập thể Công đoàn vững mạnh [H2.2.4.10], liên tục được nhận Giấy khen của Công đoàn Đại học Thái Nguyên [H2.2.4.11], Bằng khen Công đoàn Giáo dục Việt Nam [H2.2.4.12] và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam [H2.2.4.13].

Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên (ĐTN & HSV) Trường bao gồm 10 Liên chi đoàn với 117 chi đoàn [H2.2.4.14] và 10 Liên chi hội với 107 chi hội [H2.2.4.15]. ĐTN & HSV Trường đã triển khai tốt các hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng đạo đức lối sống cho sinh viên; hoạt động tình nguyện tiếp sức mùa thi, tình nguyện xây dựng nông thôn mới, tham gia hiến máu nhân đạo, tham gia phong trào đền ơn đáp nghĩa; phong trào học tập và nghiên cứu khoa học; văn nghệ, thể thao. ĐTN & HSV đã phát huy tốt tinh thần năng động, xung kích và sáng tạo của tuổi trẻ, đóng góp lớn cho thành công trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Nhà trường [H2.2.4.16]. Trong 5 năm qua, ĐTN & HSV Trường và các đoàn viên, hội viên ưu tú đã vinh dự được tặng thưởng những danh hiệu cao quý của Trung ương Đoàn, Trung ương Hội, của Tỉnh, Đại học Thái Nguyên trao tặng [H2.2.4.17], [H6.6.3.7].

Hội Cựu chiến binh được thành lập theo Quyết định của BCH Hội CCB Đại học Thái Nguyên [H2.2.4.4]. Hội đã tập hợp, tổ chức, đoàn kết, động viên các thế hệ cựu chiến binh giữ gìn và phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Hàng năm, các tổ chức Đảng và đoàn thể của Nhà trường đều xây dựng kế hoạch hoạt động và tổ chức tổng kết, đánh giá các hoạt động để phát huy các mặt mạnh và vạch ra phương hướng khắc phục các tồn tại nhằm đem lại hiệu quả hoạt động tốt hơn [H2.2.4.18], [H2.2.4.19], [H2.2.4.20], [H2.2.4.21].

Hoạt động của các tổ chức Đảng và đoàn thể Nhà trường đều được công khai trên website của Nhà trường [<http://tnut.edu.vn/>].

2. Điểm mạnh

Đảng bộ Nhà trường 4 năm liên tục được công nhận là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh;

Công đoàn Nhà trường liên tục được nhận Giấy khen của Công đoàn Đại học Thái Nguyên, Bằng khen Công đoàn Giáo dục Việt Nam và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;

Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên Nhà trường nhiều lần được nhận cờ thi đua các cấp.

3. Tồn tại

Đảng bộ Nhà trường không được công nhận là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh trong năm 2015.

4. Kế hoạch hành động

Trong kế hoạch công tác Đảng năm học 2016 - 2017, Đảng bộ trường đã xây dựng các chương trình hành động cụ thể, có sự thống nhất cao về chủ trương, đường lối và các biện pháp triển khai để mọi đảng viên tuân thủ; Việc điều hành và thực hiện Nghị quyết của Đảng được định kỳ đánh giá trong các đợt sinh hoạt để kịp thời đề ra biện pháp giải quyết vướng mắc để hoàn thành tốt nhiệm vụ, phấn đấu đạt Đảng bộ trong sạch vững mạnh trong các năm tới.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 2.5. Có tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, bao gồm trung tâm hoặc bộ phận chuyên trách; có đội ngũ cán bộ có năng lực để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả

Nhà trường đã thành lập phòng Thanh tra – Khảo thí và Đảm bảo chất lượng Giáo dục từ năm 2005, sau đó Phòng được đổi tên vào năm 2006 cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và sự phát triển của Nhà trường [H2.2.5.1]. Đến năm 2014, Phòng được chuyển thành phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục(KT&ĐBCLGD) theo Quyết định của Đại học Thái Nguyên [H2.2.5.2].

Phòng KT&ĐBCLGD thực hiện hai nhiệm vụ chính là công tác khảo thí và công tác đảm bảo chất lượng giáo dục, được quy định rõ trong văn bản Quy định về chức năng và nhiệm vụ các đơn vị của Nhà trường năm 2015 [H2.2.5.3].

Đội ngũ cán bộ chuyên trách của phòng KT&ĐBCLGD bao gồm 05 người, trong đó Trưởng phòng là PGS.TS và 04 chuyên viên gồm 01 Thạc sĩ, 02 Kỹ sư, 01 Cử nhân [H2.2.5.4]. Lãnh đạo phòng và từng chuyên viên được bổ nhiệm và phân công rõ nhiệm vụ [H2.2.5.5]. Đội ngũ cán bộ của Phòng đã được cử đi tham gia các chương trình tập huấn do Ban Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo

dục của Đại học Thái Nguyên tổ chức về công tác tự đánh giá và công tác đánh giá ngoài đối với Chương trình đào tạo, đối với Cơ sở giáo dục; tham gia hội thảo về xây dựng hệ thống thông tin phản hồi kết quả giáo dục đại học; tập huấn về xây dựng chuẩn đầu ra; khảo sát trực tuyến người học, cựu sinh viên về hoạt động giáo dục của Nhà trường và tham gia một số khóa đào tạo của Bộ giáo dục và Đào tạo tổ chức [H2.2.5.6]. Trường phòng được cấp chứng chỉ đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục Đại học và trung cấp chuyên nghiệp [H2.2.5.7].

Phòng KT&ĐBCLGD dưới sự chỉ đạo của Nhà trường đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá 2 chương trình đào tạo là Cơ khí chế tạo máy và Tự động hóa xí nghiệp công nghiệp theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chương trình đào tạo của Đại học Thái Nguyên và đã được đánh giá đồng cấp [H2.2.5.8]. Đồng thời, Phòng đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá hai chương đào tạo là Kỹ thuật điều khiển và Hệ thống điện hiện đang chờ Đại học Thái Nguyên đánh giá đồng cấp [H2.2.5.9]. Tất cả các quy trình đều thực hiện theo đúng văn bản quy định của Đại học Thái Nguyên và của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tuy nhiên, kết quả đánh giá chưa được sử dụng để cải thiện chất lượng đào tạo nói chung cũng như phát triển chương trình đào tạo nói riêng.

Ngay từ năm 2005, Nhà trường đã triển khai tự đánh giá theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học và được công nhận là trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục [H2.2.5.10].

Tháng 6/2015, để triển khai đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục, Nhà trường đã thành lập Hội đồng Tự đánh giá [H2.2.5.11]. Công tác tự đánh giá được triển khai trong toàn trường, báo cáo tự đánh giá được thông qua Hội đồng Tự đánh giá vào tháng 11/2016 và làm thủ tục dự kiến đánh giá ngoài vào đầu năm 2017 [H2.2.5.12].

Ngoài ra, hàng năm Phòng còn phối hợp với phòng Công tác Học sinh - Sinh viên khảo sát sinh viên tốt nghiệp, cựu sinh viên về các hoạt động đào tạo của Nhà trường [H2.2.5.13].

Đặc biệt, từ năm 2013, theo quy định của Đại học Thái Nguyên, hàng năm Nhà trường chọn mẫu trung bình 50 sinh viên/1 ngành để đánh giá hiện trạng sinh viên tốt nghiệp theo chuẩn đầu ra. Công cụ đánh giá là các bộ câu hỏi phỏng vấn về kiến thức, về kỹ năng và thái độ, kiểm tra viết về ngoại ngữ, thực hành tin học trên máy tính. Kết quả này được sử dụng làm cơ sở để điều chỉnh chương trình đào tạo nếu cần thiết [H2.2.5.14].

Từ khi thành lập, Phòng đã tham mưu cho lãnh đạo Trường xây dựng Quy chế thi và kiểm tra trong Nhà trường, đồng thời phối hợp với các khoa chuyên môn tổ chức công tác thi và kiểm tra nghiêm túc đúng quy định [H2.2.5.15], tạo ra một môi trường nghiêm túc và lành mạnh trong thi và kiểm tra.

Phòng KT&ĐBCLGD cũng thường xuyên cập nhật các văn bản về KT&ĐBCLGD của Bộ Giáo dục và Đào tạo chuyển đến các đơn vị có liên quan thực hiện theo đúng yêu cầu và thông qua hệ thống 3 công khai [<http://tnut.edu.vn/public>].

Hàng năm, hoạt động của công tác KT & ĐBCLGD của Nhà trường đều được xem xét và báo cáo tổng kết, đồng thời, đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho năm tiếp theo. Qua đó, xác định các hoạt động cần thực hiện để phát huy các điểm mạnh, khắc phục các điểm còn tồn tại nhằm mục đích nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục của Nhà trường [H2.2.5.16].

Với những kết quả đạt được, trong 5 năm liên phòng được Hội đồng Thi đua khen thưởng Nhà trường công nhận là Tập thể Lao động tiên tiến [H2.2.5.17].

2. Điểm mạnh

Đã được đánh giá đồng cấp 2 chương trình đào tạo.

Hàng năm, tổ chức đánh giá chất lượng sinh viên tốt nghiệp theo mẫu khảo sát để làm cơ sở để điều chỉnh chương trình đào tạo và nâng cao chất lượng giảng dạy của Nhà trường.

3. Tồn tại

Cán bộ chuyên trách của Phòng chưa có học vị về Đo lường đánh giá trong giáo dục.

Chuyên viên trong Phòng mặc dù được tập huấn nhưng còn hạn chế về kinh nghiệm kiểm định chất lượng.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016 - 2017, Phòng cử 1 cán bộ đăng kí học Thạc sĩ về chuyên ngành Đo lường đánh giá trong giáo dục.

Hàng năm, Trường hỗ trợ cán bộ Phòng tham gia các khóa tập huấn về Đo lường đánh giá trong giáo dục của Đại học Thái Nguyên, của Bộ GDĐT và các trung tâm khác tổ chức.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 2.6. Có các chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của nhà trường; có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của nhà trường.

1. Mô tả

Để thực hiện sứ mạng, mục tiêu của mình, Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2010 - 2015 và tầm nhìn đến năm 2020. Chiến lược đã vạch ra lộ trình chi tiết cho giai đoạn ngắn hạn từng năm và trung hạn 2 năm với chỉ số, chỉ tiêu cụ thể [H2.2.6.1].

Căn cứ chiến lược phát triển dài hạn, Nhà trường đã xây dựng các kế hoạch phát triển ngắn hạn và trung hạn theo từng lĩnh vực hoạt động về đào tạo, đội ngũ, nghiên cứu khoa học, cơ sở vật chất như:

Về đào tạo: Với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường luôn có sự điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với yêu cầu [H3.3.1.1], [H3.3.1.2], [H3.3.1.3], [H3.3.1.6], [H3.3.2.4], [H3.3.4.5] và triển khai kế hoạch đào tạo theo năm học [H2.2.6.2]. Bên cạnh đó cũng tăng cường các giải pháp hỗ trợ học tập cho sinh viên [H6.6.5.1], [H6.6.5.2], [H6.6.5.3], [H6.6.5.4], [H6.6.5.5]. Kết quả tỉ lệ sinh viên khá giỏi tăng từ 36,6% năm 2011 lên 41,5% năm 2015 [H2.2.6.3]. Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm ngay chiếm 35-40% [H6.6.7.1]. Hiện nay, số lượng sinh viên đạt chuẩn tiếng Anh TOEFL – ITP 400

trở lên là 3166 sinh viên [<http://itc.tnut.edu.vn/tin-tuc/2015-03-23/tong-hop-diem-toefl-itp-cua-sinh-vien-truong-dai-hoc-ky-thuat-cong-nghiep-thai-nguyen-dt400.htm>].

Về phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy (CBGV): Nhà trường chủ trương nâng cao trình độ tiếng Anh và tin học cho CBGV để phục vụ yêu cầu hội nhập quốc tế, mở rộng các chương trình liên kết đào tạo và khai thác tài liệu nước ngoài [H2.2.6.4]. Hiện tại, số giảng viên vượt chuẩn TOEFL-ITP 500 trở lên chiếm 61% (218/357 giảng viên) [H2.2.6.5] và 82,8% giảng viên trong độ tuổi quy định hoàn thành chứng chỉ tin học quốc tế IC3 [H2.2.6.6]. Trong 5 năm qua, số giảng viên đủ trình độ ngoại ngữ được nhận học bổng đi học nước ngoài tăng từ 02 người năm 2013 lên 16 người năm 2015 [H2.2.6.7].

Về nghiên cứu khoa học (NCKH): Với phương châm NCKH phải tạo ra sản phẩm thực ứng dụng trong giảng dạy, thực tế sản xuất, tăng cường hợp tác phối hợp với các cơ sở đào tạo, NCKH trong và ngoài nước [H7.7.1.1], [H7.7.1.2], [H7.7.1.3], [H7.7.1.4], [H7.7.1.5], [H7.7.1.6], [H7.7.1.7], [H7.7.1.8], [H7.7.1.9], từ năm 2013 trở lại đây, có 48 sản phẩm của các đề tài NCKH được đưa vào sử dụng trong giảng dạy và NCKH [H7.7.4.1].

Về cơ sở vật chất: Với định hướng không ngừng cải thiện, nâng cao môi trường nghiên cứu học tập và làm việc của sinh viên và CBGV, trong 5 năm qua mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng Nhà trường đã đầu tư xây dựng 1 thư viện 3 tầng; xây 1 sân bóng cỏ nhân tạo, 1 sân thể thao, cải tiến sửa để đảm bảo 100% cán bộ và giảng viên và bộ môn khoa chuyên môn có phòng làm việc độc lập, phòng họp chung [H2.2.6.8]. Hỗ trợ lương tăng thêm cho CBVC đạt mức trung bình 2,1 so với lương và phụ cấp của Nhà nước [H2.2.6.9].

Để giám sát việc thực hiện các kế hoạch phát triển, Nhà trường thường xuyên tổ chức thảo luận đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ trên các mặt công tác thông qua các hội nghị giao ban, sinh hoạt Đảng định kỳ, đại hội Đảng, hội nghị CBVC hàng năm. Cuối mỗi năm, mỗi nhiệm kỳ, Nhà trường đều tổng kết báo cáo đánh giá những chỉ tiêu đạt được so với kế hoạch và chỉ ra tồn tại để xây

dựng giải pháp khắc phục đồng thời vạch ra phương hướng phát triển cho những năm sau. Từ đó, Nhà trường có sự rà soát lại việc thực hiện kế hoạch ngắn hạn và trung hạn [H2.2.6.10], [H2.2.6.11], [H2.2.6.12], [H2.2.6.13].

Toàn bộ kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều đã được đưa lên website của Trường [<http://tnut.edu.vn>]

Tuy vậy, mặc dù đã có những điều chỉnh kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, Nhà trường chưa có đánh giá tổng thể chiến lược dài hạn.

2. Điểm mạnh

Đã đạt được các mục tiêu ngắn hạn hàng năm về đào tạo, đội ngũ và nghiên cứu khoa học và cơ sở vật chất.

3. Tồn tại

Nhà trường chưa đánh giá tổng thể việc thực hiện chiến lược dài hạn.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2016 -2017, Nhà trường sẽ triển khai đánh giá tổng thể về Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2010-2015 và tầm nhìn 2020, trên cơ sở đó xây dựng chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2025.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 2.7. Thực hiện đầy đủ chế độ định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý về các hoạt động và lưu trữ đầy đủ các báo cáo của nhà trường.

1. Mô tả

Trên cơ sở các quy định về việc báo cáo của các cơ quan chủ quản và cơ quan quản lý [H2.2.7.1], thực hiện nghiêm chỉnh yêu cầu báo cáo của các đơn vị cấp trên [H2.2.7.2], trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã có văn bản báo cáo đầy đủ cơ quan chủ quản (Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đại học Thái Nguyên) và các cơ quan quản lý có liên quan về tình hình các hoạt động của Trường [H2.2.7.3].

Phòng Hành chính – Tổ chức của Nhà trường có 4 cán bộ chuyên trách được đào tạo về văn thư lưu trữ, chịu trách nhiệm quản lý, lưu trữ công văn giấy

tờ đi, đến theo đúng quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Thái Nguyên và cơ quan cấp trên [H2.2.7.4].

Trong 5 năm qua 2011-2016, Trường không bị Đại học Thái Nguyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ quan quản lý liên quan khiển trách vì vi phạm các chế độ báo cáo. Nhà trường được đánh giá tốt các đợt kiểm tra hành chính toàn diện và trong đánh giá thi đua khối của các đơn vị đào tạo [H2.2.7.5].

Nhà trường có phần mềm quản lý các số liệu về đào tạo, điểm, văn bằng, quản lý nhân sự, nghiên cứu khoa học, sinh viên với số liệu được cập nhật đầy đủ hàng năm. Riêng công tác văn thư được quản lý bằng văn bản, được số hóa và lưu trữ văn bản dưới dạng file PDF để thuận tiện cho việc trích xuất, tìm kiếm. Ngoài ra, các văn bản báo cáo ba công khai, quy định văn bản về đào tạo, HSSV, báo cáo tổng kết, nghị quyết, quy chế đều được công khai trên website của Nhà trường (<http://tnut.edu.vn/public>).

Công tác an ninh an toàn để bảo vệ hệ thống quản lý văn bản bằng phần mềm cũng được Nhà trường chú trọng quan tâm [H2.2.7.6].

Trong 5 năm vừa qua, phòng Hành chính – Tổ chức luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H2.2.7.7].

2. Điểm mạnh

Báo cáo về tất cả các mặt hoạt động của Nhà trường được thực hiện đầy đủ, thường xuyên và tuân thủ yêu cầu của các cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý có liên quan.

Công tác lưu trữ báo cáo của Nhà trường thực hiện đúng quy định, đầy đủ, bảo quản tốt.

3. Tồn tại

Nhà trường chưa kết nối được việc quản lý tổng thể các văn bản lưu trữ của các phòng chức năng trong toàn trường.

4. Kế hoạch hành động

Trong giai đoạn từ 2016 - 2018, Nhà trường đầu tư để hoàn thành xây dựng xong phần mềm quản lý tổng thể các văn bản của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Nhà trường có cơ cấu tổ chức khoa học và phù hợp Luật Giáo dục Đại học với chức năng của từng bộ phận được phân định rõ ràng nên đã giúp Nhà trường vận hành, quản lý và triển khai hiệu quả công việc trên mọi lĩnh vực. Trường có hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của nhà trường. Trường có tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, có đội ngũ cán bộ cơ bản có đủ năng lực và tâm huyết để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. Trường đã xây dựng được chiến lược phát triển dài hạn làm công cụ định hướng cho kế hoạch hoạt động ngắn hạn hàng năm của Nhà trường. Trường đã tuân thủ đúng quy định của các cơ quan cấp trên về chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất, đảm bảo hệ thống lưu trữ văn bản báo cáo đầy đủ, an toàn.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 7/7

Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo (6 tiêu chí)

Mở đầu

Giai đoạn 2006-2010, các chương trình đào tạo (CTĐT) đại học của nhà trường đã được rà soát, điều chỉnh 2 lần: Lần thứ nhất, năm 2006 chuyển đổi từ CTĐT niên chế (gồm 260 đơn vị học trình (ĐVHT) sang CTĐT theo hệ thống tín chỉ, có dung lượng 180 tín chỉ (TC). Lần thứ hai được thực hiện vào năm 2008 Nhà trường xây dựng lại các chương trình 180 TC thành các CTĐT 150 TC cùng với 17 CTĐT liên thông từ cao đẳng lên đại học. Tuy nhiên, qua quá trình tổ chức đào tạo theo chương trình 150TC, Nhà trường đã nhận được nhiều phản hồi từ giảng viên, các khoa chuyên môn và của chính sinh viên tốt nghiệp về những lỗ hổng lớn trong phần chuyên ngành của CTĐT có thể làm giảm chất lượng, đó là: Khối lượng kiến thức ngành và chuyên ngành chưa đủ sâu, do mức độ liên thông ngang quá cao.

Xuất phát từ thực trạng đó, trong giai đoạn 2012-2013, Nhà trường đã rà soát điều chỉnh các CTĐT theo hướng tăng hàm lượng chuyên môn và duy trì tính liên thông ngang giữa các CTĐT ở mức có thể, đồng thời thiết kế các CTĐT theo chuẩn đầu ra CDIO, tiếp tục tham khảo các CTĐT của Hoa Kỳ và kế thừa truyền thống 45 năm phát triển Nhà trường.

Hiện tại, Nhà trường có 28 chương trình đào tạo đại học trong đó có 2 chương trình tiên tiến của Nhà nước, giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh nhập khẩu từ Hoa Kỳ, 6 chương trình đào tạo thạc sĩ, 2 chương trình đào tạo tiến sĩ. Ngoài ra, còn có 2 chương trình đào tạo bằng tiếng Anh mới xây dựng xong đang hoàn thiện dự án xin mở ngành. Tất cả các chương trình đào tạo đều đáp ứng được những yêu cầu cơ bản của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và tiếp cận được với các chương trình của khu vực và thế giới.

Tiêu chí 3.1. Chương trình đào tạo của trường đại học được xây dựng theo các quy định hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; có sự tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học có uy tín trong nước hoặc trên thế giới; có sự tham gia của các nhà khoa học, giảng viên, cán bộ

quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp.

1. Mô tả

Tính đến năm học 2015-2016, Trường Đại học KTCN đang đào tạo 28 ngành, chuyên ngành bậc đại học, 6 chuyên ngành thạc sỹ và 2 chuyên ngành tiến sỹ [H3.3.1.1]. Tất cả các CTĐT (mở trước năm 2011 và mở mới trong 5 năm trở lại) đều tuân thủ các quy định của Bộ và ĐHTN về xây dựng CTĐT [H3.3.1.2].

Năm 2013 để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế về CTĐT, Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy định và hướng dẫn xây dựng chuẩn đầu ra CTĐT theo hướng tiếp cận CDIO [H3.3.1.3]. Trên cơ sở những văn bản này, nhà trường đã phân tích CTĐT tất cả các ngành tương ứng của các trường đại học lớn, uy tín trong nước và nước ngoài để tham khảo trong xây dựng và điều chỉnh CTĐT của trường [H3.3.1.4]. Trong quá trình xây dựng các chương trình này, nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến các nhà khoa học, giáo sư, phó giáo sư, giảng viên có kinh nghiệm lâu năm, các cán bộ quản lý. Điều này được thể hiện thông qua các biên bản họp hội đồng xây dựng CTĐT, họp chuyên môn về xây dựng CTĐT của nhà trường [H3.3.1.5]. Quá trình xây dựng, điều chỉnh các CTĐT của trường về cơ bản đều có sự tham gia của các các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp [H3.3.1.5], [H3.3.2.12].

Kết quả là, năm 2014 nhà trường đã chỉnh sửa được 22 CTĐT và xây dựng mới 4 CTĐT để ban hành áp dụng từ tháng 1 năm 2014 cho tất cả các khóa từ K47 trở đi. Trong đó tất cả các CTĐT thuộc khối kỹ thuật (chiếm 80% tổng số các CTĐT) đều được tham khảo từ các CTĐT của Hoa Kỳ, một số chương trình đặc thù thuộc khối kinh tế mức độ tham khảo còn hạn chế. Các CTĐT của nhà trường không những đáp ứng được các quy định cơ bản của Bộ GD&ĐT tại các quy định 43/2007/QĐ BGD&ĐT, 52/2008/QĐ BGD&ĐT, 10/2011/TT-

BGD&ĐT mà còn hoàn toàn phù hợp với thông tư hiện hành số 07/2015/TT-BGD&ĐT [H3.3.1.2].

Riêng đối với chương trình tiên tiến Kỹ thuật Cơ khí nhập khẩu từ đại học Buffalo bang New York và chương trình Kỹ thuật điện nhập khẩu từ đại học bang Oklahoma Hoa Kỳ, năm 2015 nhà trường đã tổ chức họp hội đồng khoa học, đào tạo và các cán bộ chủ chốt để rà soát lại CTĐT và quyết định bổ sung các học phần thực tập, đồ án, đồ án tốt nghiệp, thực tập tốt nghiệp và một số học phần từ CTĐT chính quy để phù hợp với thực tiễn đào tạo ở Việt Nam [H3.3.1.6].

2. Điểm mạnh

Chương trình đào tạo của các ngành, chuyên ngành kỹ thuật bậc đại học và sau đại học của Nhà trường đều được xây dựng một cách có hệ thống, đảm bảo được tiêu chuẩn chung của Bộ GD&ĐT và tính tương thích với các chương trình đào tạo của các trường đại học lớn của Hoa Kỳ.

3. Tồn tại

Số lượng khảo sát, đánh giá về CTĐT từ các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên thu được còn hạn chế và chưa được tiến hành thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Bắt đầu từ năm học 2016-2017 Nhà trường giao Trung tâm đào tạo theo nhu cầu lập kế hoạch khảo sát, lấy ý kiến đối với các CTĐT tại các doanh nghiệp lớn ở các Tỉnh trong khu vực và cựu sinh viên trên toàn quốc; giao các khoa chuyên môn tổng hợp, phân tích số liệu phục vụ cho công tác xem xét điều chỉnh chương trình đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 3.2. Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

1. Mô tả

Năm 2013, Nhà trường đã tổ chức rà soát và xây dựng lại các CTĐT, đáp ứng 100% chương trình có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, có cấu trúc hợp lý (đáp ứng theo 12 mục tiêu cụ thể về thái độ, kiến thức, kỹ năng của người học [H3.3.2.1], [H3.3.2.2]). Thực hiện chủ trương của Bộ GD&ĐT và ĐHTN về việc chuẩn hóa CTĐT theo hướng tiếp cận CDIO, Nhà trường đã ban hành các văn bản về điều chỉnh toàn bộ CTĐT một cách sâu rộng và hệ thống, bắt đầu từ việc tổ chức xây dựng và ban hành chuẩn đầu ra của các chương trình [H3.3.2.3]. Mục tiêu đào tạo và CDR của CTĐT được thiết kế sát với tâm nhìn, sứ mạng của Trường, gắn kết nhu cầu học tập của người học với nhu cầu về nguồn nhân lực của đất nước và khu vực.

Cấu trúc các CTĐT gồm khối kiến thức cơ bản, khối kiến thức cơ sở và khối kiến thức ngành, chuyên ngành. Tính hợp lý của các CTĐT cũng thể hiện ở sự phân bố khối lượng dạy và học khi các học kỳ cuối bố trí số tín chỉ cân tích lũy ít hơn (12% tín chỉ ở học kỳ cuối so với 20 tín chỉ % ở các học kỳ đầu) tạo điều kiện để các SV có thời gian nghiên cứu chuyên sâu lĩnh vực quan tâm, hoặc đi tập sự, hoặc học lại các môn học chưa đạt ở các học kỳ trước [H3.3.2.4]. Các học phần thuộc mỗi khối kiến thức đều có liên hệ chặt chẽ và ảnh xạ trực tiếp hoặc gián tiếp với chuẩn đầu ra của CTĐT. Điều này được thể hiện ở sơ đồ tương quan giữa các học phần [H3.3.2.5] và bảng phân tích mức độ đáp ứng của các khối kiến thức với chuẩn đầu ra [H3.3.2.6]. Bên cạnh đó, CTĐT đã được thiết đảm bảo được tính liên thông dọc và ngang giữa các bậc đào tạo, đồng thời đảm bảo được theo các quy định của Bộ GD&ĐT [H3.3.2.4], [H3.3.2.7].

Về mức độ đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động: (1) Về mặt cấu trúc, các CTĐT đều có 10-12% học phần tự chọn nhằm đáp ứng linh hoạt các nhu cầu thực tiễn [H3.3.2.8]; (2) Nhà trường đã khảo sát lấy ý kiến trên 1000 sinh viên khi tốt nghiệp đối với 100% các CTĐT, kết quả 100% CTĐT được đánh giá là phù hợp với nhu cầu của người học, hợp lý cả về phân bố các khối kiến thức và cấu trúc các học phần [H3.3.2.9]; (3) Nhà trường đã khảo sát

lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng đối với hầu hết các CTĐT chính, riêng tiêu chí đánh giá “Khả năng đáp ứng linh hoạt yêu cầu thực tiễn sản xuất của kỹ sư đã học tập tại trường” đạt trên 80% [H3.3.2.10]; (4) Đặc biệt, 80% sinh viên đã có việc làm đúng ngành nghề tại các doanh nghiệp [H3.3.2.11], các kỹ sư tốt nghiệp của trường đào tạo có thể học tiếp ở trình độ cao hơn tại các trường tiên tiến trên thế giới [H3.3.2.12].

2. Điểm mạnh

100% CTĐT của trường được xây dựng theo hướng tiếp cận chuẩn CDIO.

3. Tồn tại

Số lượng khảo sát thu được từ các nhà tuyển dụng còn chưa nhiều và chưa được thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2017, Nhà trường sẽ hoàn thành việc khảo sát lấy ý kiến toàn bộ các CTĐT tại các doanh nghiệp và xã hội, làm cơ sở cho việc xem xét, điều chỉnh CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 3.3. Chương trình đào tạo chính quy và giáo dục thường xuyên được thiết kế theo quy định, đảm bảo chất lượng đào tạo.

1. Mô tả

Đối với hệ chính quy: Như đã trình bày ở tiêu chí 3.1 và 3.2, các CTĐT đại học hệ chính quy của Trường được xây dựng mới và điều chỉnh bổ sung vào năm 2013 đã hoàn toàn đáp ứng các quy định tại các văn bản của BGD&ĐT và ĐHTN [H3.3.1.2]. Bên cạnh đó, so sánh với CTĐT các ngành học tương ứng của Hoa Kỳ [H3.3.3.1], các CTĐT hệ chính quy của trường có thời lượng dành cho các học phần thực hành thí nghiệm lớn hơn và cũng kế thừa hầu hết các học phần chuyên môn trong CTĐT của Hoa kỳ. Đây là những cơ sở để khẳng định CTĐT chính quy của trường đáp ứng được các yêu cầu chất lượng đào tạo về kiến thức, kỹ năng và tính cập nhật, hiện đại.

Các CTĐT chính quy của trường đều cung cấp đầy đủ cho người học: sách

giáo trình, tài liệu tham khảo; cơ sở thực hành, thí nghiệm..v.v. đều đáp ứng đúng yêu cầu của từng chuyên ngành đào tạo. 100% CTĐT đại học do giảng viên có trình độ thạc sĩ giảng dạy, 100% CTĐT sau đại học do giảng viên có trình độ tiến sĩ.

Đối với hệ vừa học vừa làm: Để đảm bảo chất lượng đào tạo cho hệ vừa học vừa làm, từ khóa tuyển sinh năm 2008 Trường đã có văn bản quy định chương trình đào tạo của Hệ vừa làm vừa học được thống nhất theo cùng chương trình đào tạo với hệ chính quy cùng chuyên ngành (chỉ khác là không có học phần giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng) [H3.3.3.2]. Bên cạnh đó, nhà trường có các biện pháp cụ thể để đảm bảo phù hợp với đối tượng người học, đó là: 1) các học phần lý thuyết được giảng dạy tại cơ sở liên kết; 2) Với các học phần thí nghiệm, thực hành, thực tập: đưa sinh viên về trường thực tập. Nhằm nâng cao tính linh hoạt cho hệ vừa làm vừa học, trường còn được thực hiện theo quy chế riêng trong đó sinh viên có bằng nghề, tại chức, cao đẳng được miễn các học phần, thực hành, thực tập [H3.3.3.3].

2. Điểm mạnh

Dùng chung 1 CTĐT cho cả hai hệ: Chính quy và vừa làm vừa học.

3. Tồn tại

Chưa thu thập được ý kiến phản hồi của các sinh viên đã tốt nghiệp hệ vừa học vừa làm một cách rộng rãi để nâng cao hơn nữa chất lượng đầu ra của loại hình đào tạo này.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường đã xây dựng đề án thành lập trung tâm tuyển sinh và quan hệ công chúng vào trong năm 2017. Trung tâm có chức năng nhiệm vụ tổ chức lấy ý kiến của cựu học sinh, sinh viên vừa làm vừa học về CTĐT và hình thức tổ chức đào tạo cho hệ vừa học vừa làm

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 3.4. Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi

từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc cả nước.

1. Mô tả

CTĐT bậc đại học của trường hiện nay là kết quả của cả một quá trình xây dựng và phát triển trong 10 năm qua kể từ khi thực hiện chuyển đổi hình thức đào tạo niên chế sang hệ thống tín chỉ, các mốc chính là:

Năm 2006, thực hiện chuyển đổi từ học chế niên chế sang hệ thống tín chỉ, Nhà trường đã tiến hành chuyển đổi từ CTĐT 260 ĐVHT sang CTĐT 180TC và áp dụng cho các khóa sinh viên từ K40 (năm thứ 3) đến K42.

Năm 2008, nhờ kinh nghiệm triển khai đào tạo chương trình tiên tiến nhập khẩu từ Hoa Kỳ, Nhà trường đã xây dựng mới cho 22 CTĐT để thay thế cho chương trình 180 TC, áp dụng cho các khóa K43 đến K46 [H3.3.4.1]. Trong đó có 19 chương trình 150 TC đối với thuộc ngành khối kỹ thuật, và 3 chương trình 120 TC cho khối ngành kinh tế.

Năm 2013, căn cứ kết quả lấy ý kiến từ các giảng viên, bộ môn và khoa chuyên môn về các CTĐT đang thực hiện [H3.3.4.2].; đồng thời thực hiện chỉ đạo của ĐHTN về xây dựng chuẩn đầu ra và CTĐT nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, Nhà trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn xây dựng chuẩn đầu ra, CTĐT và đề cương chi tiết theo phương pháp tiếp cận CDIO [H3.3.1.3]. Trên cơ sở những văn bản này, Nhà trường đã tổ chức xây dựng chuẩn đầu ra và chỉnh sửa CTĐT. Trường đã chỉnh sửa được 22 chương trình và xây dựng mới 4 CTĐT, các CTĐT này được ban hành áp dụng từ tháng 1 năm 2014; 100% các CTĐT có sự tham khảo từ các CTĐT quốc tế với các mức độ khác nhau. Các CTĐT đã được khảo sát lấy ý kiến của sinh viên khi tốt nghiệp về mức độ hợp lý của chương trình cho thấy CTĐT của trường có mục tiêu rõ ràng, phù hợp với nhu cầu của người học; có cấu trúc chương trình hợp lý về các khối kiến thức và nội dung các học phần [H3.3.4.3]. Qua các kết quả tham dò, lấy ý kiến của nhà tuyển dụng, của

tổ chức giáo dục cho thấy các CTĐT của trường đảm bảo được tính linh hoạt, đáp ứng được yêu cầu về nguồn nhân lực của thị trường [H3.3.4.4].

2. Điểm mạnh

Các CTĐT của trường đều có sự tham khảo từ các chương trình tiên tiến trên thế giới. Đặc biệt, do nhà trường có 2 chương trình tiên tiến nên có nhiều thuận lợi cũng như kinh nghiệm học tập, tham khảo từ CTĐT đến tổ chức đào tạo của Hoa kỳ trong việc rà soát, điều chỉnh các CTĐT.

3. Tồn tại

Chưa lấy được nhiều ý kiến đóng góp từ các nhà tuyển dụng khác nhau.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2017, Nhà trường đã giao cho Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng xây dựng kế hoạch và tổ chức khảo sát lấy ý kiến toàn diện về chuẩn đầu ra của 100% CTĐT tại các doanh nghiệp lớn trong và ngoài tỉnh.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 3.5. Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với các trình độ đào tạo và chương trình đào tạo khác.

1. Mô tả

Là trường đầu tiên chuyển hình thức đào tạo niên chế sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ, đồng thời trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên cùng các tỉnh lân cận có nhiều trường cao đẳng kỹ thuật, vì vậy nhu cầu học tập nâng cao trình độ là rất cao. Để thuận lợi cho việc đào tạo liên thông dọc từ trình độ cao đẳng lên đại học Nhà trường đã chủ động phối hợp và hỗ trợ các trường cao đẳng trong khu vực xây dựng chương trình đào tạo cho các trường cao đẳng; trên cơ sở đó Nhà trường xây dựng chương trình đào tạo liên thông dọc cho các ngành đào tạo trong trường, CTĐT thể hiện các học phần cần tích lũy đó là các điều kiện về kiến thức để đảm bảo liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học [H3.3.5.1].

Tất cả các CTĐT được thiết kế modul nên thuận lợi cho đào tạo liên thông ngang giữa các ngành trong trường. Trong CTĐT liên thông ngang được chỉnh sửa năm 2014 thể hiện rõ các học phần phải tích lũy thêm đó là các điều kiện về

kiến thức khi liên thông giữa các ngành đào tạo bậc đại học trong trường với nhau. Đối với văn bằng 2, trung bình các chương trình này chỉ chiếm 40-50% tổng số tín chỉ so với chương trình chuẩn [H3.3.5.2]. Nhờ khả năng liên thông dọc và ngang của CTĐT, giai đoạn 2011-2016 trường đã đào tạo được 591 sinh viên liên thông từ cao đẳng lên đại học và 221 sinh viên tốt nghiệp có 2 bằng Đại học [H3.3.5.3].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã chủ động triển khai xây dựng CTĐT đảm bảo tính liên thông dọc và đặc biệt là liên thông ngang giữa các ngành đào tạo trong trường, từ bộ CTĐT ban hành năm 2007. Nhờ đó mà nhà trường đã tích lũy được nhiều bài học kinh nghiệm quý giá để tổ chức điều chỉnh lại bộ CTĐT ban hành năm 2014 nhằm đảm bảo một cách hợp lý cả 2 tiêu chí: sự linh hoạt, hiệu quả do có liên thông giữa các ngành, các bậc và hàm lượng chuyên môn, chuyên ngành của mỗi CTĐT cũng như đặc trưng của mỗi bậc đào tạo vẫn được đảm bảo.

3. Tồn tại

Chương trình đào tạo liên thông dọc hiện chỉ phù hợp với hệ cao đẳng chính quy và thuận lợi cho người học theo chương trình cao đẳng do nhà trường tư vấn xây dựng, mà không áp dụng được cho hệ cao đẳng nghề.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2017, phòng đào tạo tổ chức thu thập CTĐT của các trường cao đẳng có liên kết với trường trong công tác tuyển sinh liên thông; giao các khoa chuyên môn so sánh, phân tích về khả năng liên thông với các CTĐT của trường. Trên cơ sở đó, sẽ tư vấn với các đối tác để cùng xem xét, điều chỉnh CTĐT nhằm nâng cao mức độ liên thông dọc của các CTĐT phục vụ cho tuyển sinh và đào tạo liên thông đại học chính quy kể cả cao đẳng nghề trong năm học 2017-2018.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 3.6 . Chương trình giáo dục được định kỳ đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá.

1. Mô tả

Trong giai đoạn 2011-2016, công tác đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá của Nhà trường được thực hiện năm 2012. Xuất phát từ yêu cầu rà soát, điều chỉnh CTĐT theo văn bản của Đại học Thái Nguyên, Nhà trường đã giao cho các khoa triển khai đánh giá CTĐT hiện hành [H3.3.6.1]. Dựa trên các kết quả đánh giá này, năm 2013 Nhà trường đã tổ chức thực hiện soát điều chỉnh toàn bộ CTĐT như đã được mô tả trong tiêu chí 3.4.

Ngoài ra, thực hiện chủ trương đánh giá chương trình giáo dục của Bộ GD&ĐT và ĐHTN, năm 2014 Nhà trường tổ chức thực hiện việc đánh giá ngoài 2 CTĐT: là CTĐT Tự động hóa xí nghiệp công nghiệp và CTĐT Cơ khí chế tạo máy [H3.3.6.2]. Năm 2015, Nhà trường đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá 2 chương trình đào tạo là CTĐT Hệ thống điện và CTĐT Kỹ thuật điều khiển [H3.3.6.3]. Kết quả tự đánh giá và đánh giá đồng cấp của 4 chương trình này đang được các Khoa, bộ môn sử dụng để từng bước cải tiến chất lượng đào tạo cho các ngành này nói riêng và cũng là cơ sở để nhân rộng cho các ngành khác trong trường.

2. Điểm mạnh

Đã triển khai đánh giá đồng cấp 2 CTĐT và 2 CTĐT đang chuẩn bị được đánh giá đồng cấp bởi ĐHTN.

3. Tồn tại

Công tác đánh giá định kỳ các chương trình giáo dục chưa thực sự có chiều sâu và chưa đóng góp có hiệu quả đối với công tác cải tiến chất lượng đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Nghị quyết đại hội đại biểu lần thứ 13 của đảng bộ trường ĐHKTCN đã xây dựng kế hoạch từ năm 2015 đến 2020 sẽ đánh giá đồng cấp và kiểm định chất lượng cho 100% CTĐT.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt yêu cầu của tiêu chí

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Trong giai đoạn 2011 – 2016, công tác xây dựng và điều chỉnh CTĐT của

trường đều được thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT và ĐHTN. Bên cạnh đó, Nhà trường đã chú trọng học tập mô hình đào tạo từ 2 chương trình tiên tiến: từ việc tham khảo để xây dựng CTĐT đến việc sử dụng sách tiếng Anh làm giáo trình giảng dạy và ra bài tập, đảm bảo được tính mở, tính hiện đại và hội nhập về CTĐT với các trường đại học tiên tiến trên thế giới. Các CTĐT năm 2013 (đối với bậc đại học) và 2014 (đối với bậc cao học) cơ bản đã được xây dựng theo cách tiếp cận CDIO, có sự tham gia đầy đủ của các nhà khoa học, giảng viên, nhà quản lý giáo dục giàu kinh nghiệm, đồng thời tham khảo ý kiến của người học, nhờ đó đảm bảo được tính khoa học, chặt chẽ.

Nhà trường sử dụng CTĐT chính quy cho hệ VLVH và không ngừng cải tiến chất lượng theo hướng hiện đại hóa và có sự tham khảo các chương trình đào tạo tinh hoa nhằm đảm bảo chất lượng đầu ra.

Bên cạnh việc tổ chức rà soát, điều chỉnh và cập nhật những vấn đề mới về mặt nội dung các học phần được thực hiện thường xuyên tại các khoa, thì Nhà trường cũng chú trọng cải tiến chương trình đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong xu thế hội nhập cũng như tiệm cận với trình độ đào tạo các trường đại học tiên tiến trong nước, khu vực và trên thế giới.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 5/6

Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo (7 tiêu chí)

Mở đầu

Phương thức đào tạo đa dạng (đại học, liên thông, văn bằng 2, học 2 chương trình; đại học, liên thông vừa làm vừa học ngoài trường).

Là một trong những trường đầu tiên tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ (từ năm 2006). Điểm nổi bật trong tổ chức đào tạo của Nhà trường là học tập theo mô hình của Hoa Kỳ, đó là: lý thuyết gắn kết với thí nghiệm, thực hành; giảng viên soạn bài và ra bài tập từ giáo trình tiếng Anh; tương tác thầy, trò chủ yếu qua trang E-learning và tại phòng làm việc riêng của giảng viên; đánh giá thường xuyên chiếm 50% điểm học phần; giao đồ án, khóa luận tốt nghiệp và bài tập lớn cho các nhóm sinh viên.

Ứng dụng khá triệt để và hiệu quả các phần mềm EDUSOFT, EDUWEB, Moodle, thu học phí qua ngân hàng, v.v trong quản lý đào tạo.

Quản lý đào tạo theo mô hình 2 cấp: cấp trường và cấp khoa, đảm bảo tính khách quan, minh bạch.

Tiêu chí 4.1. Đa dạng hoá các hình thức đào tạo, đáp ứng yêu cầu học tập của người học theo quy định.

1. Mô tả

Thái Nguyên có 26 khu công nghiệp lớn như: khu công nghiệp Gang thép Thái Nguyên, khu công nghiệp Sông Công, khu công nghiệp Yên Bình, khu công nghiệp Nam Phổ Yên, khu công nghiệp Điện Thủy, v.v. Đồng thời, Thái Nguyên cũng là trung tâm đào tạo của khu vực miền núi phía bắc với 15 trường đại học, cao đẳng và nghề. Do đó nhu cầu của người học rất đa dạng gồm: học tập trung, học nâng cao trình độ (từ cao đẳng lên đại học, đại học lên sau đại học), chuyển đổi nghề nghiệp và vừa làm vừa học. Các hình thức đào tạo hiện tại của Nhà trường cơ bản đáp ứng được nhu cầu đa dạng của người học gồm: i) Hệ chính quy: Dài hạn, văn bằng 2, Liên thông cao đẳng lên đại học, đào tạo liên kết với nước ngoài; ii) Hệ vừa làm vừa học; iii) Đào tạo ngắn hạn: cấp hoặc không cấp chứng chỉ.

Trong đó, chất lượng đào tạo đại học, liên thông đại học chính quy, VLVH; thạc sĩ và tiến sĩ của trường được đảm bảo theo đúng quy định: Các chương trình đào tạo đều được ĐHTN và Bộ GD&ĐT thẩm định để cấp phép đào tạo; có sự giám sát chặt chẽ của ĐHTN trong công tác tuyển sinh đầu vào và tổ chức đào tạo theo đúng quy chế; tổ chức đánh giá chất lượng đầu ra định kỳ hàng năm. Đối với các chương trình đào tạo ngắn hạn, Nhà trường lấy kết quả đầu ra là chuẩn đầu ra. Ví dụ đào tạo ngoại ngữ, lấy điểm TOEFL-ITP làm đảm bảo cho chất lượng đào tạo [H4.4.1.1].

Nhà trường đã ban hành các quy chế đào tạo theo tín chỉ, cho hệ chính quy và vừa làm vừa học, và các văn bản hướng dẫn liên quan. Đồng thời có các hình thức quảng bá công khai về các CTĐT trên website, và các ấn phẩm của trường [H4.4.1.2].

a) Hệ tập trung: Đại học Chính quy (4 - 5 năm).

Trong 5 năm qua Trường đã đào tạo được 10161 sinh viên chính quy, 32 sinh viên cử tuyển, 34 sinh viên Lào, Campuchia [H4.4.1.3].

Trường đã được Bộ GD&ĐT lựa chọn triển khai 02 chương trình tiên tiến bậc đại học. Tính đến thời điểm hiện tại Nhà trường đã đào tạo 6 khóa ngành kỹ thuật cơ khí và 5 khóa ngành kỹ thuật điện có 400 sinh viên, trong đó có 81 sinh viên đã tốt nghiệp [H4.4.1.4].

b) Hệ liên thông chính quy từ cao đẳng lên đại học: Từ năm 2011 đến nay, trường đã đào tạo được 6 khóa với 591 sinh viên đã tốt nghiệp [H4.4.1.5].

c) Hệ văn bằng 2 và học cùng lúc 2 chương trình: Từ năm 2011 đến nay, trường đã đào tạo được 221 sinh viên [H4.4.1.5].

d) Hệ vừa làm vừa học:

Từ năm 2011 đến nay Nhà trường đã tổ chức đào tạo được 3736 sinh viên theo nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho các ban, ngành ở 10 tỉnh trong khu vực [H4.4.1.6].

e) Đối với bậc sau đại học: Với 6 chuyên ngành đào tạo thạc sĩ (riêng chuyên ngành kỹ thuật ô tô máy động lực thì được phép đào tạo theo cả 2 hướng

nghiên cứu và ứng dụng), từ năm 2011 đến nay Nhà trường đã tuyển sinh được 365 học viên, và cấp bằng được 385 học viên [H4.4.1.7].

f) *Đào tạo tiến sĩ*: Trường có 2 chuyên ngành: Kỹ thuật cơ khí và kỹ thuật điều khiển tự động hóa, từ năm 2011 đến nay đã đào tạo và cấp bằng cho 14 tiến sĩ [H4.4.1.8].

g) *Liên kết đào tạo quốc tế*

Trong 5 năm qua, Nhà trường đã đào tạo được 49 sinh viên chương trình liên kết đào tạo 2+2, do trường Đại học Khoa học và Công nghệ Sơn Đông Trung Quốc cấp bằng [H4.4.1.9].

h) *Đào tạo ngắn hạn về chuyên môn, tin học, ngoại ngữ*: Năm 2013 Trung tâm Đào tạo theo nhu cầu xã hội của trường (ĐTTNC), được ĐHTN ra quyết định thành lập [H4.4.1.10] với chức năng nhiệm vụ: tổ chức các lớp thực tập nghề ngắn hạn chuyên ngành Điện, Điện tử; kiểm tra, phân loại trình độ ngoại ngữ để xếp lớp, các khóa học TOEFL – ITP. Những khóa đào tạo ngắn hạn này không cấp chứng chỉ. Đào tạo ngắn hạn về quản trị mạng CISCO...., tin học ứng dụng; học viên các khóa học này đăng ký thi lấy các chứng chỉ quốc tế do các tổ chức quốc tế được cấp phép (chứng chỉ IC3; TOEFL) [H4.4.1.11].

2. Điểm mạnh

Hình thức đào tạo của nhà trường đã góp phần đào tạo nguồn nhân lực thuộc diện chính sách ưu tiên của nhà nước là sinh viên cử tuyển, sinh viên Lào, Campuchia .

3. Tồn tại

Số lượng tuyển sinh hàng năm cũng như quy mô đào tạo của hệ VLVH và sau đại học của trường trong 4 năm trở lại đây ngày càng sụt giảm.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường đã triển khai xây dựng và trình Bộ GD&ĐT 05 CTĐT thạc sĩ định hướng ứng dụng, năm 2017 bắt đầu tuyển sinh tại một số tỉnh trong khu vực. Nhờ đó mở rộng được nguồn tuyển sinh SDH cũng như đáp ứng tốt hơn theo nhu cầu của xã hội.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 4.2. Thực hiện công nhận kết quả học tập của người học theo niên chế kết hợp với học phần; có kế hoạch chuyển quy trình đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ có tính linh hoạt và thích hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học.

1. Mô tả

Công tác chuyển đổi đào tạo từ niên chế sang tín chỉ của trường đã bắt đầu từ năm 2006; các khóa tuyển sinh đại học chính quy từ năm 2007, hệ vừa làm vừa học từ các khóa tuyển sinh năm 2008 và bậc cao học từ khóa tuyển sinh năm 2011 đến nay đã tổ chức đào tạo hoàn toàn theo hệ thống tín chỉ [H4.4.2.1]. Vì vậy trong giai đoạn từ năm 2011-2016 nhà trường hoàn toàn thực hiện đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

2. Điểm mạnh

Từ năm 2011 đến nay, Nhà trường đã tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở tất cả các bậc học và ở các loại hình đào tạo.

3. Tồn tại

Việc tổ chức đào tạo hoàn toàn theo hệ thống tín chỉ đã làm giảm tính gắn kết của người học trong các hoạt động và sinh hoạt tập thể của các lớp sinh viên trước đây. Đồng thời làm giảm khả năng tương trợ giúp đỡ lẫn nhau của sinh viên trong lớp.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2017 Nhà trường đã giao phòng CTSV phối hợp với các khoa chuyên môn tổ chức đổi mới công tác giáo viên chủ nhiệm và hoạt động rèn luyện của sinh viên. Theo hướng sinh hoạt lớp hàng quý, hàng tháng theo chủ đề; lập các nhóm học tập trong lớp với sinh viên khá, giỏi làm nòng cốt và có chính sách động viên, khuyến khích đối với những sinh viên này.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 4.3. Có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên; chú trọng việc triển khai đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học.

1. Mô tả

+ Đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên

Trong giai đoạn vừa qua, công tác đánh giá các hoạt động giảng dạy của GV được Nhà trường tiến hành thường xuyên và định kỳ với nhiều hình thức khác nhau, cụ thể như sau:

Sinh hoạt chuyên môn tại các bộ môn vào thứ 2 hàng tuần. Đây chính là hoạt động đánh giá giảng viên của đồng nghiệp và quản lý cấp bộ môn, cấp khoa mang tính hiệu quả rất cao [H4.4.3.1].

Công tác đánh giá ở cấp trường thông qua các hoạt động: (i) Đánh giá sử dụng E-learning từ năm 2013-2014. Theo đó, chất lượng sử dụng E-learning của toàn bộ giảng viên được đánh giá theo từng quý, làm cơ sở cho công tác xét lương tăng thêm hàng quý và thi đua, khen thưởng cho năm học [H4.4.3.2], [H4.4.3.3]. (ii) Đánh giá thông qua kiểm tra giáo án và sách bài tập: từ năm 2011 đến nay đã thực hiện được 2 lần [H4.4.3.4] và (iii) Đánh giá giờ giảng tại hội đồng Nhà trường: Từ năm 2014 Nhà trường đã tổ chức các hội đồng đánh giá giờ giảng của các giảng viên có trình độ thạc sỹ cấp trường [H4.4.3.5].

Đánh giá thông qua kênh sinh viên: kết thúc mỗi học kỳ, 100% giảng viên tham gia giảng dạy trong học kỳ đều được SV đánh giá theo 1 trong 2 hình thức: thông qua phiếu đánh giá và đánh giá trực tuyến trên Website của trường [H4.4.3.6].

+ Công tác triển khai đổi mới phương pháp giảng dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập:

Những nét nổi bật của công tác này trong 5 năm qua là:

Năm 2014 Biên soạn lại đề cương chi tiết môn học theo hướng xác định rõ mục tiêu của học phần, nội dung giảng dạy; phương pháp giảng dạy; nội dung đánh giá và phương pháp đánh giá để đạt được mục tiêu, chuẩn đầu ra đề ra [H4.4.3.7].

Tất cả các học phần đều đảm bảo 5 tài liệu giảng dạy (đề cương, bài

giảng, bài tập do giáo viên tự biên soạn được bộ môn rà soát theo mục tiêu của các học phần, chú trọng đến năng lực tự học của sinh viên [H4.4.3.8].

Quy định sử dụng giáo trình và ra bài tập từ tài liệu nước ngoài: Chú trọng vào việc tham khảo các tài liệu tiếng Anh, sách tiếng Anh để biên soạn giáo trình bài giảng và ra bài tập [H4.4.3.9], [H4.4.3.3].

Thay thế giờ thảo luận (nhóm lớn) trên lớp bằng hướng dẫn và thảo luận trực tiếp với các nhóm nhỏ sinh viên tại phòng làm việc của giảng viên [H4.4.3.10], [H4.4.3.11].

+ *Tạo môi trường để phát triển năng lực tự học tự nghiên cứu của người học*

Tổ chức, đầu tư trang thiết bị và cấp kinh phí hoạt động hàng năm cho các câu lạc bộ học thuật của sinh viên và Trung tâm Sáng tạo sản phẩm của trường [H4.4.3.12];

Đầu tư kinh phí cho đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên theo hướng không hạn chế số lượng đề tài mà chỉ quản lý chất lượng đầu ra [H4.4.3.13];

Tạo cơ chế để khuyến khích sinh viên tự học tiếng Anh để thi lấy chứng chỉ Toefl ITP thay cho các học phần tiếng Anh bắt buộc trong chương trình [H4.4.3.14];

Ngoài thời lượng thực hành, thực tập chính khóa sinh viên được phép sử dụng trang thiết bị nhà trường để tăng thời gian rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp (tự chuẩn bị vật tư) [H4.4.3.15].

Khuyến khích sinh viên làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp theo nhóm để tạo ra sản phẩm thực [H4.4.3.3].

Tăng tỷ trọng điểm thường xuyên: Trường đã cải tiến đánh giá kết quả học tập của SV, việc đánh giá kết quả học tập không chỉ dựa vào kết quả bài thi kết thúc học phần (50% tổng trọng số) mà còn kết hợp với điểm đánh giá quá trình học tập trong học kỳ, bao gồm điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên, và điểm bài tập về nhà (trung bình 2 điểm thường xuyên/1 tín chỉ) [H4.4.3.16].

Nhờ tăng số lượng bài kiểm tra thường xuyên và bài tập về nhà đã đôn đốc được tính tự giác đến lớp và tự học ở nhà của sinh viên.

Tăng số lượng đồ án môn học và đưa đồ án tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp vào học phần bắt buộc. Nhờ đó giúp sinh viên biết phối hợp giữa các khối kiến thức, kết hợp giữa lý thuyết và thực tế để có thể phát triển được năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm [H4.4.3.16].

2. Điểm mạnh

Công tác sinh hoạt chuyên môn, trau dồi phương pháp giảng dạy được tiến hành hàng tuần tại các khoa và bộ môn;

Việc đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên mang tính định lượng thông qua nội dung giảng dạy trên trang E-learning của từng lớp học phần.

Tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu của sinh viên thông qua hình thức đánh giá thường xuyên, đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp, nghiên cứu khoa học và các câu lạc bộ sinh viên.

3. Tồn tại

Chưa triển khai khảo sát ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên đối với hệ sau đại học.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2017, Nhà trường giao phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng tổ chức khảo sát học viên sau đại học về hoạt động giảng dạy và đánh giá của giảng viên; tổng hợp, phân tích kết quả, giao các khoa chuyên môn làm cơ sở để điều chỉnh phương pháp giảng dạy.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 4.4. Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo; đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.

1. Mô tả

Nhà trường áp dụng linh hoạt các hình thức kiểm tra đánh giá bao gồm: tự luận, trắc nghiệm (trên máy và trên giấy) và vấn đáp. Các nội dung đánh giá bao gồm: điểm thành phần, điểm bài tập, điểm chuyên cần, báo cáo thí nghiệm, thực tập, tiểu luận và đồ án. Toàn bộ hình thức và nội dung đánh giá này đã được quy định trong quy chế đào tạo [H4.4.3.16].

Với đánh giá thường xuyên trên lớp, giáo viên chủ động về thời gian và nội dung, nhờ đó mà sinh viên phải tích cực dự lớp, nghe giảng và tự học ở nhà [H4.4.3.16], [H4.4.3.3].

Bài tập về nhà: theo quan điểm học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn, Nhà trường thực hiện chủ trương tất cả các môn học đều phải có 60 bài tập hoặc nhiệm vụ về nhà /1 tín chỉ, chủ yếu tham khảo từ các tài liệu tiếng Anh. Nhờ đó, rèn cho sinh viên ý thức tự học ở nhà, làm việc nhóm và tiếp cận các bài toán thực tiễn kỹ thuật [H4.4.3.16], [H4.4.3.3].

Đề bài, đáp án và kết quả đánh giá của các bài kiểm tra thường xuyên đều được giảng viên công bố công khai trên trang E-learning của học phần, nhờ đó đảm bảo được tính khách quan, nghiêm túc và công bằng [H4.4.4.1].

Đánh giá hết học phần được thực hiện theo quy chế thi: Bộ môn xây dựng 4 đề thi/1 tín chỉ cho mỗi học kỳ; phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng tổ chức bốc thăm, niêm phong và in sao đề thi để giao cho bộ môn tổ chức thi. Việc coi thi, rọc phách, chấm thi và phúc khảo được thực hiện dựa trên quy chế tuyển sinh đại học [H4.4.4.2]. Đặc biệt đối với các học phần thực hiện hình thức thi trắc nghiệm trên máy tính đảm bảo tính khách quan và người học biết điểm ngay sau khi nộp bài [H4.4.4.3].

Thực hành, thí nghiệm và thực tập: áp dụng hình thức chấm báo cáo kết quả. Hình thức này nhằm rèn luyện kỹ năng viết báo cáo thu hoạch, tổng hợp số liệu, phân tích đánh giá hoạt động thực tiễn của sinh viên [H4.4.4.4].

Đối với các học phần đồ án và đồ án tốt nghiệp: yêu cầu sinh viên viết thuyết minh và bảo vệ đồ án trước hội đồng, qua đó giúp sinh viên rèn luyện

được kỹ năng làm việc nhóm, tổng hợp, phân tích, phát hiện, giải quyết vấn đề và trình bày vấn đề kỹ thuật.

Theo quy định của Nhà trường, hình thức và nội dung đánh giá của học phần, điểm trọng số của từng nội dung đánh giá được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết của tất cả các học phần. Đồng thời, hình thức và nội dung đánh giá phải được công khai trên trang e-learning của học phần và được giảng viên công bố ngay trong tuần học đầu tiên. Nhờ đó, tính công khai, minh bạch, khách quan và công bằng trong đánh giá kết quả học tập đã được người học phản ánh tốt qua kết quả khảo sát sinh viên đánh giá giảng viên hàng kỳ [H4.4.4.5].

2. Điểm mạnh

Đa dạng hóa trong triển khai đánh giá thường xuyên đòi hỏi người học phải liên tục rèn luyện năng lực tự học; Việc đưa đồ án tốt nghiệp là học phần bắt buộc giúp người học rèn luyện được năng lực tổng hợp, phân tích, phát hiện, giải quyết và trình bày vấn đề kỹ thuật.

3. Tồn tại

Hệ vừa học vừa làm phần lớn không được làm đồ án tốt nghiệp mà chỉ học các học phần thay thế đồ án tốt nghiệp nên một số năng lực, kỹ năng tổng hợp giải quyết vấn đề chưa thực sự tốt.

4. Kế hoạch hành động

Để phát triển năng lực sáng tạo của sinh viên vừa học vừa làm, tăng tỉ lệ làm đồ án tốt nghiệp (30% năm 2016).

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.5. Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Văn bằng, chứng chỉ được cấp theo quy định và được công bố trên trang thông tin điện tử của Nhà trường.

1. Mô tả

Toàn bộ điểm thường xuyên đánh giá quá trình đều được công khai trên trang E-learning của học phần [H4.4.4.1]. Sau khi kết thúc kỳ thi 1 tuần, các bộ

môn hoàn thành chấm thi, thông báo điểm tại bộ môn và nộp điểm về văn phòng khoa để quản lý và báo cáo. Ngay sau khi nhận điểm từ khoa, Phòng đào tạo công bố điểm học phần trên trang thông tin cá nhân của sinh viên [H4.4.5.1].

Công tác lưu trữ kết quả học tập của sinh viên được thực hiện song song ở: Phòng đào tạo lưu phiếu điểm gốc và dữ liệu trên phần mềm; Văn phòng khoa lưu biểu 4, phiếu điểm gốc và dữ liệu trên phần mềm; Bộ môn lưu bài thi, biểu 4, điểm thành phần và bảng điểm gốc [H4.4.5.2].

Việc cấp phát văn bằng chứng chỉ được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT [H4.4.5.3]: việc in và phát bằng tốt nghiệp cho sinh viên được hoàn thành trong vòng 1 tháng kể từ khi có quyết định công nhận tốt nghiệp. Sinh viên trực tiếp nhận bằng tốt nghiệp và ký xác nhận tại sổ cấp bằng [H4.4.5.4]. Ngoài ra, Nhà trường còn linh hoạt trong việc cấp bằng điểm, giấy chứng nhận hoàn thành CTĐT [H.4.4.5.5].

Để phục vụ cho công tác kiểm tra thông tin văn bằng tốt nghiệp của nhà tuyển dụng, Nhà trường đã xây dựng phần mềm tra cứu trực tuyến một cách đầy đủ [H4.4.5.6].

2. Điểm mạnh

Công nghệ thông tin số hóa rất hiệu quả, thuận lợi cho người học trong quản lý lưu trữ.

3. Tồn tại

Hệ thống trang thông tin đào tạo cá nhân sinh viên chưa đảm bảo tính cập nhật dữ liệu online với phần mềm quản lý điểm, phần mềm quản lý chương trình, thời khóa biểu, vv.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường giao phòng Công tác HSSV, phòng Đào tạo và phòng CNTT-TV phối hợp tổ chức thực hiện việc số hóa cơ sở dữ liệu sinh viên tốt nghiệp từ năm 2010 trở về trước, hoàn thành trong năm 2017. Phòng Đào tạo tư vấn nâng cấp phần mềm tự động cập nhật dữ liệu học tập trên trang cá nhân sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.6. Có cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của Nhà trường, tình hình sinh viên tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp.

1. Mô tả

Cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của nhà trường gồm: (i) Danh sách thí sinh trúng tuyển trong vòng 10 năm, do Giám đốc ĐHTN quyết định, được lưu trữ dạng file và văn bản (ii) Quyết định thành lập các lớp sinh viên và danh sách sinh viên CTĐT các khóa trong 10 năm trở lại đây, được lưu trữ dạng file và văn bản; (iii) CTĐT các ngành; thông tin SV các khóa, lớp; kết quả học tập, rèn luyện; thời khóa biểu các lớp học phần được lưu trữ lâu dài trên hệ thống máy chủ của Nhà trường [H4.4.6.1].

Các bài thi kết thúc học phần của SV theo từng môn học được lưu trữ theo quy định tại các bộ môn. Danh sách, hồ sơ, thông tin về SV các khóa tốt nghiệp được lưu tại Phòng Đào tạo và Phòng Công tác SV theo quy định [H4.4.6.2].

Từ năm 2014, Nhà trường đang bước đầu tiến hành khảo sát thu thập thông tin để xây dựng cơ sở dữ liệu liên quan đến tình hình việc làm, vị trí công tác và thu nhập của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Công tác này được giao cho Trung tâm Đào tạo theo nhu cầu xã hội đảm nhiệm [H4.4.6.3]. Ngoài ra, mối liên kết giữa Nhà trường và những sinh viên đã tốt nghiệp còn thông qua các Hội cựu sinh viên Cơ Điện trên toàn quốc [H4.4.6.4].

Qua số liệu khảo sát ban đầu của 26 ngành cho thấy 90% sinh viên tốt nghiệp đều có việc làm, trong đó sinh viên tốt nghiệp chương trình tiên tiến có việc làm ngay tại các doanh nghiệp liên doanh với mức lương trung bình 96 triệu/năm [H4.4.6.5], [H4.4.6.6].

2. Điểm mạnh

Cơ sở dữ liệu hoạt động đào tạo của nhà trường được lưu trữ toàn diện và đầy đủ.

Nhà trường có các Hội cơ điện đã và đang hoạt động tích cực tại hầu hết các tỉnh thành trong cả nước.

3. Tồn tại

Chưa tổ chức thu thập được dữ liệu về tình hình việc làm và thu nhập của sinh viên sau khi tốt nghiệp một cách bài bản và đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Nhà trường tập trung thu thập thông tin và xây dựng cơ sở dữ liệu về việc làm, vị trí và thu nhập của cựu sinh viên dựa trên việc phát huy thế mạnh của Hội sinh viên Cơ Điện.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 4.7. Có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

1. Mô tả

Nhà trường đã thành lập đơn vị chuyên trách thực hiện nhiệm vụ đánh giá chất lượng đào tạo của người học từ doanh nghiệp và xã hội [H4.4.6.3]. Tuy nhiên trên thực tế, Nhà trường mới tiến hành khảo sát, đánh giá chất lượng sinh viên tốt nghiệp ở 26 ngành [H4.4.7.1] với số lượng tham vấn còn hạn chế và chưa tổ chức được các cuộc hội thảo để lấy ý kiến của doanh nghiệp, nhà tuyển dụng về chất lượng đào tạo.

Mặc dù vậy, trên cơ sở từ những ý kiến phản ánh chính thức, không chính thức của các doanh nghiệp về chất lượng đào tạo, Nhà trường đã tổ chức thực hiện những điều chỉnh để đảm bảo chất lượng đáp ứng yêu cầu xã hội, cụ thể là:

+ Nhà trường đã mạnh dạn áp chuẩn đầu ra tiếng Anh đối với sinh viên tốt nghiệp từ năm 2014 trở đi (năm 2014 chuẩn tiếng Anh là 390 TOEFL ITP và đến năm 2020 sinh viên tốt nghiệp phải đạt chuẩn 450 TOEFL ITP). Đây là tiền đề quan trọng nhằm khắc phục điểm yếu căn bản của sinh viên các trường kỹ thuật trên toàn quốc nói chung khi tìm việc làm và ra công tác, đó là năng lực tiếng Anh kém.

+ Tăng số lượng điểm thành phần lên 3 điểm đánh giá/1 tín chỉ để khắc phục việc bỏ học trên lớp của sinh viên [H4.4.3.16];

+ Trong 5 năm gần đây, gần 70% số học phần thuộc khối kiến thức tự nhiên và kỹ thuật đã sử dụng giáo trình bằng tiếng Anh trong giảng dạy và học tập [H4.4.3.2], [H4.4.3.9];

+ Đổi mới công tác thực tập và thực hành về quản lý và nội dung nhằm nâng cao kỹ năng của người học [H4.4.3.15];

+ Nghiêm túc trong thi và kiểm tra, hướng tới chất lượng thật của người học. Hiện tượng tiêu cực trong thi cử hầu như được loại bỏ [H4.4.4.3].

2. Điểm mạnh

Từ phản ánh của các doanh nghiệp (chính thức hoặc không chính thức), Nhà trường đã tổ chức điều chỉnh kịp thời và có hiệu quả các hoạt động đào tạo để đảm bảo và từng bước nâng cao chất lượng.

3. Tồn tại

Chưa đưa công tác lấy ý kiến từ nhà tuyển dụng thành một hoạt động có hệ thống và hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo sinh viên tốt nghiệp thông qua ý kiến nhà tuyển dụng, nhà sử dụng lao động, đây là 1 phần quan trọng trong Đề án tuyên truyền tuyển sinh của trường. Năm 2007 thành lập Trung tâm tuyển sinh và quan hệ công chúng. Trong đó, công tác khảo sát chất lượng đào tạo từ các nhà tuyển dụng, sử dụng lao động là 1 nhiệm vụ chính của Trung tâm.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Trong giai đoạn 2011-2016, Nhà trường đã thực hiện nhiều giải pháp đổi mới công tác tổ chức đào tạo nhằm duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo, như:

- Xây dựng được môi trường tự học cho sinh viên thông qua các câu lạc bộ có sự đầu tư cả về trang thiết bị và kinh phí; đẩy mạnh NCKH của sinh viên.
- Phát triển và khai thác E-learning trong giảng dạy và quản lý. Đề, đáp án và kết quả của các bài kiểm tra đều công bố trên trang E-learning của học phần.

- Sử dụng giáo trình và ra bài tập từ tài liệu nước ngoài ở tất cả các học phần khoa học tự nhiên và kỹ thuật; Thay thế giờ thảo luận trên lớp bằng hướng dẫn và thảo luận trực tiếp với các nhóm nhỏ tại phòng làm việc của giảng viên.

- Hệ thống quản lý và lưu trữ kết quả học tập được cá nhân hóa đến từng sinh viên.

- Tuy nhiên, bên cạnh những mặt mạnh trên, Nhà trường vẫn còn một số hạn chế như: chưa thu thập và có hệ thống thông tin về tình hình việc làm và thu nhập của cựu sinh viên; chưa lên kế hoạch định kỳ về đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường... vv. Những tồn tại này cần và chắc chắn được khắc phục đầy đủ trong thời gian tới.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 7/7

Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên (8 tiêu chí)

Mở đầu

Với mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên tâm huyết, giỏi chuyên môn, ngoại ngữ, tinh thông nghiệp vụ, lấy công tác phát triển đội ngũ làm đòn bẩy nhằm đổi mới toàn diện hoạt động của Nhà trường, trong những năm qua, trường ĐHKTCN đã triển khai đồng bộ công tác xây dựng và phát triển đội ngũ một cách thiết thực, hiệu quả. Hiện nay, đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên của Nhà trường được đánh giá tương đối đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, có cơ cấu hợp lý cả về giới, thâm niên, tuổi đời, trình độ chuyên môn.

Tiêu chí 5.1. Có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên; quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của trường đại học; có quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch.

1. Mô tả

Kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên, nhân viên đã được đưa vào Kế hoạch chiến lược phát triển trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp giai đoạn 2010-2015 và tầm nhìn đến năm 2020 [H5.5.1.1]. Trên cơ sở đó, Nhà trường lên kế hoạch tuyển dụng, phát triển đội ngũ giảng viên, nhân viên theo nhu cầu của từng năm học [H5.5.1.2]. Kế hoạch được công khai trên website và có thông báo rộng rãi trong toàn trường [H5.5.1.3].

Trường triển khai quy hoạch cán bộ theo quy định của Đại học Thái Nguyên. Trên cơ sở số lượng cán bộ cần quy hoạch, Nhà trường thực hiện việc triển khai quy hoạch từ các đơn vị trong trường theo đúng tiêu chí và yêu cầu của từng vị trí quy hoạch [H5.5.1.4].

Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý được Nhà trường đưa vào nội dung chiến lược phát triển cán bộ trong chiến lược chung của Nhà trường, thực hiện công khai, dân chủ và theo nguyên tắc Đảng lãnh đạo, đúng kế hoạch đề ra

[H5.5.1.5]. Từ năm 2011-2016, Nhà trường đã quy hoạch được 239 vị trí chức vụ, trong đó đã thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 204 lượt cán bộ [H5.5.1.4], [H5.5.1.5].

Những cán bộ nằm trong quy hoạch và cán bộ mới được tuyển dụng đều được chú trọng bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, phát triển để hoàn thành các nhiệm vụ được phân công. Cụ thể, từ năm 2011 - 2016, số cán bộ, viên chức được cử đi đào tạo là 92 người, trong đó bồi dưỡng tiến sĩ là 56 người (30 người ở nước ngoài), thạc sĩ là 36 người (10 người ở nước ngoài), cao cấp lý luận chính trị là 8 người, quản lý giáo dục là 92 người, tham gia đàm phán và ký kết hợp tác với các trường đối tác là 43 lượt người, học và thực tập tiếng Anh tại Hoa Kỳ là 24 lượt người, thăm quan, học tập kinh nghiệm ngắn hạn là 241 lượt người, tập huấn phương pháp giảng dạy ở Hoa Kỳ từ 2 đến 4 tháng là 70 lượt người, tham gia nghiên cứu khoa học là 07 lượt người. Có một vài trường hợp được Nhà trường cử đi học nước ngoài theo học bổng nhà nước đã chuyển công tác sang nơi khác [H5.5.1.6].

Năm 2013, Nhà trường đã cụ thể hóa công tác tuyển dụng bằng văn bản với việc ban hành *Quy định về tuyển dụng, sử dụng, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ viên chức* của trường [H5.5.1.7]. Công tác tuyển dụng được Nhà trường thực hiện bằng hình thức thi tuyển theo quy định của trường, Đại học Thái Nguyên và Nhà nước. Từ năm 2015, tiêu chí tuyển dụng giảng viên là tốt nghiệp đại học chính quy loại giỏi, có chứng chỉ ngoại ngữ TOEFL-ITP 500 trở lên hoặc tương đương, đạt chuẩn tin học IC3, có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dành cho giảng viên [H5.5.1.8]. Từ 2011 đến tháng 7 năm 2016, Nhà trường đã tuyển dụng được 115 cán bộ (với 75 giảng viên, 40 KTV, NV), trong đó có 37 cán bộ biên chế, 78 cán bộ hợp đồng hưởng lương từ kinh phí Nhà trường [H5.5.1.9].

Để đạt được năng lực ngoại ngữ theo yêu cầu đề ra, Nhà trường hỗ trợ kinh phí một lần cho cán bộ giảng viên tham gia lớp ngoại ngữ và thi chứng chỉ. Hiện nay, đã có 61% giảng viên giảng dạy lý thuyết đạt chứng chỉ Toefl-ITP 500 trở lên [H5.5.1.10].

Từ năm học 2013-2014, Nhà trường đã xây dựng các tiêu chí đánh giá toàn diện về chất lượng cán bộ hàng năm theo các tiêu chuẩn định lượng. Kết quả đánh giá theo những tiêu chuẩn này được công bố công khai để tạo động lực phân đấu cho toàn thể cán bộ giảng viên của Nhà trường [H5.5.1.11].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thiết kế và đưa vào sử dụng các tiêu chuẩn định lượng đánh giá toàn diện chất lượng của cán bộ viên chức Nhà trường.

3. Tồn tại

Nhà trường chưa có biện pháp để bắt buộc các cán bộ viên chức đi học nước ngoài về trường công tác.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016-2017, Nhà trường sẽ ban hành quy định đối với những cán bộ được cử đi học thạc sỹ và tiến sỹ phải quay về trường công tác tối thiểu 5 năm với thạc sỹ và 10 năm đối với tiến sỹ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 5.2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được đảm bảo các quyền dân chủ trong trường đại học.

1. Mô tả

Nhà trường đã ban hành “*Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Nhà trường*” nhằm cụ thể hóa quy chế dân chủ cơ sở của Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ, Bộ GD&ĐT và Đại học Thái Nguyên tại Nhà trường [H5.5.2.1]. Quy chế dân chủ ở cơ sở được thực hiện tốt theo nguyên tắc “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Nhà trường đã có: Hội đồng trường, Hội đồng công tác cán bộ, Hội đồng khoa học và đào tạo, Hội đồng thi đua-khen thưởng v.v... để tư vấn cho Hiệu trưởng trong việc chỉ đạo, triển khai các lĩnh vực hoạt động đảm bảo quyền dân chủ trong trường [H5.5.2.2].

Hàng năm, Ban thanh tra nhân dân đều có báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đối với CBVC trong nhà trường [H5.5.2.3]. Ban Giám hiệu cùng với Ban thanh tra nhân dân, phòng Thanh tra – Pháp chế thường xuyên có kế

hoạch tiếp cán bộ viên chức, sinh viên theo lịch đề ra [H5.5.2.4]. Nhà trường có hòm thư góp ý để CBVC đóng góp ý kiến. Các thắc mắc của cá nhân và đơn vị đều giải quyết thỏa đáng, thấu tình, đạt lý và không gây mất dân chủ trong Nhà trường. 100% khiếu nại, thắc mắc được giải quyết theo đúng quy định của luật pháp. Tuy nhiên, trong năm 2011 và năm 2013 một số kiến nghị, khiếu nại còn bị chậm trễ trong khâu giải quyết, do một số bộ phận chức năng chưa thành thạo về chuyên môn, nghiệp vụ [H5.5.2.5].

100% cán bộ viên chức Nhà trường được tham gia đóng góp ý kiến về chiến lược phát triển Nhà trường, Kế hoạch phát triển chương trình đào tạo, Quy chế chi tiêu nội bộ, công tác dự toán, quyết toán tài chính, công tác chăm lo đời sống và bảo vệ quyền lợi của người lao động... theo quy trình đóng góp ý kiến từ các đơn vị, tổ chức công đoàn, các đoàn thể và các kỳ họp, hội nghị cán bộ viên chức định kỳ hàng năm [H5.5.2.6].

2. Điểm mạnh

Công tác thực hiện quy chế dân chủ trong Nhà trường được thực hiện tốt, CBVC được tham gia đóng góp ý kiến cho nhiều hoạt động lớn của trường.

3. Tồn tại

Việc giải quyết một vài kiến nghị, khiếu nại còn chậm trong năm 2011 và năm 2013.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016 – 2017, Nhà trường sẽ cử 03 cán bộ chuyên trách của phòng Thanh tra - Pháp chế đi tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra để nâng cao năng lực giải quyết các vấn đề, đặc biệt giải quyết các vụ việc đảm bảo tốt các quyền dân chủ trong nhà trường.

Để đảm bảo các khiếu nại, tố cáo được giải quyết kịp thời theo đúng thời hạn quy định của Nhà nước, từ năm học 2016 – 2017 Nhà trường sẽ tăng cường hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ phòng Thanh tra – Pháp chế để giải quyết các vấn đề tồn tại, tránh tình trạng giải quyết chậm trễ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 5.3. Có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

1. Mô tả

Trong những năm vừa qua, Nhà trường luôn chú trọng công tác phát triển đội ngũ thông qua các chính sách, quy định, tạo điều kiện cho cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước thông qua chủ trương của Đảng bộ Nhà trường, kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường và một số quy định về nhiệm vụ của giảng viên, về nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ cho giảng viên [H5.5.3.1]. Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường (được định kỳ đánh giá và điều chỉnh hàng năm) có các quy định cụ thể về chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện về kinh phí và thời gian cho cán bộ, giảng viên tham gia các hoạt động trên [H5.5.3.2].

Nhà trường luôn có chính sách, khuyến khích, động viên, cử cán bộ quản lý và giảng viên đi học tập, nâng cao trình độ, tham gia các lớp bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ và kỹ năng quản lý. Bên cạnh việc hỗ trợ tài chính, giảng viên đi học cao học, nghiên cứu sinh, thực tập đều giảm trừ định mức giảng dạy và NCKH [H5.5.3.2]. Trong giai đoạn 2011-2016, tổng số cán bộ được cử đi học: 56 nghiên cứu sinh, 36 cao học, 8 lý luận chính trị, 92 quản lý giáo dục, 44 lớp tiếng Anh dành cho giảng viên [H5.5.3.3]. Các lớp đào tạo về ngoại ngữ, quản lý giáo dục được tổ chức tại trường thuận lợi cho giảng viên tham gia học tập; chưa có các lớp về quản lý Nhà nước được tổ chức tại trường, giảng viên muốn tham gia học phải đi đến các cơ sở khác. Nhiều lượt cán bộ, giảng viên được học tập, hợp tác, trao đổi kinh nghiệm ở nước ngoài: 24 lượt cán bộ quản lý sang học tiếng Anh tại Hoa Kỳ, 241 lượt giảng viên đi tham quan, học hỏi kinh nghiệm tại các trường đối tác, 70 lượt giảng viên đi tập huấn phương pháp giảng dạy ở Hoa Kỳ từ 2 đến 4 tháng, 07 lượt giảng viên đi tham gia NCKH, 43 lượt cán bộ sang đàm phán và ký kết các chương trình hợp tác với các trường đối tác tại Hoa Kỳ, Đức, Hàn Quốc... [H5.5.3.4].

Nhà trường duy trì tốt chính sách tiền lương và chính sách khen thưởng, khuyến khích đối với cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên vượt chuẩn tiếng Anh, thạc sỹ, tiến sỹ. Tuy nhiên, trình độ ngoại ngữ của giảng viên chưa được đồng đều [H5.5.3.5].

Nhà trường có chính sách hỗ trợ kinh phí tối đa cho các đề tài cấp cơ sở, cấp Đại học, cấp Bộ, các công trình nghiên cứu khoa học, các công bố quốc tế, các sách xuất bản, hỗ trợ toàn bộ một lần kinh phí cho cán bộ, giảng viên nâng cao trình độ tiếng Anh; Hàng quý, Nhà trường hỗ trợ tiền hoạt động chuyên môn cho các khoa và bộ môn trực thuộc trường [H5.5.3.2], [H5.5.3.6]; Hàng tuần, Nhà trường dành thời gian cả ngày thứ 2 tạo điều kiện cho các khoa tổ chức các cuộc họp, tổ chức Seminar, sinh hoạt chuyên môn thường xuyên và liên tục [H5.5.3.7].

Việc thực hiện các chính sách và biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước, Nhà trường đều có báo cáo tổng kết hàng năm [H5.5.3.8].

2. Điểm mạnh

Nhà trường hỗ trợ kinh phí và thời gian cho cán bộ giảng viên nâng cao trình độ tiếng Anh.

Nhà trường có quy định hỗ trợ kinh phí tối đa cho các đề tài nghiên cứu cấp cơ sở, cấp đại học.

3. Tồn tại

Các lớp về quản lý nhà nước chưa được tổ chức tại trường nên số cán bộ giảng viên có nhu cầu tham gia học tập chưa được nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Phòng Hành chính – Tổ chức sẽ trực tiếp tư vấn cho Nhà trường về các chính sách, biện pháp như: tiếp tục hỗ trợ kinh phí khuyến khích cán bộ viên chức học nghiên cứu sinh trong và ngoài nước, hỗ trợ kinh phí khuyến khích giảng viên biên soạn và in giáo trình; đồng thời mở các lớp học cao học, các lớp bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học ngay tại trường để cán bộ

giảng viên vừa học tập nâng cao trình độ mà vẫn hoàn thành nhiệm vụ, công việc được giao; hỗ trợ kinh phí học tập đối với các cán bộ quản lý được cử đi học cao cấp lý luận chính trị.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 5.4. Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

1. Mô tả

Đội ngũ cán bộ quản lý của trường có cơ cấu hợp lý, đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định. Hiện tại, trường có 151 cán bộ quản lý với 8 PGS.TS (5,3%), 26 Tiến sĩ (17,2%), 77 Thạc sĩ (51%), 40 Kỹ sư, cử nhân (26,5%). Trong tổng số 151 cán bộ quản lý của Nhà trường có 63 cán bộ quản lý chủ chốt từ trưởng, phó các đơn vị trực thuộc đến Hiệu trưởng và các phó Hiệu trưởng, với 48 nam (76,2%) và 15 nữ (23,8%). Tỷ lệ này cho thấy, cán bộ quản lý chủ chốt là nữ cao hơn hẳn so với những giai đoạn trước (năm 2010 chỉ có 04 cán bộ quản lý nữ). Tất cả các trường khoa chuyên môn đều có trình độ tiến sĩ khi được bổ nhiệm [H5.5.4.1].

Thông qua kết quả phân loại đảng viên hàng năm, từ năm 2011 – 2016 không có cán bộ quản lý vi phạm các quy định về đạo đức và những điều Đảng viên không được làm, 100% cán bộ được công nhận là Đảng viên hoàn thành, hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H5.5.4.2]. Bên cạnh đó, năm 2014, Nhà trường cũng triển khai đánh giá, bố trí, sử dụng cán bộ quản lý thông qua các đợt lấy phiếu tín nhiệm với 100% cán bộ quản lý đạt yêu cầu đề ra [H5.5.4.3]. Trên cơ sở kết quả đánh giá, Nhà trường có kế hoạch điều động và bổ nhiệm cán bộ quản lý cho phù hợp với năng lực và sở trường công tác [H5.5.4.4].

Đội ngũ cán bộ quản lý có đủ năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ để tổ chức điều hành hoạt động của Nhà trường; 100% cán bộ quản lý đã được bồi dưỡng năng lực quản lý và đã có chứng chỉ quản lý giáo dục; 22 cán bộ, bao gồm Ban Giám hiệu và nhiều cán bộ quản lý chủ chốt đã được bồi dưỡng cao cấp lý luận chính trị. Nhà trường đã tổ chức được 43 lượt cán bộ đi đàm phán và

ký kết hợp tác, 24 lượt cán bộ đi bồi dưỡng ngắn hạn, học hỏi kinh nghiệm các trường đối tác ở Hoa Kỳ, Đức, Hàn Quốc, CH Séc... [H5.5.4.5].

Từ năm 2015, Nhà trường đánh giá cán bộ quản lý theo tiêu chuẩn đánh giá định lượng công tác hàng năm Kết quả đánh giá cho thấy, trung bình có khoảng 90% cán bộ quản lý hoàn thành xuất sắc chức trách, nhiệm vụ được giao [H5.5.4.6]. Trong năm năm qua, Nhà trường không có cán bộ quản lý nào bị kỷ luật hoặc khiển trách.

Trong 5 năm qua, cán bộ quản lý của Nhà trường đã đạt được nhiều thành tích khen thưởng cao ở các cấp. Cụ thể: có 01 bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, 45 bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, 03 chiến sỹ thi đua cấp bộ, 36 giấy khen của Giám đốc Đại học Thái Nguyên, 01 giấy khen của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên [H5.5.4.7].

2. Điểm mạnh

Phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý trong Nhà trường được đánh giá thông qua tiêu chuẩn định lượng cụ thể.

Cán bộ quản lý của trường đạt được nhiều thành tích khen cao.

3. Tồn tại

Một số cán bộ quản lý chưa thực sự năng động, nhạy bén trong xử lý công việc theo chức trách, nhiệm vụ được giao.

4. Kế hoạch hành động

Trong kế hoạch năm học 2016-2017 và các năm tiếp theo, Phòng Hành chính – Tổ chức sẽ tư vấn cho Nhà trường tiếp tục cử ít nhất 5 cán bộ quản lý đi học cao cấp lý luận chính trị; mở khóa bồi dưỡng ngắn hạn tại trường về quản lý giáo dục đối với cán bộ quản lý cấp Khoa/Phòng để nâng cao năng lực quản lý, rèn luyện sự nhạy bén và năng động trong quản trị đại học cho đội ngũ cán bộ quản lý.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 5.5. Có đủ số lượng giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học; đạt được mục tiêu của chiến lược phát triển giáo dục nhằm giảm tỷ lệ trung bình sinh viên / giảng viên.

1. Mô tả

Nhà trường có đủ số lượng giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học. Tính đến thời điểm tháng 7/2016, tổng số cán bộ giảng viên của trường là 406 người (chiếm 69% CBVC toàn trường), trong đó có 401 giảng viên cơ hữu và 5 giảng viên thỉnh giảng. Trong số 406 giảng viên có 376 giảng viên giảng dạy lý thuyết (chiếm 92,6%), số còn lại hướng dẫn thí nghiệm, thực hành, thực tập. Tỷ lệ giảng viên là PGS.TS chiếm 3,9% (16 người), tiến sỹ chiếm 11,1% (45 người), thạc sỹ chiếm 68% (276 người), kỹ sư và cử nhân chiếm 17% (69 người). Số giảng viên có trình độ kỹ sư và cử nhân phần lớn là giảng viên trẻ mới được tuyển dụng, đang trong thời gian học cao học để nâng cao trình độ (36 giảng viên); 08 giảng viên giảng dạy thí nghiệm thực hành; 02 giảng viên giảng dạy giáo dục thể chất; 02 giảng viên giảng dạy ngoại ngữ không chuyên [H5.5.5.1].

Trong 5 năm trở lại đây, Nhà trường đã mở rộng quy mô đào tạo với việc thành lập thêm 4 khoa đào tạo chuyên ngành (Kinh tế Công nghiệp, Xây dựng và Môi trường, Quốc tế, Ô tô và máy động lực) [H5.5.5.2]. Tính đến năm học 2015-2016, Nhà trường đang có 26 chương trình đào tạo, trong đó có 6 chương trình đào tạo thạc sỹ và 2 chương trình đào tạo tiến sỹ [H3.3.1.1]. Số lượng chương trình đào tạo/số lượng giảng viên là 1CTĐT/15,6GV. Mỗi chương trình đào tạo của trường đều có trên 95% giảng viên cơ hữu đảm nhiệm và có đủ thành phần giảng viên cơ hữu theo quy chuẩn mở ngành [H5.5.5.3].

Đội ngũ giảng viên đảm bảo về số lượng và chất lượng, tỷ lệ trung bình sinh viên/ giảng viên là 18,02 SV/GV (năm 2016), giảm so với giai đoạn 5 năm trước (Năm 2010 đạt 20,8 SV/GV), đảm bảo so với chuẩn quy định của Bộ GD&ĐT. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên của từng ngành đào tạo cũng được đảm bảo và không có ngành nào vượt trên mức tỉ lệ chung theo quy định [H5.5.5.4].

Mặc dù tỷ lệ sinh viên/giảng viên thấp dần và tuyển sinh trong những năm gần đây chỉ đạt khoảng 70% so với kế hoạch đề ra nhưng Nhà trường vẫn không hạ điểm chuẩn dự kiến hoặc tuyển sinh thông qua xét học bạ để đảm bảo chất lượng đào tạo.

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ sinh viên trên giảng viên giảm dần hàng năm và thấp hơn chuẩn quy định.

3. Tồn tại

Số lượng phó giáo sư, tiến sĩ còn khiêm tốn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016 – 2017, Nhà trường chỉ đạo các Khoa chuyên môn rà soát và phát hiện những giảng viên có đủ hoặc trong quá trình tích lũy theo tiêu chuẩn học hàm để tạo điều kiện cho giảng viên phấn đấu, đặc biệt là những giảng viên có trình độ tiến sĩ có công trình đăng báo xuất bản, phấn đấu đạt chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư. Năm học 2016 – 2017, Nhà trường cử 20 giảng viên nghiên cứu sinh để nâng cao trình độ chuyên môn để thực hiện chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học, 02 giảng viên làm hồ sơ đề nghị phong tặng chức danh Phó giáo sư.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 5.6. Đội ngũ giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định. Giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo; đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo quy định; có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả

Hiện tại, đội ngũ giảng viên có đủ số lượng với 406 người, trong đó có 16 PGS.TS (3,9%), 45 tiến sĩ (11,1%), 276 thạc sĩ (68%), 69 kỹ sư và cử nhân (17%). Trong số 69 giảng viên có trình độ kỹ sư và cử nhân, có 08 giảng viên giảng dạy thí nghiệm, thực hành, 02 giảng viên giảng dạy ngoại ngữ không chuyên, 02 giảng viên giảng dạy giáo dục thể chất; 36 giảng viên đang học cao học [H5.5.6.1].

Giảng viên được phân công nhiệm vụ giảng dạy theo từng học kỳ, bảo đảm 100% giảng viên được bố trí công việc giảng dạy phù hợp với chuyên môn được đào tạo [H5.5.6.2]. Tất cả các học phần đều có giảng viên cơ hữu đảm

nhệm, trên 90% học phần có từ hai giảng viên cơ hữu trở lên đảm nhiệm. Các giảng viên có trình độ và chuyên môn cao được phân bổ tất cả các ngành, đảm bảo cân đối theo cơ cấu đào tạo [H5.5.6.2], [H5.5.6.3].

Hiện tại, số giảng viên vượt chuẩn TOEFL-ITP 500 trở lên chiếm 61% (218/357 giảng viên) có khả năng sử dụng ngoại ngữ phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Đặc biệt, các giảng viên tốt nghiệp nước ngoài về đều thành thạo ngoại ngữ trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học và tham gia giảng dạy chương trình tiên tiến của Nhà trường [H5.5.6.4].

Cho đến nay, 82,8% giảng viên trong độ tuổi quy định hoàn thành chứng chỉ tin học quốc tế IC3 và có khả năng ứng dụng tin học trong việc soạn bài và tương tác với sinh viên trong giờ giảng cũng như qua hệ thống E-learning trên website của Nhà trường. [H5.5.6.5].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 61% đạt Toefl-ITP 500 trở lên đến thành thạo tiếng Anh trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học, 82,8% giảng viên đã đạt chuẩn tin học quốc tế IC3.

3. Tồn tại

Vẫn còn 17% (69 giảng viên) có trình độ đại học, trong đó có 12 giảng viên giảng dạy thí nghiệm, thực hành, ngoại ngữ không chuyên, giáo dục thể chất; 36 giảng viên đang học cao học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016 – 2017, Nhà trường tiếp tục nâng cao chất lượng giảng viên tuyển dụng mới và ưu tiên tuyển dụng những người có bằng thạc sỹ, tiến sỹ. Đồng thời có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên trẻ về chuyên môn và phương pháp giảng dạy, đặc biệt là số giảng viên chưa có trình độ thạc sỹ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 5.7. Đội ngũ giảng viên được đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hoá của đội ngũ giảng viên theo quy định.

1. Mô tả

Hiện tại, trình độ chuyên môn của đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường như sau: 16 PGS (3,9%), 45 tiến sĩ (11,1%), 276 thạc sĩ (68%), 69 kỹ sư, cử nhân (17%), trong đó có 92 giảng viên đang làm nghiên cứu sinh và học cao học trong và ngoài nước [H5.5.7.1]. Cơ cấu giảng viên cơ hữu của Nhà trường cân đối theo thâm niên như sau: giảng viên có thâm niên dưới 10 năm có 207 người (51%), thâm niên từ 10-20 năm có 153 người (37,7%), thâm niên 20 năm trở lên có 46 người (11,3%) [H5.5.7.2]. Thống kê cho thấy, tỷ lệ giảng viên phân bố ở dài đều ở các lớp thâm niên và khoảng nửa số giảng viên (49%) có thâm niên từ 10 năm trở lên.

Về độ tuổi, giảng viên dưới 30 tuổi trở xuống là 68 người (16,7%), từ 30-40 tuổi là 270 người (66,5%), từ 41-50 tuổi là 36 người (8,9%), trên 50 tuổi là 32 người (7,9%). Độ tuổi trung bình của giảng viên đạt 35,1 tuổi, thâm niên trung bình đạt 11 năm là hợp lý. Lớp giảng viên trong độ tuổi vàng từ 30 – 50 tuổi với số lượng lớn và có trình độ cân bằng với kinh nghiệm công tác. Trình độ của giảng viên từ 30-40 tuổi: tiến sĩ có 32 người (11,9%), thạc sĩ có 212 người (78,5%), đại học có 26 người (9,6%). Trình độ của giảng viên từ 41-50 tuổi: PGS.TS có 4 người (11,1%), tiến sĩ có 10 người (27,8%), thạc sĩ có 20 người (55,6%), đại học có 2 người (5,5%). Kết quả này cho thấy giảng viên của trường, đặc biệt là giảng viên trẻ tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

Như vậy, có thể thấy số giảng viên trẻ (30 tuổi trở xuống) của Trường chiếm tỷ lệ 16,7% và có thâm niên công tác đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn (vì tỷ lệ các lớp thâm niên tương đối đồng đều) và trẻ hoá đội ngũ giảng viên theo quy định. Số giảng viên này trở thành đội ngũ kế cận đáp ứng mục tiêu phát triển của Nhà trường trong tương lai.

Để nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên, trong 5 năm vừa qua, Nhà trường đã cử 30 giảng viên nghiên cứu sinh, 10 giảng viên học cao học ở các nước có nền khoa học công nghệ phát triển trên thế giới như: Hoa Kỳ, Pháp, Đức, Úc, Hàn Quốc...[H5.5.7.3]. Chỉ riêng năm 2016, 12 giảng viên được Nhà trường cử đi

đào tạo tiến sỹ ở nước ngoài theo Đề án 911 đều trúng tuyển, chiếm 1/2 tổng số giảng viên trúng tuyển ngay đợt đầu của Đại học Thái Nguyên [H5.5.7.4].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giảng viên có độ tuổi vàng từ 30-50 tuổi chiếm tỷ lệ lớn.

3. Tồn tại

Số giảng viên đủ trình độ, năng lực là người đứng đầu các lĩnh vực khoa học của trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Nhà trường chỉ đạo các khoa, bộ môn chuyên môn khuyến khích giảng viên tăng cường nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ thông qua các chính sách, biện pháp hỗ trợ như: Hỗ trợ kinh phí tổ chức 10 nhóm nghiên cứu khoa học đi báo cáo kết quả tại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước; Tổ chức Hội thảo khoa học cấp Quốc gia vào năm 2017, cấp Quốc tế vào năm 2018; thành lập 03 nhóm chuyên nghiệp viết đề xuất NCKH và CGCN các cấp... để thu hút 1 số giảng viên có trình độ, năng lực nghiên cứu khoa học đứng đầu các lĩnh vực ưu tiên của trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 5.8. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đủ số lượng, có năng lực chuyên môn và được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả

Hiện tại tổng số kỹ thuật viên, nhân viên của Nhà trường là 182 người chiếm 31% tổng số CBVC toàn trường. So với nhu cầu thực tế và quy chế đào tạo, đội ngũ này có số lượng tương đối đông đảo, trong đó có 40 người có trình độ sau đại học (chiếm 22%), 119 người có trình độ đại học (65,4%), 23 người có trình độ cao đẳng trở xuống (chiếm 12,6%) [H5.5.8.1].

Cơ cấu đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên được phân bổ hợp lý dựa vào chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị phòng ban, các khoa chuyên môn, phòng thí

nghiệm và xưởng thực hành của trường, có năng lực chuyên môn phù hợp với chuyên ngành được đào tạo. Đa số cán bộ kỹ thuật viên, nhân viên có trình độ đại học trở lên làm việc tại các đơn vị như: Phòng Đào tạo, phòng Kế hoạch - Tài chính, phòng Hành chính - Tổ chức, phòng Thanh tra - Pháp chế, phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng. Số cán bộ có trình độ cao đẳng trở xuống làm việc tại các bộ phận phục vụ, bảo vệ [H5.5.8.2].

Nhà trường cũng quy định chuẩn ngoại ngữ và tin học cho đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên cho việc thực hiện mục tiêu và chiến lược phát triển của Nhà trường. Đến nay có 70/114 KTV, NV (chiếm 61,4%) trong độ tuổi chuẩn hóa tiếng Anh đạt và vượt chuẩn tiếng Anh theo quy định (TOEFL-ITP 400). Trình độ tin học của đội ngũ này cũng được nâng cao, có 68/69 KTV, NV (chiếm 98,6%) trong độ tuổi đã đạt chuẩn tin học quốc tế IC3 và có khả năng ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin vào quản lý đào tạo và các hoạt động khác của Nhà trường [H5.5.8.3].

Trong vòng 5 năm, mỗi kỹ thuật viên, nhân viên trung bình được đi bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ ít nhất 01 lần. Nhà trường đều dành nguồn kinh phí và thời gian cho việc đào tạo, bồi dưỡng kỹ thuật viên, nhân viên theo quy chế chi tiêu nội bộ để tạo điều kiện cho đội ngũ này tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn về nghiệp vụ để hỗ trợ cho các cán bộ quản lý, giảng viên và người học trong việc vận hành máy móc, sử dụng các trang thiết bị phục vụ học tập và nghiên cứu khoa học theo yêu cầu công việc đảm nhận tại các khoa, phòng chức năng trong trường. [H5.5.8.4].

Hàng năm, Nhà trường sử dụng bộ tiêu chuẩn định lượng đánh giá toàn diện đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên, khảo sát lấy ý kiến của sinh viên để đánh giá thái độ phục vụ của nhân viên thư viện, phòng lab. Kết quả đánh giá cho thấy, đội ngũ này có thái độ phục vụ tốt trở lên chiếm trên 75% [H5.5.8.5].

2. Điểm mạnh

Số người có trình độ đại học trở lên chiếm 87,4%, số người có trình độ tiếng Anh TOEFL-ITP 400 trở lên là 61,4%, số người có trình độ tin học IC3 là 98,6%.

3. Tồn tại

Nhà trường chưa khảo sát trong sinh viên về thái độ phục vụ của đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên làm việc tại các phòng ban của trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến của giảng viên, khảo sát lấy ý kiến đánh giá của sinh viên về thái độ phục vụ của đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên của trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp luôn xác định xây dựng và phát triển đội ngũ là để tạo ra nguồn vốn nhân lực có ý nghĩa quyết định tới sự phát triển bền vững của Nhà trường trong tương lai. Đội ngũ cán bộ giảng viên, nhà quản lý có phẩm chất đạo đức tốt, đáp ứng yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ, năng lực ngoại ngữ, tin học đáp ứng được mục tiêu, chức năng nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của trường, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nhà trường đã triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch xây dựng và phát triển của trường, xây dựng được chiến lược phát triển đội ngũ theo sứ mạng và mục tiêu giáo dục đã đề ra. Tuy nhiên, công tác xây dựng và phát triển đội ngũ vẫn tồn tại những vấn đề bất cập đặt ra yêu cầu cần phải có những giải pháp khắc phục trong thời gian tới.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 8/8

Tiêu chuẩn 6: Người học (9 tiêu chí)

Mở đầu

Trong những năm qua, trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã tổ chức thực hiện tốt các nội dung công tác sinh viên theo các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhà trường luôn đảm bảo các chế độ chính sách xã hội đối với người học; thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe của sinh viên theo quy định y tế học đường; tạo điều kiện tốt nhất theo khả năng của Trường để sinh viên hoạt động tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao (TDTT) và đảm bảo an ninh, an toàn cho sinh viên trong khuôn viên Nhà trường.

Nhà trường cũng đã triển khai nhiều hoạt động có hiệu quả để hỗ trợ sinh viên tìm kiếm việc làm sau tốt nghiệp như: đổi mới chương trình đào tạo theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội; tăng cường đào tạo kỹ năng mềm, ngoại ngữ cho sinh viên; liên kết với các doanh nghiệp và các hội cựu sinh viên, các công ty giới thiệu việc làm để hỗ trợ sinh viên tốt nghiệp tìm kiếm việc làm trong và ngoài nước. Kết quả, khảo sát cho thấy 6 tháng sau khi tốt nghiệp trên 50% sinh viên có việc làm và 12 tháng sau khi tốt nghiệp gần 90% sinh viên có việc làm, trong đó hơn 80% có việc làm đúng ngành nghề đào tạo.

Giai đoạn 2011-2016, công tác quản lý sinh viên của Nhà trường đã có chuyển biến tích cực góp phần đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa, và hội nhập quốc tế. Kết quả điểm rèn luyện loại yếu kém giảm xuống dưới 5%, kết quả học tập của sinh viên cũng được nâng dần hàng năm, cụ thể: sinh viên tốt nghiệp năm 2010 xếp loại khá giỏi chỉ chiếm dưới 20%, nhưng đến năm 2015 đã tăng trên 40%. Các hiện tượng tiêu cực trong kiểm tra, đánh giá hầu như được loại bỏ. Hiện tại, 3.224 sinh viên của Trường đã đạt chuẩn tiếng Anh Toefl-ITP400 trở lên.

Tiêu chí 6.1. Người học được hướng dẫn đầy đủ về chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả

Trên cơ sở các quy chế của Bộ, Đại học Thái Nguyên dựa vào tình hình thực tế đào tạo, Nhà trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn cho người học về Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ, mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, quy định về công tác thi, kiểm tra; điều kiện dự thi kết thúc học phần, điều kiện tốt nghiệp, chuẩn kiến thức kỹ năng đầu ra và các văn bản có liên quan khác [H6.6.1.1], [H6.6.1.2], [H6.6.1.4], [H6.6.1.5], [H6.6.1.6], [H6.6.1.7]. Hàng năm hệ thống văn bản này được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và được phổ biến đầy đủ cho người học thông qua tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, đầu năm học; website của Nhà trường; sổ tay sinh viên; sinh hoạt lớp, tư vấn trực tiếp bởi cán bộ làm công tác tư vấn sinh viên từ cấp khoa đến cấp trường [H6.6.1.3], [H6.6.1.9]. Từ năm 2015, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của sinh viên khóa mới về tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, kết quả cho thấy đa số sinh viên hài lòng với nội dung, kỹ năng truyền đạt của các báo cáo viên. Sinh viên đã có thể tiếp cận ngay với hệ thống văn bản, phương pháp học tập nghiên cứu tại trường Đại học [H6.6.1.3].

Sinh viên được hướng dẫn và tư vấn về phương pháp học tập và tăng cường tương tác giữa người dạy và người học thông qua hệ thống trực tuyến E-learning. Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên đối với sinh viên chiếm 50% tỷ trọng điểm học phần với 3 đánh giá thường xuyên/ tín chỉ; sinh viên phải thực hiện 60 bài tập và nhiệm vụ về nhà/ tín chỉ; việc hướng dẫn làm bài tập, chữa bài tập, nhiệm vụ về nhà và đánh giá điểm thường xuyên được công khai trên trang E-learning [H6.6.1.5], [H.6.6.1.9].

Nhà trường tổ chức các buổi đối thoại với sinh viên để giải đáp và làm rõ những vấn đề mà sinh viên còn băn khoăn, vướng mắc [H6.6.1.9], tổ chức khảo sát lấy ý kiến sinh viên giữa khóa, sinh viên tốt nghiệp về chương trình đào tạo, các hoạt động hỗ trợ đào tạo, rèn luyện... [H6.6.1.8].

Tỷ lệ sinh viên vi phạm quy chế đào tạo, nghỉ học quá quy định phải đình chỉ thi, phạm quy trong thi và kiểm tra giảm dần và ở mức thấp (dưới 1%).

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tổ chức tốt các hoạt động tư vấn, hỗ trợ giúp sinh viên nắm vững chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá, các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Thái Nguyên thông qua nhiều hình thức khác nhau.

3. Tồn tại

Tỷ lệ sinh viên vi phạm quy chế thi, quy chế học sinh sinh viên, quy chế đào tạo bị cảnh báo học tập vẫn ở mức cao (tổng khoảng 3%). Nhiều sinh viên chưa thực hiện tốt kế hoạch học tập cá nhân dẫn đến kéo dài thời gian đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, phòng Công tác Học sinh Sinh viên, các khoa chuyên môn phối hợp với Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên tổ chức thêm nhiều hình thức khác nhau, giáo dục cho SV nắm vững quy chế và chủ động lập kế hoạch học tập, nhằm giảm tỷ lệ sinh viên bị cảnh cáo, kỷ luật xuống dưới 1%.

Nhà trường xây dựng diễn đàn sinh viên, tạo kênh thông tin tư vấn trực tuyến, toàn diện cho sinh viên về các hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học, rèn luyện, phát triển kỹ năng.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 6.2. Người học được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội và được chăm sóc sức khỏe theo quy định y tế học đường, được tạo điều kiện hoạt động tập luyện văn nghệ, TDTT, được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của nhà trường.

1. Mô tả

Nhà trường có các văn bản quy định rõ chức năng nhiệm vụ của các bộ phận chuyên trách thực hiện chế độ chính sách và hỗ trợ sinh viên trong suốt quá trình học tập, rèn luyện tại Trường [H6.6.2.4]. Các văn bản của Nhà nước về chế độ chính sách liên quan đến người học [H6.6.2.1] được Nhà trường thông tin, hướng dẫn và triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời cho sinh viên thông qua tuần sinh hoạt công dân, website, thông báo, giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập, tư

vấn trực tiếp... [H6.6.1.3], [H6.6.1.9]. Hàng kỳ, danh sách người học thuộc đối tượng chính sách được thông báo công khai trên website của Trường, tại các đơn vị có liên quan và từng lớp sinh viên [H6.6.2.2], [H6.6.2.3]. 100% sinh viên thuộc diện chính sách được đảm bảo các chế độ theo quy định không có thắc mắc khiếu nại. Bên cạnh đó, Nhà trường đã chủ động huy động thêm các nguồn lực từ cán bộ giảng viên trong trường, các tổ chức, doanh nghiệp để hỗ trợ sinh viên giỏi, có hoàn cảnh khó khăn, số tiền hơn 200 triệu đồng/ năm [H6.6.2.3].

Trường có Trạm y tế với đội ngũ bác sĩ, y sĩ, y tá đảm bảo về số lượng và năng lực chuyên môn, có đủ trang thiết bị cần thiết và thực hiện tốt việc khám chữa bệnh thông thường, sơ cứu ban đầu, làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh và thực hiện tốt chế độ bảo hiểm y tế cho cán bộ viên chức và sinh viên [H6.6.2.5]. 100% sinh viên được khám sức khỏe ngay từ đầu khóa học và lập hồ sơ sức khỏe, khám sức khỏe cho sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp [H6.6.2.6].

Nhà trường đã tạo điều kiện tốt nhất có thể phục vụ hoạt động tập luyện văn nghệ, TDTT của sinh viên. Nhà trường có Hội trường lớn, sân khấu ngoài trời có đủ trang thiết bị phục vụ hoạt động luyện tập văn nghệ cho CBVC và sinh viên. Hệ thống sân bãi luyện tập TDTT gồm một sân vận động, hai sân bóng cỏ nhân tạo và nhiều sân thể thao khác trong khuôn viên Trường, phục vụ tốt cho sinh viên luyện tập các môn như bóng đá, bóng rổ, bóng chuyền, cầu lông, tennis v.v. [H.6.6.2.7].

Hàng năm Nhà trường chỉ đạo và chi trên 300 triệu đồng để Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao cho người học, tạo môi trường sinh hoạt lành mạnh, góp phần tích cực vào công tác giáo dục toàn diện và hạn chế các hiện tượng tiêu cực trong sinh viên [H6.6.4.3], [H6.6.4.4].

Nhà trường có các văn bản quy định thực hiện các biện pháp an ninh trường học, duy trì tốt công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội [H6.6.2.10], [H6.6.2.11]; tổ bảo vệ được huấn luyện, có giấy chứng nhận hoàn thành khóa học nghiệp vụ bảo vệ cơ quan doanh nghiệp, tổ chức trực 24/24 đảm bảo tốt công tác an ninh trật tự an toàn xã hội; đội an ninh xung kích thường

xuyên được kiện toàn đã hỗ trợ, duy trì tốt công tác an ninh trật tự trong khu nội trú; Các ngày tết, lễ, sự kiện lớn của Nhà trường đều có kế hoạch tăng cường an ninh trật tự đồng thời phối hợp lực lượng an ninh khu vực tăng cường bảo vệ an ninh [H6.6.2.8], [H6.6.2.9]. Với kết quả hoạt động như trên nhiều tập thể, cá nhân đã được nhận bằng khen giấy khen của cấp trên [H6.6.2.12], [H6.6.3.6].

2. Điểm mạnh

Nhà trường chủ động huy động các nguồn lực xã hội trong và ngoài trường hỗ trợ học bổng, trao quà tết cho sinh viên nghèo, vượt khó, sinh viên giỏi với tổng trị giá lên đến hơn 200 triệu đồng/ năm.

3. Tồn tại

Hiện tại Nhà trường chỉ có các hội trường có sức chứa tối đa 400 người, do đó bị hạn chế trong việc tổ chức các chương trình lớn, cần thu hút đông đảo sinh viên tham gia. Cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động về văn nghệ thể dục thể thao chưa được khai thác hết công năng sử dụng.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2017 Nhà trường khởi công xây dựng hội trường đa năng với sức chứa 1500 người. Bắt đầu từ học kỳ II năm học 2016-2017, toàn bộ các giảng đường, phòng thí nghiệm, thư viện, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn thể sẽ có người trực mở cửa 3 ca/ ngày, theo lịch đăng ký và nhu cầu sử dụng của sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 6.3. Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học được thực hiện có hiệu quả.

1. Mô tả

Nhà trường đã ban hành các quy định cụ thể hóa các văn bản của Bộ giáo dục và Đào tạo, điều chỉnh kịp thời theo những quy định hiện hành về rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho người học, quy định đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên, quy định về việc thực hiện nếp sống mới trong sinh viên của Trường (năm 2014) [H6.6.3.1] và đã quán triệt đầy đủ đến sinh viên bằng nhiều hình thức khác nhau [H6.6.1.9]; việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh

viên được tiến hành theo đúng quy định (1 lần/ học kỳ). Kết quả rèn luyện của người học được công khai trên Website; được đưa vào bảng điểm toàn khóa của sinh viên [H6.6.3.2]. Trong những năm học 2011-2012, 2012-2013 do Nhà trường áp dụng nhiều tiêu chí đánh giá chặt chẽ, bắt đầu "xiết chặt" công tác quản lý sinh viên nội/ ngoại trú, đổi mới công tác giáo viên chủ nhiệm, sinh hoạt lớp, tổ chức quản lý các hoạt động xã hội, lao động công ích... [H6.6.3.3] do đó tỷ lệ sinh viên đạt loại khá trở lên chỉ chiếm khoảng 55%. Từ những năm học tiếp theo, công tác quản lý sinh viên đã đi vào nề nếp, ý thức chấp hành các quy định về rèn luyện của sinh viên có chuyển biến rõ ràng, kết quả rèn luyện của sinh viên tăng lên đáng kể (năm học 2013-2014: 74,9%; năm học 2014-2015: 77,1%; năm học 2015-2016: 87,5%) [H6.6.3.2].

Hàng năm, Nhà trường đều có kế hoạch Công tác chính trị tư tưởng cho người học, 100% sinh viên tham gia sinh hoạt đầu khóa, đạt và được cấp chứng chỉ [H6.6.1.3]; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về hiến pháp, pháp luật, chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tổ chức hoạt động ngoại khóa như chiếu phim cho sinh viên với chủ đề về Bác Hồ, về chủ quyền biển đảo, ...[H6.6.3.4]; tổ chức quán triệt, học tập các nghị quyết triển khai các cuộc vận động, các biện pháp tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên [H6.6.6.2], [H6.6.6.3].

Năm 2012, Nhà trường đã ban hành quy định tổ chức các hoạt động xã hội và lao động công ích của sinh viên hệ chính quy, từ đó công tác này được triển khai tốt với hơn 15.000 công lao động / học kỳ [H6.6.3.5], toàn bộ khuôn viên trường với hơn 72.000 m², được sinh viên các khoa đảm nhiệm luôn xanh - sạch - đẹp, 100% sinh viên trước khi tốt nghiệp đã hoàn thành hoặc vượt định mức theo quy định (3 công/ học kỳ); Với 14 lần tổ chức, thu gom được 4892 đơn vị máu, Trường luôn là đơn vị dẫn đầu toàn tỉnh về công tác vận động và hiến máu tình nguyện; Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tổ chức các hoạt động tình nguyện chung sức vì cộng đồng và một số hoạt động đền ơn đáp nghĩa được đông đảo sinh viên hưởng ứng, tham gia [H6.6.3.5], [H6.6.5.1].

Các hoạt động trên có tác dụng tốt đến việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho sinh viên, tỷ lệ vi phạm các vấn đề về đạo đức, lối sống, pháp luật dẫn đến bị xử lý của các cơ quan chức năng luôn đảm bảo mức dưới 0,05%/ năm (có nhiều năm không có trường hợp nào). Tập thể phòng Công tác Học sinh Sinh viên và đồng chí Trưởng phòng đã nhận được bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng nhiều phần thưởng cao quý khác; Hội sinh viên Nhà trường đã 2 lần được nhận cờ thi đua xuất sắc của Trung ương Hội sinh viên Việt Nam; 26 tập thể, 38 cá nhân đã được nhận bằng khen cấp Trung ương, 06 bằng khen của Chủ tịch tỉnh Thái Nguyên, cùng nhiều bằng khen, giấy khen của các tổ chức đoàn thể khác [H6.6.3.6].

2. Điểm mạnh

Được chính quyền, các tổ chức chính trị xã hội ghi nhận và khen thưởng thường xuyên. Công tác Học sinh Sinh viên, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên nhà trường luôn là đơn vị có thành tích xuất sắc trong tỉnh.

Hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện quy chế đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên đầy đủ, chặt chẽ, rõ ràng đã có tác dụng tích cực đến việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học.

3. Tồn tại

Từ năm học 2012-2013 đến năm học 2014-2015, vẫn còn hơn 5% sinh viên có kết quả rèn luyện yếu, kém (Năm học 2015-2016 đã giảm xuống còn 2,6%).

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, phòng Công tác Học sinh sinh viên làm đầu mối phối hợp với các phòng chức năng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các khoa chuyên môn tổ chức các chương trình lồng ghép giữa rèn luyện chính trị, đạo đức, lối sống với việc học tập chuyên môn của sinh viên để giảm tỷ lệ sinh viên có điểm rèn luyện yếu kém giảm dần tiến tới dưới 1%.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 6.4. Công tác Đảng, Đoàn thể có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học.

1. Mô tả

Đảng bộ nhà trường với số lượng trên 300 đảng viên (trong đó có hơn 20 đảng viên là sinh viên sinh hoạt tại chi bộ Phòng Công tác Học sinh Sinh viên) là hạt nhân lãnh đạo, chỉ đạo công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học. Các Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ trường lần thứ XII, XIII, nghị quyết hàng năm, hàng quý, hàng tháng của Đảng ủy đều có các nội dung chỉ đạo các đoàn thể về công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho người học [H6.6.4.1].

Sự chủ động, sáng tạo, đổi mới trong công tác lãnh đạo và tổ chức triển khai các hoạt động [H6.6.4.2], [H.6.6.4.3], [H.6.6.4.4] đã có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho sinh viên, tỷ lệ sinh viên khá giỏi trong rèn luyện tăng dần hàng năm (năm 2015-2016 đạt 87,5%). Trong những năm qua, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên Nhà trường đã Thường xuyên tổ chức các hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn (9/1, tháng thanh niên (26/3), 30/4, 19/5, 20/10. 20/11, 22/12...), các hoạt động lớn của trường (chào tân sinh viên, chào mừng ngày thành lập trường 19/8, ngày hội mở trường “University Open day”, chào năm mới...), các chương trình tình nguyện chung sức vì cộng đồng (Chiến dịch tình nguyện hè, tiếp sức mùa thi, chung tay xây dựng nông thôn mới, hiến máu nhân đạo, áo ấm mùa đông...) thu hút tập hợp đông đảo đoàn viên, sinh viên tham gia, nâng cao ý thức về giáo dục truyền thống, tư tưởng chính trị; không có sinh viên tham gia các tổ chức phản động, biểu tình trái phép. Kết quả hoạt động đã được cấp trên ghi nhận đánh giá cao, trong 5 năm qua, tính riêng công tác Học sinh sinh viên, Đảng, đoàn thể nhà trường đã nhận được 64 bằng khen, giấy chứng nhận cấp trung ương, 56 bằng khen cấp tỉnh và nhiều giấy khen cấp Đại học, luôn là đơn vị dẫn đầu về thành tích thi đua [H6.6.3.6].

Hàng năm đều lập danh sách đoàn viên ưu tú, cử đi học lớp cảm tình Đảng, từ năm 2010 đến nay đã phát triển và kết nạp được 71 Đảng viên là sinh viên (riêng năm 2015, kết nạp 27 đảng viên là sinh viên) [H6.6.4.5]. Số lượng

đảng viên sinh viên được kết nạp hàng năm còn hạn chế do Chi bộ đảng sinh viên mới thành lập (tháng 8/2013) nhưng đã chuyển giao 2 đồng chí bí thư chi bộ (do được cử đi học tập nước ngoài).

2. Điểm mạnh

Công tác Học sinh sinh viên, Đảng, đoàn thể nhà trường nhiều năm liền là đơn vị dẫn đầu về thành tích thi đua trong khối Đại học Thái Nguyên và toàn tỉnh Thái Nguyên. Nhiều tập thể, cá nhân được nhận bằng khen, giấy khen trong các hoạt động phong trào, công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên.

3. Tồn tại

Số lượng sinh viên được kết nạp Đảng 5 năm qua tuy tăng dần hàng năm nhưng vẫn còn hạn chế (71 Đảng viên/ 5 năm).

4. Kế hoạch hành động

Đảng ủy trường chỉ đạo Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tăng cường công tác tuyên truyền, giác ngộ, hướng dẫn chi tiết về các tiêu chuẩn kết nạp đảng viên trong sinh viên, nhằm phát hiện, bồi dưỡng kết nạp ít nhất 20 Đảng viên là sinh viên/ năm.

Chi bộ Đảng sinh viên sát nhập vào chi bộ phòng Công tác Học sinh Sinh viên nhằm nâng cao hiệu quả công tác phát hiện, bồi dưỡng và hướng dẫn hoàn thiện các thủ tục kết nạp Đảng.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 6.5. Các biện pháp cụ thể, có tác dụng tích cực để hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học.

1. Mô tả

Nhà trường có văn bản quy định về rõ chức năng nhiệm vụ của các bộ phận chức năng, Giáo viên chủ nhiệm - Cố vấn học tập, (ban hành năm 2008) hàng năm đều ra quyết định thành lập lớp sinh hoạt, có lịch sinh hoạt (5 lần/ học kỳ) và có các văn bản hướng dẫn thực hiện cụ thể công tác này [H6.6.2.4], [H6.6.5.1].

Hệ thống thư viện có đủ mặt bằng, có đủ tài liệu bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài, có cán bộ trực thường xuyên 3 ca/ngày (kể cả thứ 7, chủ nhật) phục

vụ tốt nhu cầu mượn tài liệu học tập, nghiên cứu khoa học và giải trí của sinh viên. Tổ chức hướng dẫn cho người học việc tìm kiếm tài liệu tại thư viện và các nguồn học liệu mở ngay từ ngày đầu nhập học, hướng dẫn sinh viên sử dụng trang E-Learning để học tập và thực hiện tương tác trực tuyến giữa người dạy và người học [H.6.6.1.9].

Khu ký túc xá với hơn 3.000 chỗ ở cho sinh viên với mức thu phí thấp được trang bị đầy đủ điện nước, công trình phụ khép kín, có hệ thống wifi miễn phí, hệ thống máy lọc nước uống miễn phí đáp ứng 100% sinh viên có nguyện vọng ở nội trú. Ngoài ra, đối với những sinh viên có nhu cầu ở ngoại trú Nhà trường phối hợp với các phường trên địa bàn tìm kiếm hỗ trợ nhà ở ngoại trú cho sinh viên [H6.6.5.3]. Năm 2014, Nhà trường đã xây dựng thêm khu liên hợp dịch vụ tổng hợp để phục vụ các nhu cầu thiết yếu của sinh viên [H6.6.5.2].

Trung tâm tư vấn hỗ trợ sinh viên được thành lập từ năm 2006 [H6.6.7.3], là địa chỉ để tư vấn hỗ trợ sinh viên trong các hoạt động đào tạo, rèn luyện, ngoại khóa, đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho sinh viên, hỗ trợ các thủ tục vay vốn ngân hàng, tìm kiếm việc làm thêm, tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp... [H6.6.7.3], [H6.6.7.4].

Hiện tại, Nhà trường quản lý hơn 20 câu lạc bộ với gần 1000 thành viên, hoạt động chủ yếu về các mảng như: học tập, nghiên cứu khoa học, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, tình nguyện chung sức vì cộng đồng [H6.6.5.1]. Các Câu lạc bộ đều có quyết định thành lập, quy chế hoạt động, hàng kỳ Hội sinh viên trường rà soát, ra quyết định kiện toàn Ban chủ nhiệm và danh sách thành viên. Trong những năm qua đã có nhiều tập thể, cá nhân nhận khen thưởng các cấp về các hoạt động CLB (6 cấp Trung ương, 18 cấp tỉnh, 36 cấp Đại học) [H6.6.3.6].

Nhà trường mở các lớp ngoại khóa đào tạo kỹ năng mềm, ngoại ngữ, tin học cho sinh viên [H6.6.5.4]. Riêng sinh viên K50 được học thêm 10 tín chỉ tiếng Anh miễn phí. Nhà trường có nhiều giải pháp tổ chức đào tạo phù hợp, thiết thực cho sinh viên học cải thiện, học lại và học vượt tiến độ, đặc biệt là sinh viên chậm tiến độ, quá thời gian đào tạo chuẩn. Nhà trường tổ chức học kỳ

hè hàng năm thu hút đông đảo sinh viên tham gia (tương đương khoảng 2/3 so với học kỳ chính) [H6.6.5.5].

Trong 5 năm qua có gần 800 sinh viên tham gia các đề tài NCKH và là thành viên chính thức trong các Câu lạc bộ NCKH [H 7.7.6.3]. Tỷ lệ gắn kết với các chương trình đào tạo đại học là gần 100%, với đào tạo sau đại học là 76,5% [H7.7.6.2].

Trường đã huy động các nguồn lực trong và ngoài trường hỗ trợ học bổng, tặng quà, trợ cấp cho các sinh viên diện chính sách, sinh viên nghèo, có hoàn cảnh khó khăn trị giá trên 200 triệu đồng/ năm [H6.6.3.3]. Đồng thời, cấp hơn 2000 giấy xác nhận/ học kỳ cho sinh viên vay ngân hàng với lãi suất thấp [H6.6.5.5].

2. Điểm mạnh

Khai thác các nguồn lực trong và ngoài trường hỗ trợ học bổng, trợ cấp cho sinh viên trên 200 triệu đồng/ năm, tổ chức tốt việc tư vấn hỗ trợ tốt cho việc học tập và sinh hoạt của sinh viên, phối hợp với các địa phương cho sinh viên vay vốn ngân hàng với lãi suất thấp.

3. Tồn tại

Số lượng SV nhận học bổng từ các tài trợ còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Phòng Công tác Học sinh Sinh viên làm đầu mối tăng cường hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp, hội cựu giáo chức, cựu sinh viên, kết nối các nguồn lực xã hội để nâng cao hiệu công tác hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của sinh viên, phân đầu học bổng hỗ trợ ngoài ngân sách cho sinh viên trên 300 triệu/ năm (bắt đầu từ năm 2017) và tăng dần vào các năm tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 6.6. Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của nhà trường cho người học.

1. Mô tả

Hàng năm, Nhà trường đều xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc tuyên truyền giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, các nội quy của Nhà trường tới toàn thể sinh viên. Phòng Công tác HSSV phối hợp với các khoa và các tổ chức đoàn thể của Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động phong phú, lồng ghép nội dung tuyên truyền giáo dục đạo đức, lối sống vào bài giảng [H6.6.3.4], [H6.6.6.2]. Nhà trường còn phối hợp với ngành Công an, ngành Y tế phổ biến tuyên truyền về luật giao thông, luật hình sự, phòng chống tệ nạn xã hội, phòng chống dịch bệnh, phòng chống HIV-AIDS trong học đường, v.v. [H6.6.2.5], [H6.6.6.4].

Mỗi năm tổ chức hoặc triển khai ít nhất 01 cuộc thi tìm hiểu về hiến pháp, pháp luật, tuyên truyền biển đảo tổ quốc, tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh [H6.6.6.2]... Trong cuộc thi "Ánh sáng soi đường" năm 2015 do Trung ương Đoàn tổ chức, đã có 4885 sinh viên dự thi, dành 01 giải nhì toàn quốc [H6.6.3.6]. Đoàn thanh niên, Hội sinh viên nhà trường triển khai tốt các chuyên đề sinh hoạt theo tháng, theo chủ điểm do Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh phát động, hàng năm đều tổ chức các lớp tập huấn cán bộ Đoàn, cán bộ Hội sinh viên, cán bộ lớp ít nhất 01 lần/năm. Trong 5 năm qua, không có trường hợp cán, bộ sinh viên nào của Nhà trường vi phạm pháp luật đến mức kỷ luật phải truy cứu trách nhiệm hình sự.

Trong 5 năm, đã có 04 sinh viên đạt danh hiệu “Sao tháng giêng”, 01 “Sinh viên 5 tốt” cấp trung ương, 35 cấp tỉnh và 40 cấp Đại học, cùng nhiều bằng khen, giấy khen của các cấp trao tặng [H6.6.3.6].

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ sinh viên có điểm rèn luyện từ khá trở lên tăng dần, số lượng sinh viên được kết nạp Đảng hàng năm tăng, nhiều tập thể, cá nhân được cấp trên khen thưởng và đánh giá cao về các thành tích đạt được.

Đa số sinh viên Nhà trường có tinh thần trách nhiệm, tôn trọng pháp luật,

chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của Nhà trường, có đạo đức lối sống lành mạnh, không có sinh viên vi phạm pháp luật đến mức bị truy cứu.

3. Tồn tại

Từ năm học 2012-2013 đến năm học 2014-2015, vẫn còn hơn 5% sinh viên có kết quả rèn luyện yếu, kém (Năm học 2015-2016 đã giảm xuống còn 2,6%).

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, phòng Công tác Học sinh sinh viên làm đầu mối phối hợp với các đơn vị chức năng tổ chức các chương trình lồng ghép giữa rèn luyện chính trị, đạo đức, lối sống với việc học tập chuyên môn của sinh viên để giảm tỷ lệ sinh viên có điểm rèn luyện yếu kém giảm dần tiến tới dưới 1%.

Kiểm tra, giám sát việc thực hiện sổ theo dõi sinh viên, phiếu nhận xét nơi cư trú hàng kỳ của sinh viên, nhằm tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và các nội quy của Nhà trường cho sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 6.7. Có các hoạt động hỗ trợ hiệu quả nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.

1. Mô tả

Trung tâm tư vấn hỗ trợ Sinh viên của nhà Trường được thành lập sớm (2006) [H6.6.7.3] kết hợp cùng chuyên viên tư vấn của các khoa chuyên môn, phòng đào tạo, hệ thống cố vấn học tập... đảm bảo tư vấn 100% nhu cầu học tập, rèn luyện, định hướng việc làm, nghề nghiệp cho sinh viên.

Nhà trường hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm phối hợp tư vấn, tổ chức đào tạo, hướng dẫn thực tập, tổ chức thăm quan thực tế, hội thảo hướng nghiệp, đào tạo kỹ năng mềm và cung cấp thông tin tuyển dụng cho sinh viên. Mỗi năm tổ chức trung bình 10 hội thảo tư vấn tuyển dụng cho sinh

viên, hơn 20 doanh nghiệp/ năm gửi thông báo, thông tin tuyển dụng đến nhà trường (riêng năm học 2015-2016 tổ chức 27 lần hội thảo và 57 lượt thông tin tuyển dụng) [H6.6.7.4], [H6.6.7.5].

Từ năm 2014, nhà trường ký các biên bản hợp tác với các doanh nghiệp có tổ chức đưa người Việt Nam đi lao động ở nước ngoài, từ đó đã có hơn 100 sinh viên đang làm việc tại nước ngoài, với mức lương trung bình trên 20 triệu đồng/ tháng [H6.6.8.1].

Nhà trường xây dựng website "Thông tin tuyển dụng", qua đó các thông tin về hiện trạng sinh viên tốt nghiệp, tình trạng việc làm, nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp, hội thảo việc làm,... thường xuyên được cập nhật tạo kênh thông tin tương tác 3 chiều (nhà tuyển dụng, Nhà trường và sinh viên) [H6.6.7.4].

Định kỳ 6 tháng một lần, tổ chức khảo sát việc làm của sinh viên đã tốt nghiệp, khảo sát doanh nghiệp. Kết quả khảo sát cho thấy, số sinh viên có việc làm tại thời điểm nhận bằng tốt nghiệp là 35-40%, sau 1 năm sau khi tốt nghiệp là gần 90% (trong đó, tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo là hơn 80%), các tỷ lệ này đều tăng dần hàng năm [H6.6.7.1]. 100% các chương trình đào tạo đại học của trường đều có chuẩn đầu ra, trong đó mô tả chi tiết vị trí có thể đảm nhiệm của sinh viên sau khi tốt nghiệp [H6.6.1.6].

2. Điểm mạnh

Có gần 40% sinh viên có việc làm tại thời điểm tốt nghiệp, gần 90% sinh viên có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp, tỷ lệ sinh viên làm việc tại các công ty liên doanh, đối tác nước ngoài ngày càng tăng.

3. Tồn tại

Việc mở các lớp đào tạo kỹ năng mềm có cấp chứng chỉ còn hạn chế. Các hoạt động phát triển kỹ năng mới chỉ dừng lại ở hoạt động lồng ghép với các hội thảo, hội nghị, tập huấn.

Tỷ lệ sinh viên ra trường làm việc tại các doanh nghiệp nước ngoài, hoặc đi lao động nước ngoài còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường phối hợp với các tổ chức đào tạo kỹ năng sống, kỹ năng mềm cho sinh viên ít nhất 01 khóa/ năm học (có cấp chứng chỉ).

Tiếp tục phát triển phong trào học ngoại ngữ, ký kết hợp tác với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp đầu mối đưa lao động Việt Nam đi nước ngoài, phấn đấu 10-15% sinh viên sau khi tốt nghiệp làm việc tại các công ty này.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 6.8. Người học có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp. Trong năm đầu sau khi tốt nghiệp, trên 50% người tốt nghiệp tìm được việc làm đúng ngành được đào tạo.

1. Mô tả

Như đã mô tả tại 6.7, kết quả khảo sát hàng kỳ cho thấy, gần 40% sinh viên có việc làm tại thời điểm tốt nghiệp, gần 90% sinh viên có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp, tỷ lệ sinh viên làm việc tại các công ty liên doanh, đối tác nước ngoài ngày càng tăng, các doanh nghiệp đánh giá cao về kết quả đào tạo của Nhà trường và năng lực đáp ứng công việc của sinh viên [H6.6.8.2], [H6.6.8.4].

Với truyền thống hơn 50 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường đã đào tạo gần 80.000 cán bộ kỹ thuật các chuyên ngành. Trường có Hội cựu cán bộ, cựu sinh viên (Hội Cơ - Điện) trên nhiều tỉnh thành trong cả nước. Ngày 9/8/2015, tại đại hội Đại biểu hội Đại học Cơ điện Hà Nội, Hội đã vinh dự được tổ chức xác lập kỷ lục Việt Nam trao Giấy xác lập kỷ lục Hội cựu sinh viên đại học hoạt động lâu đời nhất tại Việt Nam. Các Hội này có ảnh hưởng tích cực đến khả năng tìm và tự tạo việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp [H6.6.8.1].

Các Hội cơ điện trên cả nước hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, giúp đỡ hỗ trợ nhau trong cuộc sống, giáo dục các thế hệ kế tiếp là cầu nối quan trọng giúp sinh viên Nhà trường có cơ hội tìm kiếm việc làm, tăng thông tin 2 chiều giữa các doanh nghiệp với Nhà trường.

Các bộ phận chức năng trong trường thường xuyên có kế hoạch tư vấn hỗ

trợ sinh viên, định hướng nghề nghiệp nhằm tăng khả năng tìm kiếm việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp [H6.6.1.2], [H6.6.8.3].

2. Điểm mạnh

Có gần 40% sinh viên có việc làm tại thời điểm tốt nghiệp, gần 90% sinh viên có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp, tỷ lệ sinh viên làm việc tại các công ty liên doanh, đối tác nước ngoài ngày càng tăng.

Mối liên hệ tốt giữa Nhà trường, sinh viên đang học tập tại Trường và các Hội cựu sinh viên của Trường trên cả nước góp phần tích cực vào cơ hội tìm kiếm việc làm của sinh viên Nhà trường.

3. Tồn tại

Bộ dữ liệu về danh sách, thông tin cá nhân của các cựu sinh viên của Nhà trường chưa đầy đủ. Chưa thực sự khai thác, kết nối được hết sức mạnh thực sự của các Hội cựu giáo chức, cựu sinh viên trong cả nước.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2017, Nhà trường thành lập tổ Thông tin tuyên truyền và quan hệ công chúng. Tổ có nhiệm vụ quảng bá hình ảnh của Nhà trường và kết nối các doanh nghiệp, cựu giáo chức, cựu sinh viên trong các hoạt động phối hợp đào tạo, hỗ trợ việc làm cho sinh viên. Định kỳ (ít nhất 1 lần/ năm) mời đại diện các Hội cựu sinh viên về trường họp mặt, giao lưu và đưa ra các biện pháp cụ thể nhằm phối hợp đào tạo, hỗ trợ việc làm cho sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 6.9. Người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học, được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của trường đại học trước khi tốt nghiệp.

1. Mô tả

Nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, đổi mới chương trình, phương pháp giảng dạy, Nhà trường đã có quy định và tổ chức khảo sát, lấy ý kiến người học đối với giảng viên theo từng học phần. Từ năm học 2014-2015, Nhà trường sử dụng hệ thống khảo sát trực tuyến đối với 100% sinh viên trong

học kỳ. Phương pháp khảo sát này cho phép tổng hợp, phân tích kết quả được thực hiện nhanh gọn và chính xác hơn [H6.6.1.8], [H6.6.9.1], [H6.6.9.4].

Năm 2006, phòng Thanh tra Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục đại học được thành lập. Từ đó phòng đã tham mưu đề Nhà trường ban hành các văn bản quy định việc người học tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học [H6.6.9.1]. Năm 2014, phòng được tách ra thành phòng Thanh tra -Pháp chế và phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục. Trong đó phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục được giao nhiệm vụ thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên theo từng học kỳ [H6.6.9.3], [H6.6.9.4].

Từ năm học 2014-2015, 100% sinh viên hệ chính quy tập trung tham gia khảo sát 2 lần/ khóa học (khảo sát sinh viên đang học và khảo sát sinh viên tốt nghiệp), sau 6 tháng và 12 tháng tổ chức cho sinh viên khảo sát sau tốt nghiệp (Từ năm học 2015-2016, hoạt động này được triển khai đến sinh viên hệ đào tạo vừa học vừa làm). Qua đó các nội dung cơ bản về quá trình quản lý, hỗ trợ sinh viên, chương trình đào tạo được đề cập đến. Kết quả cho thấy về cơ bản chương trình đào tạo phù hợp chất lượng đào tạo đã đáp ứng chuẩn đầu ra được công bố đầu khóa học [H6.6.9.2], [H6.6.9.4].

Các kết quả khảo sát được tổng hợp và gửi tới các bộ phận chức năng xử lý, điều chỉnh chương trình, thời gian đào tạo. Đồng thời cũng được cung cấp tới từng giảng viên để kịp thời điều chỉnh phương pháp giảng dạy, khối lượng kiến thức cho phù hợp.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có bộ phận chuyên trách, quy định sinh viên tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của giảng viên, sự phù hợp của chương trình đào tạo...

Nhà trường có hệ thống khảo sát trực tuyến, hệ thống câu hỏi, bố cục có thể điều chỉnh, kết quả thống kê chi tiết và chính xác.

3. Tồn tại

Việc thực hiện khảo sát đối với sinh viên hệ đào tạo không chính quy và các hệ đào tạo sau đại học còn hạn chế.

Việc khảo sát chương trình đào tạo mới được đề cập đến chương trình tổng thể, chưa có những khảo sát chi tiết cụ thể.

4. Kế hoạch hành động

Bắt đầu từ năm học 2016-2017, các nội dung khảo sát sẽ triển khai đến 100% sinh viên các hệ đào tạo của nhà trường.

Hoàn thiện phiếu khảo sát chương trình đào tạo (chi tiết cho từng ngành đào tạo) trong tháng 7/2016 và tổ chức khảo sát ngay trong các đợt tốt nghiệp tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp luôn có những quan tâm rõ rệt tới người học nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa, công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế. Sinh viên vào Trường được tạo điều kiện tiếp cận đầy đủ các thông tin về học tập, được sống trong môi trường thuận lợi cho việc rèn luyện, phấn đấu, nâng cao sức khỏe. Bên cạnh đó sinh viên thường xuyên được quan tâm, tư vấn, hỗ trợ tìm kiếm việc làm trước và sau tốt nghiệp, được bồi dưỡng những kỹ năng cần thiết để nâng cao cơ hội tìm được việc làm phù hợp.

Trong thời gian tới, Nhà trường tiếp tục xây dựng và tiến hành các giải pháp cụ thể nhằm hỗ trợ sinh viên tốt nhất trên các lĩnh vực học tập, nghiên cứu khoa học, rèn luyện, sinh hoạt. Tạo điều kiện để sinh viên phấn đấu để được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam, tìm kiếm và tự tạo được việc làm sau khi tốt nghiệp.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 9/9

Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ (7 tiêu chí).

Mở đầu

Trải qua 51 năm xây dựng và trưởng thành, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã có những đóng góp đáng kể cho đất nước về đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật có trình độ cao cũng như những thành tựu về nghiên cứu khoa học (NCKH), chuyển giao công nghệ (CGCN). Nhà trường luôn xác định: NCKH là nhân tố quan trọng cần gắn kết để nâng cao chất lượng đào tạo; NCKH, ứng dụng, phát triển và CGCN luôn gắn với sứ mạng và sự phát triển chung của Nhà trường. Tư tưởng này được chỉ đạo và thực hiện xuyên suốt trong các nghị quyết của Đại hội Đảng bộ, của Đảng ủy, của Hội nghị cán bộ viên chức hàng năm, kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ dài hạn, trung hạn và ngắn hạn của trường. Kể từ năm 2013, các NCKH của trường phải tạo ra sản phẩm thực, công bố khoa học thực nhằm từng bước tiến tới thực hiện chiến lược “Kỹ sư Việt Nam phải tạo ra công nghệ của người Việt Nam”. Từ 2011 đến nay đã có 648 kết quả nghiên cứu được công bố trên các tạp chí chuyên ngành, trong số đó có 33% là công bố quốc tế được xếp hạng ISI, SCI, SCIE, có số xuất bản ISSN/ISBN; đã có 48 sản phẩm của các đề tài NCKH đã được đưa vào trong giảng dạy và NCKH. Mặc dù số lượng đề tài NCKH trong năm 2013, 2014 giảm mạnh do thay đổi cách đánh giá, nhưng đến năm 2015 và đặc biệt 2016 số đề tài NCKH cấp cơ sở đã tăng lên rõ rệt.

Trong 5 năm qua, trong số các đề tài cấp Bộ và cấp Đại học, có 76,5% các đề tài có gắn với đào tạo sau đại học, 100% sản phẩm các đề tài có tính khoa học và thực tiễn, 91% các đề tài có sản phẩm đào tạo và 99,8% đề tài có sản phẩm ứng dụng.

Từ năm 2011 đến năm 2015, Nhà trường đã ký kết 579 hợp đồng kinh tế - chuyển giao công nghệ với các doanh nghiệp và các dự án khoa học công nghệ của nhiều tỉnh miền núi phía Bắc với giá trị quyết toán hơn 72 tỉ đồng. Để tiếp cận khu vực, tăng cơ hội hợp tác và bước đầu hội nhập quốc tế trong NCKH và

CGCN, năm 2015 Nhà trường đã xây dựng 7 định hướng NCKH mũi nhọn, phát huy thế mạnh của trường, đáp ứng nhu cầu thực tế. Về hợp tác quốc tế trong NCKH, Nhà trường đã ký 19 bản ghi nhớ hợp tác toàn diện với các trường đại học trên thế giới. Nhà trường đã xúc tiến hợp tác NCKH và CGCN với 02 trường Đại học của Hoa Kỳ, 02 trường Đại học ở Châu Âu, 01 trường Đại học ở Canada, 01 trường Đại học ở Hàn Quốc, 01 trường Đại học tại Trung Quốc, 01 trường Đại học ở Đài Loan. Hàng năm cử ít nhất 10 giảng viên ra nước ngoài làm công tác trợ lý, phối hợp NCKH với các nhà khoa học tại các trường đối tác.

Có thể nói, NCKH và CGCN đang từng bước trở thành chìa khóa để nâng cao chất lượng đào tạo đại học và sau đại học của Trường.

Tiêu chí 7.1. Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường đại học.

1. Mô tả

Căn cứ sứ mạng, định hướng và mục tiêu phát triển của Nhà trường, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã ban hành kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ dài hạn, trung hạn, hàng năm phù hợp với nhiệm vụ và công cuộc đổi mới toàn diện như: “Kế hoạch chiến lược phát triển trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp giai đoạn 2010-2015 và tầm nhìn chiến lược 2020”, “Đề xuất định hướng phát nghiên cứu khoa học công nghệ của ĐHKTCN từ 2009-2015”, Báo cáo tổng kết hoạt động khoa học công nghệ và kế hoạch hoạt động hàng năm [H7.7.1.1], [H7.7.1.2]. Trên cơ sở các văn bản chiến lược này, đồng thời căn cứ các văn bản quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Thái Nguyên..., Nhà trường đã ban hành kế hoạch hoạt động NCKH, Quy định về quản lý khoa học, Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm nhằm chỉ đạo, giám sát và kiểm tra kế hoạch hoạt động khoa học của các cấp quản lý [H7.7.1.2],[H7.7.1.3],[H7.7.1.7], quy trình quản lý thực hiện đề tài các cấp được thực hiện nghiêm túc, định kỳ từ cấp khoa, trung tâm đến cấp trường [H7.7.1.3], [H7.7.1.4], [H7.7.1.5], [H7.7.1.6].

Các sản phẩm của đề tài NCKH phù hợp với tuyên bố sứ mạng của Nhà trường như sau:

Tiếp cận phương thức nghiên cứu khoa học của các nước phát triển: Có 33% các công bố khoa học của Nhà trường trong 5 năm qua là công bố quốc tế được xếp hạng ISI, SCIE, SCI..., trong số đó có 50,5 % phối hợp cùng các nhà khoa học trên thế giới [H7.7.3.1], [H7.7.3.2], [H7.7.3.4].

Nghiên cứu khoa học gắn liền với đào tạo: 100% đề tài NCKH các cấp được ứng dụng trong chương trình đào tạo đại học, 76,5% đề tài ứng dụng trong chương trình đào tạo sau đại học [H7.7.6.2], 13,7% các luận án tiến sĩ/luận văn thạc sĩ hàng năm được triển khai hoặc gắn kết với các đề tài/dự án nghiên cứu khoa học của trường [H7.7.1.6], [H7.7.6.6].

Nghiên cứu khoa học gắn liền phát triển sản phẩm phục vụ trực tiếp doanh nghiệp và sự phát triển kinh tế xã hội đất nước: Nhà trường đã chuyển giao được 579 hợp đồng kinh tế - CGCN với các doanh nghiệp và các dự án KHCN của nhiều tỉnh miền núi phía Bắc với giá trị quyết toán là 72,007 tỉ đồng, giải quyết một phần các vấn đề thực tế trong các lĩnh vực cơ khí, năng lượng điện, kỹ thuật điện tử và điều khiển cho các doanh nghiệp trên hầu hết các tỉnh thành trên toàn quốc.

Hàng năm, Nhà trường có báo cáo tổng kết, xây dựng chiến lược, điều chỉnh các kế hoạch hoạt động hàng năm [H7.7.1.2].

2. Điểm mạnh

Hoạt động KHCN đã tạo ra các sản phẩm phản ánh đúng sứ mạng, mục tiêu và định hướng phát triển của nhà trường.

3. Tồn tại

Chưa có đề tài, dự án phối hợp NCKH với nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016 -2017, Nhà trường xây dựng các chương trình, dự án phối hợp NCKH với các đối tác nước ngoài theo nội dung đã ký kết trong bản ghi nhớ hợp tác để khai thác hiệu quả các nguồn hỗ trợ từ đối tác quốc tế.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 7.2. Có các đề tài, dự án được thực hiện và nghiệm thu theo kế hoạch.

1. Mô tả

Trong 5 năm qua, trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã và đang thực hiện 621 đề tài, trong đó: 549 đề tài cấp cơ sở, 59 đề tài cấp ĐH Thái Nguyên, 3 đề tài cấp Tỉnh, 9 đề tài cấp Bộ Giáo dục - Đào tạo, 1 đề tài Nghiên cứu cơ bản cấp Nhà nước. Các đề tài này đảm bảo đủ nguồn lực và tổ chức thực hiện; [H7.7.2.1]. Số lượng đề tài tính trung bình 1,007 đề tài quy đổi/10 giảng viên. Trong số đó có 91,1% đề tài các cấp đã nghiệm thu và đang thực hiện theo đúng kế hoạch. 8,9% đề tài phải thanh lý do chủ nhiệm đề tài chuyển công các sang cơ quan khác hoặc lý do cá nhân. Thông tin về tiến độ thực hiện các đề tài được phản ánh trong các báo cáo định kỳ, biên bản nghiệm thu hàng năm của trường và được theo dõi thường xuyên trong danh sách quản lý đề tài hàng năm của trường [H7.7.2.2], [H7.7.2.3].

Để đảm bảo các đề tài NCKH thực hiện đúng tiến độ, Nhà trường thực hiện công tác giám sát, kiểm tra, đôn đốc thông qua các thông báo, công văn hoặc xử lý đề tài không hoàn thành theo quy định nội bộ của Nhà trường và của Đại học Thái Nguyên. Ngoài ra, Nhà trường tiến hành kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài theo định kỳ [H7.7.2.4], [H7.7.2.5].

2. Điểm mạnh: Không

3. Tồn tại: Có một số đề tài phải thanh lý.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016- 2017, Nhà trường sẽ bổ sung, điều chỉnh chế tài cụ thể đối với các đề tài không thực hiện theo đúng kế hoạch trong quy định quản lý khoa học.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 7.3. Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế tương ứng với đề tài NCKH và phù hợp với định hướng nghiên cứu.

1. Mô tả

Trong 5 năm qua cán bộ giảng viên Nhà trường đã công bố được 648 kết quả nghiên cứu trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế có số xuất bản ISSN/ISBN, các báo xếp hạng ISI, SCIE, SCI...[H7.7.3.1], [H7.7.3.2], [H7.7.3.4], trong đó có 33% là công bố quốc tế. Trung bình tỉ lệ đạt được 0,31 công bố khoa học/giảng viên. Tỉ lệ giữa số lượng công bố khoa học với số lượng đề tài là 3,16 công bố khoa học/đề tài quy đổi. Có 39.8% công bố khoa học có sự tham gia của các đơn vị ngoài trường và 16.7% phối hợp cùng các nhà khoa học trên thế giới. Tất cả các công bố khoa học có nội dung thuộc các hướng nghiên cứu phục vụ cho chiến lược phát triển về đào tạo, NCKH của Nhà trường. Để tăng số lượng công bố khoa học, nhà trường có văn bản quy đổi sang giờ làm việc của giảng viên, bao gồm cả giờ giảng dạy, các tác giả có công bố khoa học quốc tế ngoài được tính giờ NCKH còn được thưởng tiền theo quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm, với số tiền lên đến 15 triệu/công bố và được ưu tiên khi xét tuyển đi học nước ngoài theo đề án 911 [H7.7.3.5].

2. Điểm mạnh:

Tỉ lệ các công bố khoa học trên đề tài quy đổi tương đối cao. Nhà trường ngày càng có nhiều các chính sách, chế độ khuyến khích các chủ nhiệm đề tài đăng tải kết quả nghiên cứu trên các tạp chí quốc tế có uy tín.

3. Tồn tại: Các công bố khoa học thuộc danh mục ISI, Scopus còn thấp

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường tiếp tục duy trì giải pháp khuyến khích công bố khoa học quốc tế.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 7.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường Đại học có những đóng góp mới cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

1. Mô tả

100% các đề tài NCKH được hội đồng nghiệm thu đánh giá là có đóng

góp mới cho nghiên cứu, đào tạo của nhà trường. Một số đề tài đã và đang có các công bố quốc tế trên các tạp chí ISI. Những lĩnh vực nghiên cứu nổi bật là: điều khiển tối ưu và nghiên cứu lý thuyết điều khiển ổ đỡ từ của ngành Điện, Điện tử; các nghiên cứu về gia công kim loại và vật liệu composite của ngành Kỹ thuật Cơ khí v.v..[H7.7.4.1], [H7.7.4.3], [H7.7.4.4]. Trong 5 năm qua, 100% đề tài NCKH cấp cơ sở được ứng dụng trong chương trình đào tạo đại học, đối với các đề tài cấp Bộ và cấp Đại học có 76,5% đề tài gắn với chương trình đào tạo SDH, 91% đề tài có sản phẩm đào tạo và 98.8% đề tài có sản phẩm ứng dụng [H7.7.4.6]. Đặc biệt từ năm 2013, Nhà trường đã đẩy mạnh các đề tài ứng dụng khoa học công nghệ vào thực tiễn, tất cả các đề tài cấp cơ sở đều có sản phẩm ứng dụng, trong đó có 48 sản phẩm của các đề tài đã được bàn giao và đưa vào sử dụng trong giảng dạy và NCKH [H7.7.4.9]. Trong giai đoạn 2011-2016, các đề tài khoa học công nghệ của Nhà trường đã đạt được 28 giải thưởng về hoạt động khoa học công nghệ bao gồm: Giải thưởng sáng tạo trẻ Đại học Thái Nguyên, Tài năng khoa học trẻ Việt Nam,...[H7.7.4.7], tỷ lệ đạt giải thưởng trên tổng số đề tài/dự án hàng năm quy đổi là 13,7% [H7.7.4.8]. Phong trào này đã được đánh giá là một trong các hoạt động tiêu biểu của tuổi trẻ tỉnh Thái Nguyên (www.tnut.edu.vn).

Đề tài cấp Tỉnh và các hợp đồng kinh tế - CGCN chủ yếu phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của khu vực miền núi phía Bắc và cả nước [H7.7.4.2], [H7.7.4.5]. Trong 5 năm qua, Nhà trường đã chuyển giao 579 hợp đồng kinh tế - CGCN với các doanh nghiệp và các dự án KHCN của nhiều tỉnh miền núi phía Bắc với giá trị quyết toán là 72,007 tỉ đồng, giải quyết các vấn đề thực tế của các doanh nghiệp và địa phương, trong các lĩnh vực cơ khí, năng lượng điện, kỹ thuật điện tử và điều khiển cho các doanh nghiệp trên hầu hết các tỉnh thành trên toàn quốc.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có số lượng hợp đồng kinh tế CGCN với các doanh nghiệp nhằm mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.

3. Tồn tại

NCKH chưa có sản phẩm liên kết với nước ngoài; phần nhiều các công bố khoa học quốc tế chưa được xếp hạng ở nhóm cao.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016 -2017, Nhà trường khuyến khích đăng ký và triển khai các đề tài liên kết nước ngoài với các trường, viện nghiên cứu đã ký kết bản ghi nhớ hợp tác, từ đó tăng số lượng các công bố quốc tế tại các tạp chí có chỉ số trích dẫn IF cao

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 7.5. Đảm bảo nguồn thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ không ít hơn kinh phí của trường đại học dành cho các hoạt động này.

1. Mô tả

Nguồn kinh phí hoạt động KHCN của Nhà trường chủ yếu từ ngân sách của Nhà nước cấp và thu từ hoạt động chuyển giao công nghệ của trường, đảm bảo thu luôn lớn hơn chi. Tính trong 5 năm, tổng giá trị các hợp đồng chuyển giao khoa học công nghệ với các đơn vị ngoài trường (bao gồm cả cán bộ với danh nghĩa của trường) là 72,007 tỉ đồng; tổng kinh phí ngân sách phân bổ chi cho hoạt động NCKH là 10,004 tỉ đồng. Như vậy tổng các khoản thu từ bên ngoài cho NCKH và từ NCKH lớn hơn các khoản chi từ ngân sách của trường cho NCKH trong cả giai đoạn 5 năm được đánh giá. [H7.7.5.1], [H7.7.5.2], [H7.7.5.3], [H7.7.5.4], [H7.7.5.5].

2. Điểm mạnh

Nguồn thu từ hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ của Nhà trường tương đối cao so với tổng chi cho hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ.

3. Tồn tại

Nhà trường chưa có nguồn thu từ các đề tài, dự án với đối tác nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, nhà Trường thực hiện các dự án NCKH song phương với nước ngoài, trong đó có nguồn vốn hỗ trợ từ đối tác.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 7.6. Các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường đại học gắn với đào tạo, gắn kết với các viện nghiên cứu khoa học, các trường đại học khác và các doanh nghiệp. Kết quả của các hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp vào phát triển các nguồn lực của trường.

1. Mô tả

Nhà trường đã quy định cụ thể về việc gắn kết đào tạo với nghiên cứu khoa học; quy định về tiêu chuẩn xét chọn các đề tài/dự án [H7.7.6.1]. Chính vì thế, tỷ lệ gắn kết đề tài NCKH với các chương trình đào tạo đại học xấp xỉ 100%, với đào tạo sau đại học là 76,5% . 100% các đề tài cấp Bộ, cấp Đại học có các kết quả/sản phẩm được công bố trên tạp chí trong và ngoài nước hoặc xuất bản thành sách tham khảo, tài liệu giảng dạy/nghiên cứu [H7.7.4.6]; 13,7% các luận án tiến sỹ/luận văn thạc sỹ hàng năm được triển khai hoặc gắn kết với các đề tài/dự án nghiên cứu khoa học của trường [H7.7.6.6]. Số đề tài NCKH sinh viên là 371 đề tài [H7.7.6.2]. Nhà trường đã thành lập Trung tâm sáng tạo sản phẩm để triển khai, thực thi các đề tài, hiện thực hóa các ý tưởng sáng tạo và trưng bày các sản phẩm KHCN cho sinh viên. Nhà trường đã khuyến khích, hỗ trợ thành lập 7 CLB sinh viên NCKH, tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích cho sinh viên về mặt học thuật. Trong 5 năm qua có gần 800 sinh viên tham gia các đề tài NCKH và là thành viên chính thức trong các Câu lạc bộ NCKH [H 7.7.6.3].

Nhà trường đã chuyển giao được 579 hợp đồng kinh tế - CGCN với các doanh nghiệp và các dự án KHCN của nhiều tỉnh miền núi phía Bắc với giá trị quyết toán là 72,007 tỉ đồng, giải quyết một phần các vấn đề thực tế trong các lĩnh vực cơ khí, năng lượng điện, kỹ thuật điện tử và điều khiển cho các doanh nghiệp trên hầu hết các tỉnh thành trên toàn quốc.

Về công tác phát triển công nghệ phối hợp trường đại học – viện nghiên

cứu và hợp tác trong hoạt động NCKH, đã có 31% đề tài cấp Bộ và cấp Đại học TN gắn với 41 trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp và các đơn vị khác, có 39.8% công bố khoa học phối hợp với các đơn vị khác trong và ngoài nước. Trong số các công bố quốc tế, có 50.7% các công bố thực hiện cùng các nhà khoa học trên thế giới [H.7.7.6.4], [H.7.7.6.5].

Với những kết quả trên, các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã đóng góp đáng kể vào sự phát triển nguồn lực về nhân sự và cơ sở vật chất của Nhà trường; thể hiện ở 3 điểm sau: (1) Góp phần đào tạo đội ngũ giảng dạy và NCKH gắn liền các đề tài, dự án [H7.7.6.6]. (2) Số lượng các đề tài tạo ra sản phẩm thực ngày càng tăng, các sản phẩm này hiện nay đang được khai thác sử dụng tại các phòng thí nghiệm, trung tâm Sáng tạo sản phẩm của nhà trường, phục vụ đào tạo và NCKH [H7.7.6.7]. (3) Lợi nhuận từ các hợp đồng kinh tế, chuyển giao công nghệ được bổ sung cho ngân sách của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Kết quả các công trình NCKH được sử dụng trong giảng dạy khá đa dạng. Hoạt động NCKH chuyển giao công nghệ với doanh nghiệp, địa phương mang tính hiệu quả và đồng bộ.

3. Tồn tại

Hoạt động NCKH của trường chưa gắn với viện nghiên cứu của các nước qua các đề án cụ thể.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016-2017, Nhà trường xây dựng các chương trình, dự án NCKH phối hợp với các nước tiên tiến để nâng cao hiệu quả thực tiễn trong giáo dục và đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 7.7. Có các quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định; có các biện pháp để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ.

1. Mô tả

Nhà trường có quy định về nhiệm vụ các hoạt động khoa học và công nghệ đối với các chức danh khác nhau, tiêu chuẩn đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Nhà trường cũng ban hành các quy định hướng dẫn thực hiện các tiêu chuẩn năng lực, tiêu chuẩn đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ, quy định về quyền sở hữu trí tuệ [H7.7.7.1].

Nhà trường cũng đã quy định và có chính sách khuyến khích cán bộ giảng viên tham gia NCKH. Các quy định quản lý khoa học và công nghệ của trường đã cụ thể hóa tiêu chuẩn và năng lực nghiên cứu, quy trình thực hiện đề tài các cấp [H7.7.7.2].

Nhà trường đã xây dựng các đề án nhằm sử dụng hiệu quả năng lực con người, tài chính, phương tiện thiết bị... theo hướng hội nhập quốc tế, thành lập các câu lạc bộ khoa học và công nghệ [H7.7.7.2]. Xây dựng chính sách đúng đắn cho hoạt động công ty trách nhiệm hữu hạn để phát triển công tác chuyển giao công nghệ [<http://congtv.tnut.edu.vn/>]. Tất cả các thông tin về hoạt động khoa học và công nghệ được phổ biến đầy đủ đến cán bộ viên chức, người học trong trường thông qua hệ thống thông tin mạng, hệ thống quản lý và trợ lý khoa học của các đơn vị.

Nhà trường có quy định công khai các đề tài KH&CN, luận án, luận văn trên website của trường; phổ biến Luật sở hữu trí tuệ trong các hoạt động sinh hoạt chuyên môn của các đơn vị [H7.7.7.3], [H7.7.7.4]. Hoạt động KH&CN của Nhà trường đảm bảo tuân thủ quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong cơ sở GDĐH của nhà nước và của Đại học Thái Nguyên [H7.7.7.3].

Trong 5 năm qua, trong trường không có vụ việc gì vi phạm tiêu chuẩn đạo đức về NCKH hoặc vi phạm quyền SHTT.

2. Điểm mạnh

Đã ban hành quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong hoạt động KHCN. Văn bản, quy định, thông tin về hoạt động KHCN được phổ biến cụ thể, công khai đến từng đơn vị trong toàn trường.

3. Tồn tại

Số lượt tổ chức các lớp tập huấn về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ, luật sở hữu trí tuệ còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Hàng năm tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo hướng dẫn cho giảng viên về đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động khoa học công nghệ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Hoạt động KHCN, ứng dụng, phát triển và CGCN đã đáp ứng cơ bản sứ mạng của Nhà trường trong giai đoạn 2011-2016, đặc biệt là đáp ứng được yêu cầu về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục của Nhà trường trong những năm 2013-2016.

Nhà trường đã thay đổi tư duy làm NCKH theo kiểu hình thức trước đây sang cách thức NCKH nhằm tạo ra công nghệ mới, bước đầu tiếp cận thành tựu khoa học kỹ thuật của khu vực và thế giới. Các đề tài đều được yêu cầu phải có sản phẩm thực, công bố khoa học thực, có tính mới, tính ứng dụng và phục vụ được công tác đào tạo cũng như thực tế sản xuất. Nhà trường đã xây dựng thành công 7 định hướng NCKH mũi nhọn, phát triển hợp tác NCKH và CGCN với nước ngoài. Việc xúc tiến xây dựng hợp tác NCKH và CGCN với các trường Đại học tiên tiến trên thế giới và các trường trong nước, cử giảng viên ra nước ngoài làm công tác phối hợp NCKH khẳng định hướng đi đúng đắn và hứa hẹn nhiều thành công trong công tác NCKH của Nhà trường. Kết quả của hoạt động NCKH, CGCN của Nhà trường đã được khẳng định qua việc đáp ứng những tiêu chí khắt khe nhất của các tạp chí chuyên ngành có uy tín, các hội đồng khoa học uy tín, đặc biệt là sự ghi nhận và đánh giá cao của xã hội trong việc giải quyết các vấn đề thực tế của các doanh nghiệp trên cả nước. Hoạt động NCKH của Nhà trường cũng luôn đảm bảo nguồn thu lớn hơn tổng chi, có các quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong NCKH, có biện pháp để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ. Số lượng sản phẩm được đăng ký quyền sở hữu trí tuệ còn

hạn chế, một số đề tài nghiệm thu chưa đúng tiến độ vì những lý do khách quan là những tồn tại cần khắc trong thời gian tới. Với hướng đi đúng đắn và tinh thần học hỏi của đa số cán bộ giảng viên, chắc chắn Nhà trường sẽ có những chuyển biến mạnh mẽ, sánh vai với các trường Đại học hàng đầu trong cả nước về NCKH và CGCN, thực hiện tốt sứ mệnh của Nhà trường đối với khu vực các tỉnh miền núi phía Bắc nói riêng và cả nước nói chung, đồng thời tiếp cận trình độ các trường đại học tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 6/7

Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế (3 tiêu chí)

Mở đầu

Công tác HTQT của Nhà trường được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước và đã tạo ra được những hiệu quả trong lĩnh vực đào tạo con người cũng như lĩnh vực kinh tế. Từ đây, Nhà trường đang từng bước phát triển nghiên cứu khoa học với các đối tác nước ngoài nhằm thực hiện chủ trương “Người Việt Nam phải tạo ra công nghệ của người Việt Nam” để từng bước phát triển Nhà trường trên con đường đổi mới phù hợp với nền kinh tế công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

Tiêu chí 8.1. Các hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện theo quy định của Nhà nước

1. Mô tả

Công tác hợp tác quốc tế của Nhà trường thực hiện theo các quy định, nghị định của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh Thái Nguyên và Đại học Thái Nguyên và Nhà trường.

Nhà trường thực hiện văn bản hướng dẫn thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo, KHCN và dịch vụ giáo dục phù hợp với các quy định của Nhà nước như: căn cứ trên cơ sở các quy định, nghị định của chính phủ, của Bộ GD - ĐT và Đại học Thái Nguyên về HTQT và đến năm 2013, Nhà trường cập nhật thông tin mới và ban hành Quy định quản lý người nước ngoài đến học tập và làm việc tại Trường, Quy định quản lý công tác HTQT của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, hướng dẫn thủ tục làm visa, thủ tục tiếp nhận sinh viên đến thực tập v.v. [H8.8.1.1]. Nhà trường đã triển khai, phổ biến các văn bản về HTQT, các bước làm thủ tục visa du học Nhật Bản, Hàn Quốc, J1 Hoa Kỳ đến CBVC bằng văn bản cũng như thông qua website của Nhà trường và Trung tâm HTĐTQT [<http://itc.tnut.edu.vn/c50/thu-tuc-lam-visa-ho-chieu>]. Chương trình liên kết đào tạo với trường Đại học Quốc gia Kyungpook, Hàn Quốc, Đại học Sơn Đông, Trung Quốc thực hiện theo Nghị định số 73/2012/NĐ-CP, ngày 26/9/2012 của Chính phủ Quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh

vực giáo dục; Nghị định số 78/2008/NĐ-CP, ngày 17/7/2008 của Chính phủ về quản lý hợp tác với nước ngoài về pháp luật [H8.8.2.3], [H8.8.2.2].

Không có bất kỳ vi phạm nào trong hoạt động hợp tác quốc tế trong 5 năm được đánh giá: Căn cứ các quy định, nghị định của Nhà nước, Bộ Giáo dục và đào tạo, Đại học Thái Nguyên về HTQT, Nhà trường chấp hành nghiêm chỉnh các quy định và không có vi phạm nào thông qua các kết luận của Nhà trường về công tác hợp tác quốc tế [H8.8.1.4] và Trung tâm HTĐTQT là đơn vị thực hiện chức năng hợp tác quốc tế được nhận bằng khen của Bộ GDĐT và của ĐHTN [H8.8.1.9].

Nhà trường có quy định rõ ràng về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát và phân cấp giữa các đơn vị trong hoạt động hợp tác quốc tế trong 5 năm qua, các đơn vị của trường được phổ biến và đang thực hiện theo cơ chế phân công, phân cấp này: Để đảm nhiệm vai trò là đơn vị đầu mối về công tác HTQT ngày 09/02/2006 Giám đốc Đại học Thái Nguyên đã ra quyết định thành lập Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế [H8.8.1.1], qua quá trình hình thành và phát triển ngày 27/5/2011, Nhà trường thành lập ra Trung tâm HTĐTQT và đến 08/5/2013 Đại học Thái Nguyên đã ra quyết định thành lập Trung tâm HTĐTQT [H8.8.1.1].

Để phân cấp hoạt động hợp tác quốc tế Nhà trường đã ban hành các văn bản phân rõ nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị trong Trường về quản lý hoạt động hợp tác quốc tế [H8.8.1.2].

Nhà trường có chế độ quản lý cán bộ, viên chức của trường đi công tác, học tập nước ngoài: Các đoàn đi công tác của Nhà trường tuân thủ theo quy định chung về HTQT. Các đoàn đi công tác đều có báo cáo kết quả sau các chuyến đi công tác [H8.8.2.10].

Hàng năm Nhà trường đón từ 10-15 đoàn từ các trường Đại học đến giảng dạy, thăm quan, tìm kiếm cơ hội hợp tác, trao đổi kinh nghiệm. Với các đoàn này, Nhà trường đều có những hướng dẫn cụ thể cho khách về các quy định khi họ sống và làm việc tại Nhà trường [H8.8.1.1], [H8.8.1.7]. Ngược lại, Nhà

trường cũng thường xuyên tổ chức các chuyến thăm và làm việc ở nước ngoài với các trường Đại học hoặc các công ty, các đoàn ra đều được tư vấn về những quy định và luật pháp của nước sở tại [H8.8.1.1], [H8.8.1.6]. Từ khi triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế Nhà trường đã ký kết được 10 MOU, MOA với các trường Đại học tại Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Đức, Thái Lan trong đó nhà trường đã triển khai được 80% MOU với các trường đối tác [H8.8.1.5]

Hàng năm, căn cứ chủ trương, chiến lược về phát triển hợp tác quốc tế tại Đại hội Đảng bộ lần thứ XII, XIII về hoạt động HTQT nhà trường có các kế hoạch triển khai về HTQT [H8.8.1.3], định kỳ sáu tháng Nhà trường có báo cáo sơ kết, điều chỉnh kế hoạch năm học (nếu cần thiết) và cuối năm có đánh giá, rà soát, báo cáo tổng kết các hoạt động của HTQT và cuối năm để rút kinh nghiệm và định hướng cho những năm tiếp theo [H8.8.1.4].

Mọi hoạt động về HTQT của Nhà trường như công tác xuất nhập cảnh của người nước ngoài và CBVC nhà trường đều tuân thủ các quy định của Bộ GD - ĐT và Đại học Thái Nguyên. Trong năm học 2013-2014, 2014-2015, 2015-2016, Trung tâm HTĐTQT được nhận bằng khen của Bộ GDĐT và của ĐHTN [H8.8.1.9].

2. Điểm mạnh

100% cán bộ viên chức và sinh viên được cử ra nước ngoài đều trở về nước và có báo cáo thu hoạch sau chuyến đi. Công tác HTQT của Nhà trường trong 5 năm vừa qua đã được nhận bằng khen của Bộ GDĐT và của ĐHTN.

3. Tồn tại

Từ năm 2013 trở về trước, hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường chưa được cụ thể hóa bằng văn bản mà vẫn dựa vào các văn bản hiện hành của Nhà nước, Bộ Giáo dục và đào tạo, Đại học Thái Nguyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường sẽ luôn cập nhật các văn bản về Hợp tác quốc tế của Nhà nước, Bộ Giáo dục và đạo tạo, Đại học Thái Nguyên và cụ thể hóa thành văn bản của Nhà trường, đưa các văn bản pháp quy về hợp tác

quốc tế phổ biến rộng rãi tới toàn thể CBVC trong trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 8.2. Các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo có hiệu quả, thể hiện qua các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật, các chương trình trao đổi giảng viên và người học, các hoạt động tham quan khảo sát, hỗ trợ, nâng cấp cơ sở vật chất, trang bị thiết bị của trường đại học.

1. Mô tả

Trước những nhu cầu về HTQT Nhà trường đã có những chiến lược phát triển mối quan hệ hợp tác quốc tế nhằm đạt hiệu quả như sau:

Nhà trường có chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật, trao đổi giảng viên, giáo viên, người học với đối tác nước ngoài.

Năm 2009 Nhà trường bắt đầu triển khai chương trình liên kết quốc tế bậc đại học với Đại học Sơn Đông, Trung Quốc [H8.8.2.3], số lượng sinh viên nhập học 2 khóa chương trình liên kết quốc tế với Đại học Sơn Đông, Trung Quốc là 36 sinh viên và hiện nay các em đều học xong 02 năm và được nhận bằng của trường Đại học Sơn Đông, Trung Quốc. Học phí thu được từ sinh viên liên kết với Đại học Sơn Đông, Trung Quốc từ năm 2011 đến năm 2014 là 783.769.645đ (*Bảy trăm tám mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi lăm đồng chẵn*) [H8.8.2.2].

Đến năm 2013 Nhà trường tiếp tục triển khai chương trình liên kết bậc đại học với Đại học Quốc gia Kyungpook, Hàn Quốc [H8.8.2.3] và đã tuyển sinh được 13 sinh viên. Tháng 8 năm 2016, Nhà trường đã hoàn thành thủ tục cho 01 sinh viên sang học chuyển tiếp 2 năm tại Đại học Quốc gia Kyungpook. Kinh phí thu được chương trình liên kết đào tạo với Đại học Quốc gia Kyungpook, Hàn Quốc từ năm 2014 đến năm 2015 là 229.259.667đ (*Bằng chữ: Hai trăm hai mươi chín triệu hai trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng chẵn*) [H8.8.2.2].

Nhà trường tham gia tổ chức IESTE Việt Nam và đã đón 75 lượt sinh viên thực tập nước ngoài từ các nước Anh, Úc, Hoa Kỳ, Phần Lan, Thái Lan...đến

thực tập và giao lưu văn hóa, 23 sinh viên Hoa Kỳ sang học ngắn hạn 03TC với sinh viên chương trình tiên tiến và liên kết đào tạo, 2 đoàn sinh viên Thái Lan sang tham gia Trại hè Quốc tế của Nhà trường [H8.8.2.9] đồng thời cử được 5 sinh viên của Nhà trường đi thực tập tại nước ngoài, 15 sinh viên tham gia Trại Hè Quốc tế tại Thái Lan, 4 sinh viên sang tham dự chương trình giao lưu khoa học và công nghệ tại Nhật Bản, chuyển tiếp 36 sinh viên hệ liên kết đào tạo Quốc tế sang học tiếp 2 năm tại Đại học Sơn Đông, Trung Quốc, 01 sinh viên sang học tiếp 2 năm tại Đại học Quốc gia Kyungpook, Hàn Quốc [H8.8.2.8]. Triển khai 02 Chương trình tiên tiến đã góp phần tạo nên môi trường Quốc tế tại Nhà trường và mở rộng quan hệ HTQT theo định hướng trọng điểm của Nhà nước. Nhà trường đã cấp 14 suất học bổng toàn phần cho sinh viên quốc tế (6 sinh viên Philippine, 8 sinh viên Lào, Campuchia) [H8.8.2.9]

Về trao đổi học thuật quốc tế, Nhà trường đã ký được 10 MOU, MOA với các trường Đại học của Hoa Kỳ, Đức, Hàn Quốc, Thái Lan và 5 hợp đồng về liên kết đào tạo và trao đổi học thuật với Đại học Bang NewYork tại Buffalo, Đại học Bang Oklahoma, Hoa Kỳ. Nhận thấy vấn đề NCKH là cần thiết đến năm 2016 Nhà trường đã ký MOU và đang trong lộ trình triển khai MOU với trường Đại học Ilmenau, CHLB Đức [H8.8.2.1]. Năm 2016 Nhà trường đã ký MOA với trường Đại học Georgia Gwinnett, Hoa Kỳ về việc cử sinh viên Nhà trường sang học một học kỳ tại trường đối tác với điều kiện được miễn học phí và được công nhận các tín chỉ theo học tại trường tuy nhiên đến nay chưa có sinh viên đăng ký do các phụ phí sinh hoạt và vé máy bay cao nên sinh viên không đủ kinh tế đi [H8.8.2.1]. Các hoạt động về hợp tác trong các bản ghi nhớ trên đã và đang hoạt động có hiệu quả. Nhà trường đón 75 lượt giảng viên nước ngoài đến giảng dạy các chương trình tiên tiến và liên kết đào tạo, giảng dạy các lớp tiếng Anh cho sinh viên, giảng viên, Nhà trường đón 70 lượt cán bộ quản lý đến trao đổi với Nhà trường về định hướng phát triển HTQT và tổ chức 8 hội thảo với khoa chuyên môn [H8.8.2.5], [H8.8.3.1].

Nhà trường cử các bộ, giảng viên đi nước ngoài để đào tạo, bồi dưỡng thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế.

Nhà trường cử 70 lượt giảng viên với vai trò là đội ngũ nòng cốt tiếp cận phương pháp giảng dạy, học tập, 07 giảng viên tham gia NCKH và trao đổi chuyên môn, đây là đội ngũ nòng cốt tham gia giảng dạy Chương trình tiên tiến và liên kết đào tạo quốc tế. Hội thảo khoa học hàng tuần được tổ chức tại các khoa chuyên môn bằng tiếng Anh với sự tham gia của các giáo sư nước ngoài đã tạo ra môi trường học thuật tiên tiến trong Nhà trường. 32 giảng viên nhận được học bổng của Nhà nước và 08 giảng viên nhận được học bổng song phương với nước ngoài, 40 lượt cán bộ quản lý sang các trường đại học nước ngoài để thúc đẩy quá trình hợp tác và ký kết 10 MOU với các trường đối tác [H8.8.2.4]. Kết quả thu được sau các chuyến đi học tập, làm việc và khảo sát tại nước ngoài được tổng hợp qua báo cáo kết quả chuyến đi, giúp cho giảng viên nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân để giảng dạy cho sinh viên của Nhà trường [H8.8.2.10].

Trong Hoạt động thăm quan khảo sát, với chủ trương Nhà trường và cá nhân cùng đóng góp, Nhà trường tổ chức cho 41% CBVC của Nhà trường đến các trường Đại học Quốc gia Kyungpook, Hàn Quốc, Đại học Hoa Nam, Trung Quốc, Đại học Suranaree, Thái Lan [H8.8.2.6].

Các nguồn thu bổ sung hoặc các cơ sở vật chất, trang thiết bị được tăng cường từ hoạt động hợp tác quốc tế.

Hoạt động HTQT của Nhà trường đã mang lại 1.035 cuốn sách chuyên môn bằng tiếng Anh do trường Đại học Kyungpook, Hàn Quốc cấp cho và một số các thiết bị thí nghiệm và sách của các giáo sư giảng dạy nước ngoài mang sang và tặng cho Nhà trường [H8.8.2.7], [H8.8.2.12].

Hàng năm, Nhà trường đều báo cáo về kết quả thu được từ các chương trình liên kết đào tạo và trao đổi học thuật, học bổng, thăm quan, khảo sát với các đối tác nước ngoài trong các hội nghị tổng kết, báo cáo chính trị Đảng [H8.8.2.11], [H8.8.2.13]

2. Điểm mạnh

Công tác HTQT của Nhà trường đã mang lại nguồn lợi kinh tế từ việc triển

khai 02 chương trình liên kết với số tiền là 1.013.029.312đ (Bằng chữ: Một tỷ không trăm mười ba triệu không trăm hai mươi chín nghìn ba trăm mười hai đồng).

Số lượng sinh viên nước ngoài đến học tập và thực tập chuyên môn tại Nhà trường từ 15-20 sinh viên/1 năm tạo ra môi trường Quốc tế cho sinh viên và giảng viên trong trường.

3. Tồn tại

Số lượng sinh viên chương trình liên kết còn ít vì vậy nguồn thu từ công tác Hợp tác Quốc tế còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường xây dựng chiến lược tuyển sinh, giao cho Phòng Đào tạo thành lập Trung tâm tuyển sinh của Nhà trường trong năm 2017. Thiết kế lại website của Nhà trường theo tiêu chí “Lấy sinh viên làm trung tâm” sử dụng 2 ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh, dự kiến website sẽ hoàn thành vào cuối năm 2017. Nhà trường đã thành lập diễn đàn sinh viên vào đầu năm 2017 để mọi sinh viên có thể trao đổi thông tin một cách chính thống thông qua website của Nhà trường. Thông qua các mối quan hệ với các trường đối tác như trường Đại học Kyungpook, Hàn Quốc, Đại học Suranaree, Đại học King Mongkut, Thái Lan, Đại học Hoa Nam, Trung Quốc, Đại học Batangas, Philippine, và các sinh viên Quốc tế như Lào, Campuchia, Philippine và sinh viên thực tập từ nhiều nước trên thế giới để tuyển sinh sinh viên Quốc tế bằng cách gửi email các thông tin học bổng của chương trình liên kết đào tạo, chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh của Nhà trường. Chiến lược tuyển sinh năm 2017, Nhà trường đã liên hệ với các trường THPT để triển khai tuyển sinh năm học 2017 và tăng cường tuyển sinh sinh viên học chương trình liên kết quốc tế để tăng nguồn thu trong công tác HTQT.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 8.3. Các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học có hiệu quả, thể hiện qua việc thực hiện dự án, đề án hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, các chương trình áp dụng kết quả nghiên cứu

khoa học và công nghệ vào thực tiễn, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học chung, công bố các công trình khoa học chung.

1. Mô tả

Nhà trường đã tổ chức các hội thảo có sự tham gia của các đối tác nước ngoài như Hội thảo khoa học bằng tiếng Anh lần 1,2 với sự tham gia của trường Đại học ở Thái Lan, hội thảo của giáo sư đến từ Hoa Kỳ. Bên cạnh đó, hai khoa Quốc tế và Điện tử thường xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên môn bằng tiếng Anh với sự tham gia của các giáo sư đến giảng dạy tại Nhà trường [H8.8.3.1], [H8.8.3.2]. Năm 2016 Nhà trường đang trong lộ trình triển khai ký MOU với khoa Điện tử với khoa Điện của Đại học Ilmenau (CHLB Đức) để NCKH ứng dụng tại Thái Nguyên [H8.8.3.3].

Hiện tại, Nhà trường đã cử 07 giảng viên sang Đại học Hoa Nam Trung Quốc, Đại học Missouri, Hoa Kỳ, Đại học Quốc gia Kyungpook, Hàn Quốc để khai thác, phối hợp với các chuyên gia NCKH trong 3 tháng nhằm tìm đề tài NCKH tiếp cận với quốc tế và kết quả đạt được là 01 cán bộ được công bố báo, 01 cán bộ làm xong nghiên cứu với giáo sư về rô bốt trí tuệ nhân tạo [H8.8.3.4]. Trong 5 năm qua, giảng viên Nhà trường đã có 213 bài công bố quốc tế, 108 bài là công bố chung với GS nước ngoài [H8.8.3.5].

Hàng năm, Nhà trường đều có báo cáo tổng kết và đánh giá kết quả liên kết quốc tế trong hoạt động khoa học công nghệ của Trường [H8.8.3.6].

2. Điểm mạnh

Không có.

3. Tồn tại

Chưa triển khai đề án, dự án khoa học công nghệ với nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Nhà trường sẽ rà soát lại các MOU đã ký kết để triển khai các dự án NCKH đồng thời tìm ra phương hướng, giải pháp để tìm kiếm dự án, đề tài, nguồn đầu tư từ nước ngoài.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt yêu cầu của tiêu chí

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Hoạt động hợp tác quốc tế của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp được thực hiện nghiêm túc, tuân thủ đầy đủ các quy định của Nhà nước. Từ hoạt động HTQT, Nhà trường đã xây dựng tốt môi trường quốc tế với lượt giảng viên và sinh viên nước ngoài đến làm việc và học tập tại trường là 30 người/1 năm đồng thời số lượng giảng viên, CBVC đi nước ngoài làm việc, học tập và NCKH ngày càng tăng. Hoạt động HTQT về NCKH chưa thực sự có hiệu quả và trong 2 năm gần đây, Nhà trường chú trọng đến NCKH với mục tiêu “Người Việt nam phải tạo ra công nghệ của người Việt Nam”.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 2/3

Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác (9 tiêu chí)

Mở đầu

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên thành lập năm 1965, được quy hoạch xây dựng trên diện tích đất 50 ha, đóng trên địa bàn Phường Tích Lương – Thành phố Thái Nguyên, Nhà trường có vị trí giao thông đặc biệt thuận lợi khi nằm cạnh đường quốc lộ 3, tuyến đường nối liền thủ đô Hà Nội với các tỉnh phía bắc.

Sau hơn 50 năm xây dựng và phát triển, cùng với sự đầu tư của Nhà nước và bằng sự cố gắng, tiết kiệm mọi nguồn kinh phí đặc biệt kinh phí học phí, Nhà trường đã đầu tư xây dựng được 15.217 m² phòng học, 9.379 m² phòng thí nghiệm và thực hành, 3.470 m² thư viện, 21.012 m² ký túc xá và hàng ngàn mét vuông các công trình phụ trợ khác. Nhà trường đã có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên; có dư số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo; có ký túc xá đáp ứng cho khoảng 3.500 chỗ ở; có sân bãi rộng rãi, đa dạng cho các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao của cán bộ viên chức, giảng viên và sinh viên; có nhà khách đủ tiêu chuẩn cho các Giáo sư nước ngoài và trong nước đến làm việc tại trường. Từ năm 2011 đến nay, trung bình hàng năm, Nhà trường đã đầu tư từ nguồn kinh phí học phí khoảng 10 tỷ đồng cho công tác nâng cấp, sửa chữa để các công trình xây dựng đảm bảo chất lượng cũng như cảnh quan môi trường.

Là trường Đại học kỹ thuật đào tạo đa ngành có định hướng hội nhập quốc tế sâu rộng, từ mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp nghiên cứu khoa học đến đội ngũ giảng viên, phương tiện giảng dạy, sử dụng sách nước ngoài, việc trang bị đầy đủ thiết bị, hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin và sách tiếng Anh để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học luôn là một nhiệm vụ được Nhà trường đặt lên hàng đầu. Đến đầu năm 2016, tổng giá trị còn lại của thiết bị đã được Nhà trường đầu tư là: 101.426 triệu đồng với hơn

200 đầu thiết bị chuyên ngành hiện đại, nhiều thiết bị chỉ có ở những trường đại học lớn trên thế giới. Từ năm 2011 đến nay, trung bình hàng năm, Nhà trường đã đầu tư từ nguồn kinh phí học phí khoảng 6 tỷ đồng để mua sắm trang thiết bị, vật tư tiêu hao cho các phòng thí nghiệm, sách tiếng Anh cho thư viện.

Nhà trường đã đầu tư xây dựng hệ thống dịch vụ tổng hợp với nhà tắm nóng lạnh, 26 quầy dịch vụ: ăn nhanh, giải khát, văn phòng phẩm, quần áo, dày dép, cắt tóc gội đầu, sách, in ấn, photo, sửa chữa máy tính, đồ dùng học tập v.v. phục vụ CBVC, giảng viên và sinh viên trong trường.

Cơ sở vật chất của Nhà trường ngày một đầy đủ hơn, khang trang hơn góp phần to lớn vào sự thành công của cuộc đổi mới để hội nhập.

Tiêu chí 9.1. Thư viện của trường đại học có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy, học và nghiên cứu khoa học có hiệu quả.

1. Mô tả

Trước năm 2011, Thư viện Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp có 1.670m² diện tích xây dựng; sách và tài liệu phần lớn bằng tiếng Việt và tiếng Nga; hệ thống công nghệ thông tin kết nối kém; trình độ tin học, ngoại ngữ của cán bộ thư viện còn nhiều hạn chế. Từ năm 2011, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã đầu tư về cơ sở vật chất cho Thư viện, xây dựng thêm 01 nhà thư viện 4 tầng với diện tích xây dựng 1.800m², hiện tại tổng diện tích xây dựng thư viện là 3.470m².

Số lượng sách tham khảo trong thư viện đáp ứng đủ theo yêu cầu trong danh mục tài liệu của chương trình đào tạo; các tài liệu được cập nhật. Số lượng sách tiếng Việt khoảng 86.000 bản và đặc biệt từ năm 2012 đến nay số lượng sách tiếng Anh được đầu tư khoảng gần 3.575 bản. Các sách tiếng Anh được số hóa để phục vụ sinh viên và giảng viên một cách kịp thời. Hiện nay, qua thống kê trên phần mềm quản lý dạy và học tập E-learning của Trường 70% học phần đã sử dụng giáo trình tiếng Anh trong việc soạn bài, ra bài tập và nhiệm vụ về

nhà cho sinh viên. Một số học phần cập nhật mới chưa có tài liệu tiếng Việt, tuy nhiên giảng viên đã sử dụng sách tiếng Anh để soạn bài giảng cho sinh viên [H9.9.1.1] [H9.9.1.2].

Thư viện Nhà trường đã thực hiện khảo sát ý kiến độc giả qua website, kết quả thu được đã khẳng định Giảng viên, sinh viên hài lòng về mức độ đáp ứng của thư viện [H9.9.1.3].

Thư viện điện tử của nhà trường được nối mạng, kết nối với thư viện của các cơ sở giáo dục trong Đại học Thái Nguyên. Nhà trường có hợp đồng với Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ quốc gia để sử dụng học liệu trực tuyến Proquest Central. Hàng năm, số lượng tạp chí khoa học cung cấp từ nguồn của Proquest khoảng 500 tạp chí, đáp ứng hầu hết các lĩnh vực như Cơ khí, Điện, Điện tử, Xây dựng, Kỹ thuật ô tô và máy động lực v.v. phục vụ có hiệu quả cho công tác dạy học và NCKH [H9.9.1.4], [H9.9.4.2], [H9.9.1.5].

Việc thống kê được số lượng người đọc cũng như toàn bộ sách, tạp chí các loại tài liệu tham khảo được thực hiện bằng phần mềm ILIB. Số liệu thống kê hàng năm về lượng độc giả (là giảng viên, sinh viên), cụ thể: năm 2012: 3.640 lượt; năm 2013: 4.403 lượt; năm 2014: 4.810 lượt; năm 2015: 4.830 lượt. Bên cạnh đó số lượt tài liệu được mượn hàng năm cũng được thống kê bao gồm: năm 2011: 46.959 lượt; năm 2012: 40.102 lượt; năm 2013: 27.037 lượt; năm 2014: 18.284 lượt; năm 2015: 10.595 lượt [H9.9.1.7], [H9.9.1.6].

2. Điểm mạnh

Có đủ diện tích cần thiết cho người đọc. Có nguồn học liệu Proquest Central.

3. Tồn tại

Việc cập nhật tài liệu, sách tham khảo đặc biệt là các sách tham khảo mới còn ít.

Trình độ nghiệp vụ của cán bộ thư viện chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, nhà trường dành kinh phí phù hợp để cập nhật tài liệu, sách tham khảo mới.

Đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ của cán bộ thư viện.

5 Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 9.2. Có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo.

1. Mô tả

Hiện tại Nhà trường có 72 phòng học, trong đó có 01 giảng đường 300 chỗ ngồi, 06 giảng đường 200 chỗ ngồi và 03 giảng đường 150 chỗ ngồi, số còn lại từ 50 đến 100 chỗ ngồi; 02 xưởng thực hành, 01 Trung tâm thí nghiệm, 01 Trung tâm sáng tạo sản phẩm, 21 phòng thí nghiệm, 03 phòng máy tính, 02 phòng đa phương tiện, đáp ứng đủ theo yêu cầu thiết kế chương trình đào tạo bao gồm: 26 chuyên ngành đào tạo Đại học chính quy, 02 chương trình tiên tiến, 06 chuyên ngành đào tạo Thạc sĩ, 02 chuyên ngành đào tạo Tiến sĩ [H9.9.2.1], [H9.9.2.4].

Các phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành và thư viện được thiết kế theo các tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam, bình quân số mét vuông diện tích trên đầu người học $3,96 \text{ m}^2$ lớn hơn $0,96 \text{ m}^2$ so với quy định tối thiểu là $3,0 \text{ m}^2$ [H9.9.2.2], [H9.9.2.3].

Việc sử dụng các phòng học, phòng thực hành, thí nghiệm của nhà trường thực sự hiệu quả. Tần suất sử dụng các phòng học, phòng thực hành, thí nghiệm được thể hiện qua thời khóa biểu, nhật ký thí nghiệm, thực hành [H9.9.2.5].

Định kỳ hàng năm, Nhà trường đều có báo cáo tổng kết về nhu cầu và hiệu quả sử dụng, mức độ đáp ứng về số lượng phòng học, giảng đường lớn, phòng thí nghiệm, thực hành cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của trường. Qua số liệu thống kê khảo sát, không có ý kiến phản nản (được chính thức ghi nhận) của cán bộ, giảng viên, người học về tình trạng thiếu giảng đường, lớp học hay số lượng phòng thực hành, thí nghiệm không đáp ứng [H9.9.2.6], [H9.9.2.7]. Tuy nhiên có khoảng 50% khu vệ sinh nằm ở các công trình cũ do thiết kế trước đây chưa hiện đại cần được nâng cấp.

2. Điểm mạnh

Bình quân số mét vuông diện tích các phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành và thư viện trên đầu người học vượt theo quy định $0,96 \text{ m}^2$.

3. Tồn tại

Khoảng 50% khu vệ sinh ở các giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm do thiết kế trước đây chưa hiện đại cần được nâng cấp.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Nhà trường sẽ bổ sung kinh phí trung bình 05 tỷ đồng/năm từ nguồn thu sự nghiệp để thực hiện cải tạo, nâng cấp giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm trong đó chú trọng nâng cấp các công trình vệ sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 9.3. Có đủ trang thiết bị dạy và học để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, được đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của các ngành đang đào tạo.

1. Mô tả

Hiện nay, trên 72 phòng học và giảng đường lớn có đủ bàn ghế, máy chiếu, hệ thống chiếu sáng, quạt mát, trong đó có 10 phòng học giảng dạy theo Chương trình tiên tiến được trang bị điều hòa. Các phòng học lớn, giảng đường được trang bị hệ thống âm thanh. Trang thiết bị giảng dạy được kiểm tra định kỳ, sửa chữa thay thế kịp thời để không làm ảnh hưởng đến quá trình dạy, học. [H9.9.2.1], [H9.9.3.1].

Tính đến đầu năm 2016, tổng giá trị còn lại của thiết bị trong toàn trường là 101.426 triệu đồng với hơn 200 đầu thiết bị chuyên ngành hiện đại, nhiều thiết bị chỉ có ở những trường đại học lớn trên thế giới như: máy tạo mẫu nhanh Z510 của hãng Z-corp, hệ thống sim mở, các trung tâm gia công của hãng Mazak Nhật bản, máy cắt dây, kính hiển vi điện tử quét, hệ điều khiển DCS, bộ thí nghiệm điều khiển quá trình, mô hình nghiên cứu động cơ tự nâng 6 bậc tự do cho hệ thống tua bin phản lực v.v..[H9.9.3.2].

Để quản lý có hiệu quả trang thiết bị và đảm bảo tính chủ động trong sử

dụng, Nhà trường đã lập danh mục các trang thiết bị phục vụ dạy và học theo từng ngành đào tạo, giao cho từng đơn vị quản lý sử dụng [H9.9.2.1].

Thông qua báo cáo kiểm kê tài sản hàng năm, thời khoá biểu, nhật ký thí nghiệm, nghiên cứu khoa học, Nhà trường cùng các đơn vị đánh giá được chất lượng và theo dõi được tần suất khai thác các trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học [H9.9.3.2], [H9.9.2.5]. Nhà trường đã ban hành các quy định và hướng dẫn việc sử dụng, định kỳ bảo dưỡng và sửa chữa các trang thiết bị trong trường [H9.9.3.3]. Qua số liệu thống kê khảo sát trên 80% ý kiến phản hồi của cán bộ quản lý, giảng viên, người học đánh giá tốt về mức độ đáp ứng của trang thiết bị dạy học [H9.9.2.6].

Căn cứ nhu cầu đào tạo và NCKH, trung bình hàng năm Nhà trường đầu tư 5 tỷ đồng cho việc mua sắm trang thiết bị vật tư phục vụ công tác thí nghiệm, NCKH và định kỳ bảo trì sửa chữa [H9.9.3.4].

2. Điểm mạnh

Có 11 phòng thí nghiệm có thiết bị hiện đại.

Các thiết bị được đầu tư cho thí nghiệm luôn trong tình trạng hoạt động tốt, được sử dụng có hiệu quả trong nghiên cứu khoa học, phục vụ làm ra các sản phẩm thật.

3. Tồn tại

Một số bài thí nghiệm, thiết bị phục vụ học tập và NCKH cần được nâng cấp nhưng do thiếu kinh phí nên chưa thực hiện được.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Nhà trường tiếp tục đầu tư từ nguồn thu sự nghiệp khoảng 5 tỷ đồng để đầu tư mua sắm mới, sửa chữa thiết bị, vật tư phục vụ công tác thí nghiệm và NCKH.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 9.4. Cung cấp đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và quản lý.

1. Mô tả

Trong 5 năm trở lại đây, việc ứng dụng công nghệ thông tin tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã đi vào chiều sâu và mang lại nhiều hiệu quả to lớn.

Nhà trường có 264 bộ máy tính dùng cho sinh viên, Số lượng máy tính cấp cho khối phòng ban là 263 bộ, toàn bộ máy tính được kết nối với hệ thống mạng [H9.9.4.1].

Hệ thống Cơ sở hạ tầng mạng gồm 11 máy chủ với cấu hình mạnh, 11 đường truyền cáp quang FTTH tốc độ cao (60Mb/giây), đường truyền Internet trực tiếp leased-line (10 Mb/giây) cùng hệ thống cáp quang được lắp đặt tới tất cả các phòng, khoa và kí túc xá sinh viên [H9.9.4.2].

Trên tất cả các giảng đường đều được trang bị máy chiếu, ở văn phòng các khoa chuyên môn, các phòng thí nghiệm được trang bị máy tính, máy chiếu và máy in theo yêu cầu của thiết kế chương trình đào tạo và yêu cầu quản lý của nhà trường [H9.9.2.1].

Hệ thống mạng Tại thư viện, giảng đường, ký túc xá và hội trường lớn sinh viên có thể truy cập wifi miễn phí phục vụ cho công tác học tập và nghiên cứu.

Hệ thống phần mềm quản lý gồm: 30 website của trường và các đơn vị trực thuộc; website E-learning cho giảng viên và sinh viên với hơn 4.000 lượt truy cập mỗi ngày, hệ thống phần mềm Edusoft phục vụ cho hệ thống đào tạo tín chỉ của trường [H.9.9.4.3].

Trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học nhà trường trang bị các phần mềm chuyên dụng có bản quyền cho giảng viên và sinh viên như phần mềm thiết kế CATIA, phần mềm gia công cắt gọt trên các máy CNC, máy phân tích quang phổ, rôbot hàn, các roobôt chuyên dụng .v.v..

Tất cả cán bộ, giảng viên và sinh viên đều được cấp tài khoản email theo tên miền của Nhà trường để phục vụ cho công tác trao đổi thông tin.

Với số lượng máy tính hiện có phục vụ chung cho sinh viên, nhà trường thiết lập 2 phòng thiết bị đa năng kết nối mạng internet để sinh viên có thể tìm kiếm, trao đổi tài liệu phục vụ cho các hoạt động học tập và NCKH. Nhà trường

còn trang bị 1 phòng học trực tuyến với nước ngoài [H9.9.4.4].

Để quản lý có hiệu quả thiết bị tin học, Nhà trường đã có văn bản quy định việc quản lý, trang bị mới, khấu hao tài sản, thay thế máy tính và các thiết bị điện tử dùng cho tin học hoá việc dạy/học, nghiên cứu khoa học và quản lý của trường [H9.9.4.5].

Nhà trường đã có văn bản quy định chức năng và nhiệm vụ cho đơn vị phụ trách việc quản trị và duy trì hệ thống mạng cũng như các máy tính trong trường, văn bản quy định hướng dẫn việc sử dụng máy tính, mạng intranet và mạng Internet của trường [H9.9.4.6], [H9.9.4.7].

Với hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến, công tác tin học hóa trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học cũng như công tác quản lý được đánh giá là có hiệu quả thể hiện qua các hội nghị giao ban, hội nghị cán bộ viên chức hàng năm của Nhà trường [H9.9.4.8].

2. Điểm mạnh

Có 7 đường truyền tốc độ cao phục vụ mạng Internet miễn phí cho toàn bộ Kí túc xá sinh viên.

3. Tồn tại

Một số cơ sở dữ liệu trong các phần mềm chưa được tích hợp tổng thể chẳng hạn phần mềm quản lý đào tạo, quản lý khoa học và quản lý nhân sự.

4. Kế hoạch hành động

Thực hiện nâng cấp và tích hợp toàn bộ hệ thống phần mềm trong nhà trường trong năm 2017.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 9.5. Có đủ diện tích lớp học theo quy định cho việc dạy và học; có ký túc xá cho người học, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú; có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao theo quy định.

1. Mô tả

Số phòng học trong trường là 72 phòng, với tổng diện tích sàn xây dựng

là: 15.217 m², đáp ứng cho trên 4.000 chỗ ngồi/ca. Diện tích giảng đường, lớp học đảm bảo theo TCVN 3981:1985 trung bình từ 0,9 m²/chỗ ngồi đến 1,5 m²/chỗ ngồi cho các loại giảng đường từ 50 chỗ đến 500 chỗ.

Nhà trường có 21 phòng thí nghiệm và 02 xưởng thực hành, 01 trung tâm sáng tạo sản phẩm với tổng diện tích sàn xây dựng là: 9.379 m²; 02 thư viện với tổng diện tích sàn xây dựng là: 3.470 m². Tổng diện tích xây dựng phục vụ trực tiếp cho giảng dạy: 28.066 m², đảm bảo diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ công tác giảng dạy là: 3,96 m²/1 sinh viên [H9.9.5.1], [H9.9.5.2], [H9.9.5.3], [H9.9.2.4].

Ký túc xá sinh viên có 480 phòng với tổng diện tích sàn là: 21.012 m², đáp ứng tối đa cho 3.500 chỗ ở cho sinh viên, các phòng được xây dựng khép kín, khu vệ sinh đầy đủ thiết bị; có đủ giường liên bàn học; điện chiếu sáng, mạng Internet, nước uống miễn phí. Trung bình hàng năm số lượng sinh viên đăng ký nhu cầu ở ký túc xá dưới 3.500 sinh viên. Ở các nhà ký túc xá được trang bị đầy đủ phương tiện PCCC theo yêu cầu. [H9.9.5.4], [H9.9.5.5].

Nhà ăn tập thể phục vụ CBVC và sinh viên có diện tích 1.200m², do được trang bị tốt và thường xuyên làm tốt công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm soát chặt chẽ thực phẩm đầu vào cho nên đảm bảo được chất lượng phục vụ, đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh của Bộ Y tế [H9.9.5.6].

Sân bãi cho các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao với tổng diện tích: 19.557 m², gồm: 01 sân đất bóng đá có diện tích 10.000 m² và 02 sân bóng chuyên; 02 sân bóng rổ; 02 sân tennis; 02 sân bóng đá cỏ nhân tạo và các sân chơi khác có tổng diện tích xây dựng 9.557 m²; tổng diện tích sân bãi cho các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao đạt tỷ lệ 2,56 m²/01 sinh viên [H9.9.5.7], [H9.9.5.8].

Nhà trường đã đầu tư 01 sân khấu ở hội trường lớn, 01 sân khấu ngoài trời ở Quảng trường Cơ - Điện được trang bị hệ thống ánh sáng và dàn âm thanh đáp ứng được nhu cầu văn hóa, văn nghệ quần chúng. Thành lập 15 câu lạc bộ hoạt động về thể thao văn hóa văn nghệ. Các công cụ, dụng cụ thể dục, thể thao phục

vụ học tập và rèn luyện được Nhà trường cung cấp đầy đủ, thường xuyên và giao cho bộ môn Giáo dục thể chất chịu trách nhiệm quản lý [H9.9.5.9], [H9.9.2.7].

Hàng năm, Nhà trường có Báo cáo tổng kết và đánh giá về điều kiện môi trường, an ninh, an toàn của ký túc xá [H9.9.5.11]. Qua số liệu thống kê khảo sát trên 80% ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên, người học đánh giá đạt về mức độ hài lòng đối với điều kiện học tập, sinh hoạt và phục vụ các hoạt động thể dục thể thao văn nghệ và trên 70% ý kiến đánh giá tốt về điều kiện môi trường, an ninh, an toàn ký túc xá (có khoảng 30% không ý kiến gì [H9.9.2.6].

2. Điểm mạnh

Có diện tích xây dựng trên đầu người học vượt quy định $0,96 \text{ m}^2$; chỗ ở ký túc xá vượt nhu cầu nội trú; sân chơi thể dục, thể thao và văn hóa văn nghệ vượt yêu cầu.

3. Tồn tại

Chưa xây dựng được sân vận động quy chuẩn quốc gia, bể bơi.

4. Kế hoạch hành động

Trong giai đoạn tiếp theo đến năm 2020, bằng nguồn thu sự nghiệp và bằng nguồn đầu tư của Nhà nước, Nhà trường thực hiện kế hoạch giải phóng mặt bằng và xây dựng sân vận động quy chuẩn quốc gia, bể bơi.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 9.6. Có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu theo quy định.

1. Mô tả

Trên cơ sở quy hoạch tổng thể và kế hoạch xây dựng các năm tiếp theo [H9.9.6.1], Nhà trường đã xây dựng được các công trình thuộc các khu vực chức năng như sau:

Nhà làm việc của Ban Giám hiệu và các phòng chức năng, các trung tâm có tổng diện tích sàn xây dựng là: 6.033 m^2 . Trong đó có các phòng làm việc riêng của Ban Giám hiệu, trưởng các phòng ban chức năng, trung tâm 1 người/1

phòng có diện tích từ 20-60 m²; các phòng làm việc riêng của mỗi bộ phận (phòng/ban) đảm bảo 1 người/6-10 m². Ngoài ra còn có các phòng họp chung, phòng làm việc cho các tổ chức đoàn thể, phòng tiếp dân v.v. Toàn bộ các phòng làm việc được trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết theo yêu cầu [H9.9.6.2].

Nhà làm việc của các khoa và giảng viên có tổng diện tích sàn xây dựng là: 10.473 m² (05 nhà 4 tầng). Trong đó bố trí các phòng làm việc riêng cho Giáo sư, Phó Giáo sư và Tiến sĩ: 1 người/1 phòng có diện tích 20 m², các phòng làm việc cho lãnh đạo khoa: 1 người/1 phòng có diện tích 20 m², các phòng làm việc riêng của Giảng viên có trình độ Thạc sĩ, Kỹ sư và phòng làm việc của nghiên cứu sinh, học viên cao học: 2 người/một phòng có diện tích 20 m², có phòng làm việc cho cán bộ văn phòng khoa. Toàn bộ các phòng làm việc được trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết như bàn, ghế làm việc cho giảng viên và tiếp sinh viên, quạt mát, bảng viết, tủ tài liệu. Ngoài ra còn có các phòng họp chung cho các khoa được trang bị đầy đủ bàn ghế, điều hòa, máy chiếu, bảng v.v. để các khoa tổ chức các hội nghị, hội thảo và sinh hoạt. Các cán bộ và nhân viên cơ hữu công tác tại các đơn vị như Thư viện, nhà tuyển sinh, ký túc xá, trạm xá cũng có đủ số phòng làm việc theo quy định của Nhà trường [H9.9.6.3], [H9.9.6.4].

Toàn bộ việc bố trí, phân chia sử dụng, quy định về diện tích các phòng làm việc trong trường cho các phòng chức năng và cho cán bộ các khoa/trung tâm được thực hiện theo Quyết định của Hiệu trưởng nhà trường và đơn vị chức năng chịu trách nhiệm quản lý, trang bị, mua mới hoặc thay thế sửa chữa các thiết bị theo các Quy định là phòng Quản trị - Phục vụ [H9.9.6.5].

Phòng Quản trị - Phục vụ xây dựng sơ đồ các phòng làm việc có gắn biển hiệu bên ngoài (có diện tích và mô tả hệ thống thiết bị bên trong) [H9.9.6.6], thống kê vào sổ tài sản tổng diện tích, số lượng và tỷ lệ diện tích phòng làm việc trên tổng số cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu theo từng phòng, khoa, trung tâm trong trường và lập danh mục các trang thiết bị được lắp đặt trong các

phòng làm việc [H9.9.6.7], [H9.9.6.8].

2. Điểm mạnh

Trường là một trong số ít trường đại học trong cả nước trang bị cho Giáo sư, Phó Giáo sư và Tiến sĩ: 1 người/1 phòng có diện tích 20 m², các phòng làm việc của Giảng viên có trình độ Thạc sĩ, Kỹ sư: 2 người/một phòng có diện tích 20 m².

3. Tồn tại

Không

4. Kế hoạch hành động

Bằng các nguồn thu sự nghiệp, hàng năm Nhà trường có kế hoạch cải tạo, nâng cấp diện tích nhà làm việc hiện có và trang bị thêm các trang thiết bị trong các phòng làm việc.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 9.7. Có đủ diện tích sử dụng đất theo quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-85. Diện tích mặt bằng tổng thể đạt mức tối thiểu theo quy định.

1. Mô tả

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên được thành lập theo Quyết định số 164/CP ngày 19/8/1965 của Thủ tướng Chính phủ. Ngày 12 tháng 01 năm 1971 Thủ tướng chính phủ đã có Quyết định số 12/ TTg về việc cấp 50 ha đất trên địa bàn xã Tích Lương – TP. Thái Nguyên để xây dựng trường trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp [H9.9.7.1]. Tuy nhiên do khó khăn về kinh phí, cho đến nay Nhà trường mới đền bù giải phóng mặt bằng được 35 ha. số diện tích này đã vượt chuẩn 25 m²/1 sinh viên.

Theo quy hoạch đã được phê duyệt [H9.9.7.2].

- Khu Thư viện nghiên cứu học tập	1,3 ha	chiếm 4,18%
- Khu hiệu bộ, làm việc các khoa	3,486 ha	chiếm 11,13%
- Khu giảng đường, học tập, xưởng trường	9,217 ha	chiếm 29,50%
- Khu TĐTT, cây xanh mặt nước	8,168 ha	chiếm 26,06%
- Khu ký túc xá, các công trình phục vụ	4,879 ha	chiếm 15,57%

- Đường giao thông và quảng trường	4,251 ha	chiếm 13,56%
	31,344 ha	100%

Trên cơ sở Quy hoạch chi tiết và Quyết định phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng, sửa chữa hàng năm [H9.9.7.3], Nhà trường đã xây dựng các công trình đúng quy hoạch, đảm bảo tính độc lập tương đối của từng khu vực và tính thống nhất của từng khu chức năng với tổng thể chung của nhà trường phù hợp quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-85.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có diện tích đạt trên 40 m²/1 sinh viên (theo Quy định phải đạt 25 m²/1 sinh viên).

3. Tồn tại

Một số diện tích đất thuộc các khu chức năng dành cho xây dựng mở rộng nhà xưởng, sân vận động chưa giải phóng được mặt bằng.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường xây dựng kế hoạch chiến lược đến năm 2020 sẽ hoàn thành công tác đền bù giải phóng mặt bằng đã được cấp trên có thẩm quyền phê duyệt.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.8. Có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất trong kế hoạch chiến lược của trường.

1. Mô tả

Từ năm 2010, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020, trong đó có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất kèm theo sơ đồ quy hoạch tổng thể xây dựng của Trường đã được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt [H9.9.8.1], [H9.9.8.2], [H9.9.8.3].

Nội dung chính của việc quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất của nhà trường theo các giai đoạn 2015-2020 như sau:

- Đầu tư các công trình xây dựng: ký túc xá: 8.000 m², phòng thí nghiệm: 2.000 m², Hội trường lớn: 1.000 chỗ ngồi, Thư viện nghiên cứu: 5.000 m².

- Đầu tư trang thiết bị:

+ Dự án đầu tư phòng thí nghiệm đào tạo chất lượng cao về cơ khí (36 tỷ)

+ Đầu tư bổ sung thiết bị bằng nguồn vốn tự có hàng năm (10 tỷ)

Các công trình xây dựng sẽ được đầu tư xây dựng theo quy hoạch tổng thể đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đến năm 2016, Nhà trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo cấp 35 tỷ để xây dựng Hội trường lớn; 32 tỷ để xây thư viện; Đồng ý về chủ trương cấp vốn xây dựng thêm ký túc xá vào năm 2018. Về đầu tư thiết bị Nhà trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo đồng ý về chủ trương cấp 30 tỷ để đầu tư Dự án đầu tư phòng thí nghiệm đào tạo chất lượng cao về cơ khí [H9.9.8.4].

Hàng năm thông qua hội nghị CBVC, báo cáo công tác Quản trị - Phục vụ và báo cáo tổng kết thực hiện kế hoạch tài chính nhà trường đã định kỳ đánh giá được việc thực hiện quy hoạch tổng thể [H9.9.8.5].

Trên cơ sở quy mô và nhiệm vụ phát triển của nhà trường qua từng thời kỳ, Nhà trường đã có báo cáo, đề nghị các cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể và điều chỉnh kế hoạch chiến lược phát triển cơ sở vật chất của trường [H9.9.8.6].

2. Điểm mạnh

Quy hoạch tổng thể của Trường đến năm 2020 có tính khả thi cao.

3. Tồn tại

Một số hạng mục trong quy hoạch của Nhà trường đến năm 2020 có thể không thực hiện được 100% do sự phát triển kinh tế - xã hội bị giảm sút.

4. Kế hoạch hành động

Chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng xây dựng các dự án đầu tư để thực hiện quy hoạch. Nhà trường giao cho Ban dự án thực hiện dự án đến năm 2020.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 9.9. Có các biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.

1. Mô tả

Nhà trường đã ban hành các Quyết định thành lập các bộ phận: Tổ Bảo vệ chuyên trách; Đội dân quân tự vệ; Đội phòng cháy chữa cháy và Đội sinh viên tự quản thực hiện nhiệm vụ bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học, trong đó nòng cốt là Tổ Bảo vệ [H9.9.9.1].

Nhà trường đã ban hành văn bản quy định chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của Tổ Bảo vệ, định biên đủ số lượng nhân viên bảo vệ và trang bị phương tiện cần thiết cho Tổ Bảo vệ phục vụ công tác [H9.9.9.2], [H9.9.9.3].

Nội quy bảo vệ cơ quan đã được Nhà trường ban hành và công bố tại các khu vực công cộng trong trường [H9.9.9.4]

Đội phòng cháy, chữa cháy (PCCC) của nhà trường hàng năm được Công an TP Thái Nguyên tập huấn về công tác PCCC, lập phương án PCCC trong toàn trường. Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị PCCC theo yêu cầu (bơm, bình cứu hỏa và các tiêu lệnh PCCC) ở những khu vực cần thiết [H.9.9.9.5], [H.9.9.9.6].

Vào tuần giáo dục Công dân hàng năm, Nhà trường tổ chức triển khai các hoạt động tuyên truyền giáo dục các qui định, thông tư của Nhà nước về pháp luật, công tác đảm bảo an ninh, an toàn xã hội v.v. đến người học. Nhà trường cũng đã ban hành các nội quy, quy định về trật tự, nề nếp sinh hoạt, học tập đối với người học và cán bộ viên chức trong Trường [H9.9.9.4].

Hàng năm, Nhà trường đã ký kết Quy chế phối hợp đảm bảo an ninh, trật tự trường học với công an phường, trước khi tổ chức các hoạt động lớn, Nhà trường đều có công văn thông báo và yêu cầu lực lượng công an các cấp triển khai phương án bảo đảm an ninh trật tự [H9.9.9.7].

Vào dịp cuối năm Nhà trường đều phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức hội nghị đánh giá công tác an toàn, an ninh trong trường, cụ thể Hội nghị tổng kết công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ Quốc; Hội nghị tổng kết công tác sinh viên nội ngoại trú. Các báo cáo năm đánh giá công tác an toàn, an ninh trong trường. Các danh hiệu được tặng: 02 tập thể được tặng Giấy khen và 01 cá nhân được tặng bằng khen về công tác xây dựng

phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc [H9.9.9.8].

Nhà trường quan tâm đến việc xây dựng hệ thống tường rào tại các cơ sở đào tạo, tạo ranh giới giữa trụ sở Nhà trường và khu dân cư, trang bị hệ thống camera an ninh tại ký túc xá, chỉ đạo kịp thời công tác bảo vệ tài sản về người và vật chất khi điều kiện thời tiết không thuận lợi và có diễn biến phức tạp.

2. Điểm mạnh

Trong 5 năm qua tài sản của Nhà trường cơ bản được đảm bảo, không có mất mát, trộm cắp, đánh nhau nghiêm trọng xảy ra.

Được trao tặng 02 Giấy khen tập thể, 01 Bằng khen cá nhân về công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

3. Tồn tại

Việc thực hiện Quy định sinh viên đeo thẻ khi đến nơi học tập, làm việc chưa được sinh viên chấp hành triệt để và sự giám sát của các bộ phận chức năng chưa được chặt chẽ.

4. Kế hoạch hành động

Tăng cường tuyên truyền cho sinh viên việc thực hiện đeo thẻ theo quy định và tăng cường khâu giám sát, nhắc nhở của các bộ phận chức năng.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

1. Điểm mạnh nổi bật

+ Thư viện có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng có hiệu quả. Trang thiết bị dạy, học, NCKH được đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả.

+ Các giảng đường lớn nhỏ, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học đủ và dư so với yêu cầu và sử dụng hiệu quả.

+ Hệ thống đường xá, sân bãi cho các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao được đáp ứng đầy đủ cho các hoạt động.

+ Cán bộ, giảng viên và nhân viên có đủ phòng làm việc cho các cơ hữu theo quy định, đặc biệt tất cả giảng viên có phòng làm việc riêng.

2. Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Ký túc xá còn thiếu, các hạng mục xây dựng ở Ký túc xá còn chưa được nâng cấp đầy đủ.

Số lượng và chất lượng trang bị cho các phòng giảng viên chưa được nâng cấp thường xuyên do kinh phí còn hạn chế.

Một số thiết bị hiện đại chưa được khai thác một cách có hiệu quả.

3. Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 9/9

Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính (3 tiêu chí)

Mở đầu

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp là đơn vị hành chính sự nghiệp công lập có thu tự bảo đảm một phần kinh phí hoạt động thực hiện theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính.

Công tác quản lý thu, chi tài chính thực hiện theo đúng các quy định của Nhà nước, tuân thủ Luật kế toán, Luật ngân sách nhà nước, quản lý chặt chẽ các nguồn tài chính, thu chi rõ ràng, minh bạch, công khai. Các khoản chi đảm bảo hiệu quả, đúng mục đích, đúng chế độ chính sách theo chủ trương tiết kiệm, chống lãng phí. Công tác lập kế hoạch được chuẩn hóa theo đúng quy định.

Tiêu chí 10.1. Có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được các nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường.

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp là đơn vị hành chính sự nghiệp công lập thực hiện theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ [H10.10.1.1] và thực hiện theo Quyết định số 379/QĐ-ĐHTN ngày 11/4/2013 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động giai đoạn 2011-2013 [H10.10.1.2]. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2010-2015 tầm nhìn đến năm 2020 đã thể hiện giải pháp và kế hoạch tự chủ của Nhà trường [H1.1.1.1].

Công tác hạch toán kế toán của Nhà trường được thực hiện theo Quyết định số 19/2016/QĐ-BTC về “Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp” và các văn bản pháp luật có liên quan [H10.10.1.9]. Kết quả xét duyệt quyết toán hàng năm của Đại học Thái Nguyên [H10.10.2.9, H10.10.2.10] và kết quả kiểm toán năm 2012 khẳng định các nguồn thu của Nhà trường là hoàn toàn đúng các quy định.

Căn cứ kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường và Quy chế chi tiêu nội bộ, thực trạng phát triển kinh tế xã hội của đất nước, của địa phương và kế

hoạch đào tạo hàng năm Nhà trường đã xây dựng kế hoạch dự toán và phân tích các kế hoạch để tăng nguồn thu hợp pháp để đáp ứng các hoạt động của Nhà trường [H10.10.1.7], [H10.10.1.8]. Đồng thời căn cứ nguồn thu và kế hoạch phát triển của Nhà trường, Nhà trường đã có điều chỉnh quy chế chi tiêu nội bộ và kế hoạch chi tiết cho phù hợp tình hình thực tế từng giai đoạn thông qua hội nghị CBVC, hội nghị cán bộ chủ chốt của Nhà trường [H1.1.1.10], [H1.1.2.10], [H10.10.1.12].

Các nguồn tài chính của Nhà trường [H10.10.1.3], [H10.10.1.4], [H10.10.1.5], [H10.10.1.6] bao gồm: Nguồn ngân sách Nhà nước (NSNN) cấp hàng năm; các khoản thu phí lệ, phí; Các nguồn thu sự nghiệp khác.

Bảng tổng hợp nguồn thu từ năm 2011 đến năm 2015

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Tổng cộng	Tỷ lệ bình quân
		Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)		
1	NSNN cấp	30.795	27,1	34.497	25,8	32.056	29,3	26.170	16,6	27.759	22,1	151.277	23,6
2	Thu sự nghiệp	74.144	65,2	99.067	74,0	77.367	70,6	130.874	83,3	97.989	77,9	479.441	74,9
	<i>Tr.đó: Cấp bù học phí</i>	5.040	4,4	2.051	1,5	1.702	1,6	9.115	5,8	1.989	1,6	19.897	3,1
3	Liên kết đào tạo quốc tế	8.693	7,7	285	0,2	88	0,1	151	0,1	118	0,1	9.335	1,5
	Cộng	113.632		133.849		109.511		157.195		125.866		640.054	

Trong năm năm qua nguồn thu học phí, lệ phí và thu sự nghiệp khác của Nhà trường tăng dần và chiếm tỷ trọng cao trong tổng cơ cấu thu, bình quân năm năm chiếm 76,4%, còn lại NSNN cấp chiếm 23,6%. Tỷ lệ này khẳng định vai trò tự chủ về tài chính của Nhà trường đạt hiệu quả cao.

Hàng năm, Nhà trường đã tổ chức hội nghị công tác tài chính để đánh giá các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác [H10.10.1.10], [H10.10.1.11]. Những ý kiến phản hồi trong các hội nghị này đều cho thấy công tác Tài chính cơ bản đều được đáp ứng.

2. Điểm mạnh

Nguồn thu của Nhà trường đa dạng.

Nguồn thu sự nghiệp chiếm 76,4% tổng nguồn thu của Nhà trường

3. Tồn tại

Chưa tạo được nguồn thu sự nghiệp về liên kết quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017 Nhà trường đã có kế hoạch giao phòng KH-CN và HTQT xây dựng các trương trình, dự án phối hợp NCKH với nước ngoài, để khai thác hiệu quả các nguồn hỗ trợ từ đối tác quốc tế.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 10.2. Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính trong trường đại học được chuẩn hoá, công khai hoá, minh bạch và theo quy định.

1. Mô tả

Công tác lập kế hoạch tài chính hàng năm được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước và hướng dẫn của Đại học Thái Nguyên [H10.10.2.1], [H10.10.2.2]. Nhà trường thông báo giao nhiệm vụ cho các đơn vị chức năng triển khai xây dựng kế hoạch dự toán [H10.10.2.3]. Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, hàng năm các đơn vị xây dựng kế hoạch dự toán, phòng Kế hoạch – Tài chính tổng hợp nhu cầu, nhiệm vụ của các đơn vị, dự kiến kế hoạch dự toán và tổ chức Hội nghị, trên cơ sở kết quả hội nghị Nhà trường lập kế hoạch dự toán trình Đại học Thái Nguyên thẩm định phê duyệt theo quy định [H10.10.1.3], [H10.10.1.8], [H10.10.2.4].

Kế hoạch dự toán thu, chi NSNN hàng năm đều được Nhà trường cân đối hợp lý, chi tiêu chặt chẽ và tổ chức hội nghị đánh giá tổng kết việc thực hiện kế hoạch và xây dựng kế hoạch, giải pháp thực hiện cho năm sau. [H10.10.1.10], [H10.10.1.11], [H10.10.2.5].

Công tác quản lý tài chính được thực hiện theo đúng các quy định của Nhà nước, Đại học Thái Nguyên, Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường (được

điều chỉnh hàng năm) [H1.1.1.10] và được tin học hóa thông qua sử dụng các phần mềm chuyên dụng [H10.10.2.6], [H10.10.2.12], nhờ việc tin học hóa nên công tác kế toán đảm bảo tính chính xác, phục vụ cho việc lập báo cáo theo đúng quy định hiện hành.

Công tác quản lý tài chính của Nhà trường được tổ chức hạch toán kế toán và lập báo cáo quyết toán [H10.10.1.9], thực hiện chế độ tự kiểm tra tài chính, kế toán theo đúng quy định hiện hành [H10.10.2.9]. Dự toán thu, chi NSNN và báo cáo công khai tài chính được thông báo công khai, minh bạch trên Website và trước hội nghị CBVC, hội nghị họp giao ban,... [H10.10.2.7], [H10.10.2.8].

Năm năm qua Đại học Thái Nguyên đã thẩm định xét duyệt quyết toán và Kiểm toán Nhà nước kết luận Nhà trường đã thực hiện và chấp hành tốt công tác lập kế hoạch và quản lý tài chính đảm bảo theo đúng quy định [H10.10.2.10], [H10.10.2.11].

2. Điểm mạnh

Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính được chuẩn hoá, công khai, minh bạch và đáp ứng yêu cầu các hoạt động khác của Nhà trường.

3. Tồn tại

Kế hoạch và dự toán kinh phí cho hoạt động NCKH và dự toán kinh phí học bổng cho sinh viên còn thấp so với quy định của Nhà nước.

4. Kế hoạch hành động

Thực hiện xây dựng kế hoạch dự toán kinh phí cho hoạt động NCKH và học bổng cho sinh viên theo đúng quy định của Nhà nước.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 10.3. Đảm bảo sự phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các bộ phận và các hoạt động của trường.

1. Mô tả

Công tác phân bổ tài chính được thực hiện theo đúng quy trình của Nhà nước, Đại học Thái Nguyên và của Nhà trường. Căn cứ kinh phí NSNN cấp, kế hoạch dự toán thu của Nhà trường, dự toán của các đơn vị, Nhà trường dự kiến

phân bổ và tổ chức hội nghị xây dựng kế hoạch dự toán để phân bổ kinh phí cho các hoạt động và hoàn thiện kế hoạch dự toán trình Đại học Thái Nguyên phê duyệt [H10.10.2.4]. Trong năm năm qua kinh phí phân bổ cho hoạt động đào tạo chiếm 71,6% (trong đó kinh phí phân bổ cho hoạt động hợp tác quốc tế và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giảng viên chiếm 6,2%), đầu tư cơ sở vật chất chiếm 17,1%, tuy nhiên tỷ lệ kinh phí phân bổ cho NCKH và quỹ học bổng sinh viên còn thấp so với quy định (chi tiết theo phụ lục 4).

Để quản lý và sử dụng tài chính hợp lý, Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ (điều chỉnh hàng năm) [H1.1.1.10], quy định về thu, chi thực hiện chương trình tiên tiến [H10.10.1.8], quy chế chi tiêu nội bộ về đào tạo NCS trong nước theo đề án 911 [H10.10.3.1]. Nguồn thu sự nghiệp của Nhà trường được sử dụng đúng mục đích và hợp lý phục vụ tốt các hoạt động của Nhà trường, tỷ trọng kinh phí được sử dụng dành cho NCKH còn thấp so với quy định nguyên nhân là do các chủ nhiệm đề tài thực hiện thanh quyết toán hàng năm chậm hơn so với tiến độ thuyết minh đề tài đã được phê duyệt (chi tiết theo phụ lục 5).

Công tác hạch toán kế toán, lập báo cáo quyết toán hàng năm được thực hiện theo đúng quy định [H10.10.1.9] và được thông báo công khai minh bạch trên Website và trước hội nghị CBVC, hội nghị hợp giao ban,...[H10.10.3.3]. Nhà trường đã thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính theo đúng quy định [H10.10.2.9].

Hàng năm Đại học Thái Nguyên đã thẩm định xét duyệt quyết toán và kết luận Nhà trường đã thực hiện và chấp hành tốt công tác phân bổ và sử dụng lý tài chính đảm bảo theo đúng quy định hiện hành [H10.10.2.10]. Từ năm 2011 đến năm 2015 kiểm toán Nhà nước đã thực hiện kiểm toán năm tài chính 2012 và kết luận Nhà trường đã thực hiện và chấp hành tốt công tác phân bổ, sử dụng và quản lý tài chính đảm bảo theo đúng quy định hiện hành [H10.10.2.11].

2. Điểm mạnh

Nguồn tài chính của Nhà trường được phân bổ và sử dụng cho hoạt động đào tạo chiếm 74,2%.

Các nguồn tài chính của Nhà trường được phân bổ, sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm và được thực hiện công khai, minh bạch theo đúng quy định hiện hành.

3. Tồn tại

Tỷ trọng kinh phí phân bổ và sử dụng cho hoạt động nghiên cứu khoa học và học bổng sinh viên còn thấp.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016 Nhà trường giao cho phòng Quản lý khoa học xây dựng và ban hành Quy định về xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở, đồng thời thực hiện lập kế hoạch và phân bổ kinh phí cho hoạt động NCKH theo đúng quy định.

Từ năm 2016 Nhà trường giao cho phòng Công tác học sinh sinh viên xây dựng quy chế xét, cấp học bổng cho sinh viên và phân bổ kinh phí học bổng cho sinh viên theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Kết luận về tiêu chuẩn 10

Trong giai đoạn 2011 - 2016 Nhà trường đã thực hiện tốt công tác tài chính và quản lý tài chính có hiệu quả cao theo đúng quy định của Nhà nước.

Nhà trường đã có các giải pháp phù hợp để tạo được hơn 76,4% nguồn thu sự nghiệp đáp ứng các hoạt động của Nhà trường. Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính được chuẩn hoá, công khai, minh bạch và đáp ứng yêu cầu các hoạt động khác của Nhà trường. Nguồn tài chính của Nhà trường được phân bổ và sử dụng cho hoạt động đào tạo chiếm 74,2%.

Kể từ năm 2017, nhiệm vụ chính của Nhà trường là phải giữ vững tỷ lệ sinh viên/giảng viên bằng 20 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Phát triển các nguồn thu hợp pháp khác đặc biệt tập trung vào nguồn thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 3/3

PHẦN IV: KẾT LUẬN

Báo cáo Tự đánh giá của Nhà trường là minh chứng để công bố với xã hội, với các cơ quan quản lý nhà nước và với người học về chất lượng giáo dục của Nhà trường.

Thông qua các hoạt động của quá trình Tự đánh giá, Nhà trường đã tự xem xét, nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành để xác định, nhìn nhận rõ về tình trạng chất lượng giáo dục, về hiệu quả của hoạt động đào tạo, về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, về nhân lực, về cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác. Từ đó Nhà trường sẽ xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng nhằm tiếp tục phát huy những điểm mạnh; điều chỉnh, khắc phục những mặt còn tồn tại; không ngừng cải tiến, đổi mới căn bản, nâng cao chất lượng giáo dục của Trường nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, đồng thời để thực hiện đúng Sứ mạng của Nhà trường đã công bố, để thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập Quốc tế.

Kết quả tự đánh giá của Nhà trường cho thấy, trong 10 tiêu chuẩn, tổng số 61 tiêu chí của Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, Trường đã đạt được 58/61 tiêu chí (chiếm 95,1%).

Hội đồng tự đánh giá của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đánh giá trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục trường đại học.

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Mã trường: DTK
Tên trường: Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp
Khối ngành: Kỹ thuật
Ngày hoàn thành tự đánh giá: 17/11/2016



Các mức đánh giá: Đ: Đạt; C: Chưa đạt; KĐG: Không đánh giá

Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học (2 tiêu chí)				6	Đ			2	C		
1	Đ			7	Đ			3	Đ		
2	Đ			Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên (8 tiêu chí)				4	Đ		
Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý (7 tiêu chí)				1	Đ			5	Đ		
1	Đ			2	Đ			6	Đ		
2	Đ			3	Đ			7	Đ		
3	Đ			4	Đ			Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế (3 tiêu chí)			
4	Đ			5	Đ			1	Đ		
5	Đ			6	Đ			2	Đ		
6	Đ			7	Đ			3	C		
7	Đ			8	Đ			Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác (9 tiêu chí)			
Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo (6 tiêu chí)				Tiêu chuẩn 6: Người học (9 tiêu chí)				1	Đ		
1	Đ			1	Đ			2	Đ		
2	Đ			2	Đ			3	Đ		
3	Đ			3	Đ			4	Đ		
4	Đ			4	Đ			5	Đ		
5	Đ			5	Đ			6	Đ		
6	C			6	Đ			7	Đ		
Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo (7 tiêu chí)				7	Đ			8	Đ		
1	Đ			8	Đ			9	Đ		
2	Đ			9	Đ			Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính (3 tiêu chí)			
3	Đ			Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ (7 tiêu chí)				1	Đ		
4	Đ			1	Đ			2	Đ		
5	Đ							3	Đ		

Tổng hợp:

- Số tiêu chuẩn có ít nhất 1 tiêu chí đạt: 0; Số tiêu chí đạt: 58/61(chiếm 95,1%);
- Số tiêu chí chưa đạt: 03/61(chiếm 4,9%); Số tiêu chí không đánh giá: 0(chiếm 0%).

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 02 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Duy Cường

